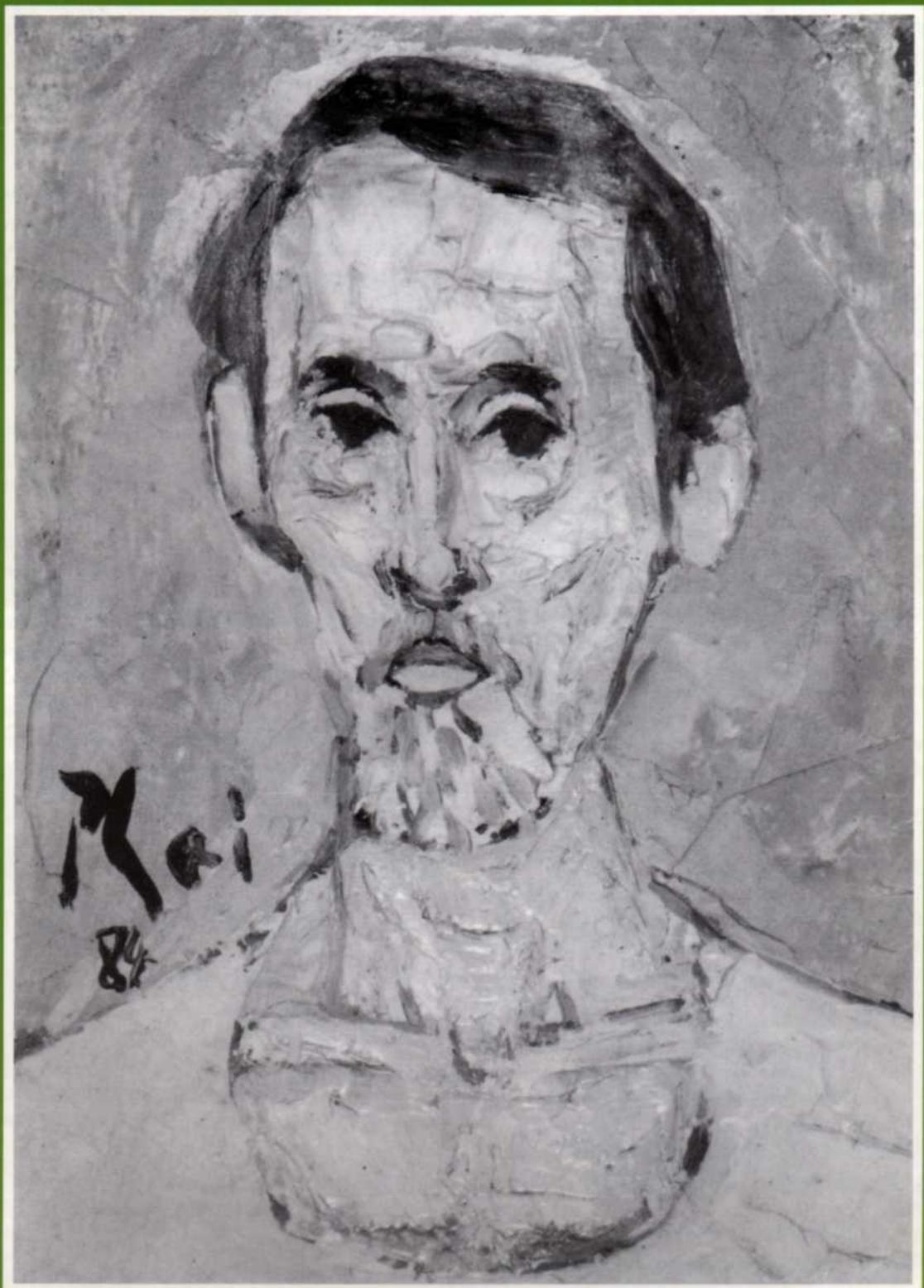


dissident

Số 78 / 1.10.1998

ISSN 1164-2378

F O R U M



Bản đọc và Diễn Đàn

To be or not to be cynic...

Bài *Việt Nam trên lưới* (Diễn Đàn số 76, tháng 7.98) cho thấy giọng điệu xinice trên trang báo có thể tới mức vô hiệu hoá những thông tin có giá trị và ích lợi mà Diễn Đàn mang tới cho bạn đọc.

Những nhận xét của tờ báo về một số *Web sites* và cung cách thực hiện ở Việt Nam làm nổi bật sự xinice nói trên, nhưng nó lại nói không trúng điểm : yếu tố chủ chốt giới hạn việc sử dụng Web ở Việt Nam là phí tổn quá cao đối với người sử dụng tiềm thè, chứ không phải là do việc dựng lên những *tường chắn* (firewall) một cách kém hiểu biết.

Tôi không có ý biện hộ cho các *.vn sites*, nhưng có lẽ, nếu có phê phán thêm về những *sites* này, thì ta nên đứng từ một góc độ khác, nhằm mục đích giúp những *sites* này được nhiều người sử dụng ở Việt Nam thâm nhập hơn. Gia tăng sử dụng Web là phương cách tốt nhất để tạo sức bật toàn diện cho tiềm năng của Web ở Việt Nam.

Qui tắc quan trọng nhất trong việc dùng Web là *caveat emptor* (người sử dụng cần cảnh giác). Bất kể tính chất mới mẻ gắn liền với Web, nó cũng không khác gì các môi giới khác : người sử dụng phải luôn luôn tiếp cận thông tin với con mắt phê phán. Điều này không chỉ áp dụng cho các *sites* tin tức và thông tin, mà đặc biệt đối với các *sites* đòi hỏi những dữ kiện cá nhân riêng tư.

Trong ý hướng đó, tôi xin đề nghị một số *sites* để theo dõi tin tức và thông tin về Việt Nam (chỉ thu hẹp vào lãnh vực tiếng Anh) :

1) <home.vnn.vn> là một điểm thuận tiện để truy cập tin tức và thông tin chính thức về Việt Nam. Từ đó, bạn có thể nối vào *Thời báo Kinh tế Việt Nam* <www.vneconomy.com.vn/Publications/TBKTvn>, *Diễn đàn Công nghệ Thông tin* (Information Technology Forum) <www.vnn.vn/webforum>, hay *Thông tấn xã Việt Nam* (Vietnam News Agency), và nhiều thứ khác. Các *Webmasters* của Việt Nam có vẻ rất mê các công nghệ và trò chơi mới, nên trên các trang *web*, họ

chồng chất những biểu đồ và ngôn ngữ vô bổ, thành ra muôn gọi lên để đọc thì phải đợi rất lâu và dễ chán, đó là không nói rằng phần lớn những người dùng máy ở Việt Nam lại chỉ có những *modem* chậm.

2) AFP có <www.afp.com/go/francais/pays/vietnam/simple> để loan tin ngắn bằng Pháp ngữ, và <www.afp.com/go/english/countries/vietnam/light> bằng Anh ngữ.

3) Tờ *South China Morning Post* <www.scmp.com/news/asia/topasia.idc> thỉnh thoảng có những bài liên quan đến Việt Nam.

4) Dùng CNN Custom News <customnews.cn.com> hay Yahoo <my.yahoo.com>, người sử dụng có thể gắn những bộ lọc để chọn đọc những bài liên quan về những chủ đề đặc biệt nào đó. Yahoo đưa tin của Reuters; CNN tin AP, InterPress, Xinhua (Tân Hoa Xã).

5) Nikkei <www.nikkeibp.asiabiztech.com> có một phái viên ngay tại Việt Nam để lấy tin về công nghệ thông tin.

Cuối cùng, tôi thách *Diễn Đàn* mở *Website* riêng của mình. Giờ đây, việc này không còn là vấn đề phí tổn và trữ năng nữa, vì những *sites* cộng đồng như <www.xoom.com> và <www.tripod.com> cung cấp miễn phí cho người dùng 11 megabytes trong đĩa lưu trữ, cùng với một URL gần như do bạn tự chọn.

Trân trọng,

James Do (*California*, Hoa Kỳ)

✉ Trước hết, xin cảm ơn anh đã cung cấp thêm nhiều thông tin về các *Web sites* liên quan tới Việt Nam, và cũng (gần như hoàn toàn) đồng ý với anh khi anh đánh giá rằng một "yếu tố chủ chốt giới hạn việc sử dụng Web ở Việt Nam" là phí tổn quá cao cho người sử dụng. Chỉ xin thêm chữ "một" đằng trước vì, thú thực với anh, khó quên được cái yếu tố chính trị kia (mà chắc rằng sự nhấn mạnh trong bài – với một giọng mỉa mai – đã làm anh nổi giận ?). Đằng và nhà nước hoàn toàn nắm trong tay khả năng thuyết phục người khác rằng thật sự không có yếu tố nào khác ngoài kinh tế làm chậm trễ sự phát triển Internet ở Việt Nam. Vấn đề là, sự việc chưa diễn ra như thế ...

H.V.

Bao giờ ăn Tết Công gô

Tôi rất thông cảm với hoàn cảnh của anh M. Giang (*Diễn Đàn* số 77) vừa bên vợ bên chồng lại còn bị thêm bên này bên kia.

Vì tôi cũng đã từng cùng với bè bạn hai bên tổ chức những

Festival d'Automne de Paris
création
TOUT CONTRE
chorégraphie
d'Emmanuelle HUYNH Thanh Loan
avec Dimitri CHAMBALAS et
E. HUYNH Thanh Loan
Maison des Arts de Créteil
du mardi 8 au samedi 12 décembre 1998, à 21h

Réservation : Service Location, Festival d'Automne à Paris, 156 rue de Rivoli, 75001 Paris, Tél : 01 53 45 17 00

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG
opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h
après-midi 14 h 30 à 19 h 00
(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

buổi gặp gỡ văn nghệ “ không biên giới ”. Trong những buổi gần đây, tôi nhận thấy bên này bên kia, lối thời nén ít đi, thường làn cho những bên mới : bên hàng bên sô, bên mặt bên góp, bên quốc bên tị, bên mua bên muốn... [làm nhà hàng, hay công tư sở ; trả tiền mặt hay trả góp ; quốc tịch hay tị nạn ; nhà mua hay muốn, Chú thích của tác giả].

Có phải vì thế mà Tết Mậu Dần vừa qua tại Toulouse, đã có những 3 đêm mừng Xuân : cùng ngày, cùng giờ, cùng ca cũng múa, đôi lúc cùng người hát, nhưng ở 3 nơi khác nhau ? Chỉ vì... khác bên ? Mà đó là ngày Tết, ngày truyền thống thống nhất của dân tộc...

Vậy thì không biết tới chừng nào tất cả người Việt Nam sẽ cùng nhau mừng vui, tạm quên đi mọi bận và mọi bờ ?

Câu hỏi lần thẩn mãi, nên tôi xin trả lời : ngày Việt Nam đoạt cúp bóng đá thế giới !

Nhưng ngày đó, có bên... bờ ảo vọng không ?

T. H. Liêm (Toulouse, Pháp)

Tình Tính Tang ?

Thời sự thế giới năm nay đầy chuyện tình dục (hay tính dục ?). Chuyện ông Clinton và cô Monica chưa hết, và chắc sẽ còn gây chấn động chính trường nước Mỹ. Cũng không thể nói đây chỉ là chuyện-Tây-phương-chó-Đông-phương-ta-làm-gì-có. Bằng chứng là giữa cuộc khủng hoảng châu Á, thủ tướng Mahathir của Malaysia đã cách chức người con tinh thần kiêm thế tử Anwar, thậm chí bỏ tù ông này (vốn nổi tiếng là sùng đạo Hồi) vì tội đã làm *sodomy* với hai người đàn ông. Quả là mỉa mai vì hai ông Mahathir và Anwar từ mấy năm nay vẫn cao đạo dạy dỗ thiên hạ về những giá trị châu Á, một cách nói để phủ nhận các quyền tự do dân chủ, quyền con người... làm như đó là những sản phẩm của phương Tây, chứ không có giá trị phổ quát.

Nhưng thôi, tôi viết thư này không phải để bàn chuyện đó. Mà để đề nghị với Diễn Đàn, vốn nổi tiếng là tờ báo thiết tha với tiếng Việt, nhân dịp này, cho biết những từ ngữ *oral sex, sexual encounter, fellatio, cunnilingus, sodomy...* tiếng Việt ta kêu bằng gì.

Nguyễn Tài (Houston, Hoa Kỳ)

✉ Lá thư của ông làm chúng tôi rất lúng túng. Nói đúng hơn : đã lúng túng, lại càng lúng túng. Bởi vì những câu hỏi ông đặt ra, chúng tôi cũng đã đặt cho nhau trong khi lên khuôn tờ báo và/hay vào những lúc trà dư tửu hậu, và nhiều khi vẫn bí rị. Vậy thì xin biết gì nói nấy, còn bao nhiêu xin dựa vào

cột... báo còn bỏ trống để đợi các bậc thức giả chỉ giáo.

Trước tiên, xin phân biệt hai khái niệm *tính* và *tình*. *Tình* (cảm) thì dễ hiểu, còn *tính* (sex) liên quan tới các cặp phạm trù *đực/cái, nam/nữ*. Cố nhiên *tính dục* không nhất thiết là *quan hệ nam nữ* như trong trường hợp *quan hệ đồng tính* (*homosexual*) — xin đừng nhầm *đồng tính* với *đồng tình*. *Tính* và *tình* là hai sự việc khác nhau mặc dầu thường gắn liền với nhau, *tính* mà không có *tình* thì chỉ còn là *chuyện hùng hục* như lục súc tranh công, *tình* (đây không nói đến *tình người*, *tình cảm* hướng về người khác nói chung, mà là *tình yêu* cụ thể với một con người cụ thể) mà không có *tính* thì chỉ là *tình suông* (có thể, hoặc chỉ còn cách là rất cao thượng) chưa trọn vẹn. Trong câu chuyện Bill Clinton & Monica Lewinsky (xin xem bài của bản báo biên tập viên thường trú tại Hoa Kỳ), công tố viên và các media Hoa Kỳ không quan tâm tới khía cạnh *tình dục* hay *tình cảm* giữa hai người, mà chỉ nói tới *quan hệ* *tính dục* (*sexual*). Tóm lại, *tính* là *tính*, mà *tình* là *tình*, mặc dầu, như dân ca Việt Nam thể hiện rất hay, phải có cả *hai* thì mới *tình* *tính* tang, tang *tình* *tình*.

Chữ *sodomy* (danh từ) Hán Việt từ điển Đào Duy Anh (1931) gọi là kê gian (hiện nay người Trung Quốc vẫn dùng như vậy) : kê đây là con gà, dựa theo hình ảnh con gà trống ở đằng sau con gà mái, để chỉ hành động bộ phận sinh dục (của người nam) thâm nhập hậu môn (chữ không phải bộ phận sinh dục) của người đối tác (bất luận nữ hay nam). Trong ngôn ngữ thông tục, dân gian dùng chữ lắp dít.

Cặp từ ngữ *fellatio/cunnilingus* làm chúng tôi rất lúng túng vì không tìm ra danh từ bác (văn) học. Chỉ biết trong ngôn ngữ thông thường, dân gian thường dùng các động từ ăn, bú/liếm... đi với tên tục của bộ phận sinh dục nam (*fellatio*) hay nữ (*cunnilingus*). Riêng thao tác *fellatio*, dân gian còn dùng hình ảnh thổi kèn : giả thuyết của chúng tôi là từ ngữ này gợi hứng từ chữ *pipe* của người Pháp, nên chắc chỉ phổ biến ở thành thị. Nếu ta muốn có thêm những từ không tục thì có hai cách : thanh lịch thì dùng chữ Hán, kỹ thuật thì dùng nguyên si chữ phương tây như ta đã dùng khá phổ biến trong từ vựng khoa học kỹ thuật. Kẹt một nỗi, chúng tôi không tìm ra cuốn từ điển Trung Quốc nào có những chữ này. Ban Trung Hoa của Đài RFI (hỏi bằng điện thoại) cho biết họ dùng chữ khẩu giao (giao hợp bằng miệng) để chỉ chung hai phương cách, chứ không phân biệt trường hợp người được khẩu giao là nam hay là nữ. Mong được các bậc thức giả chỉ giáo hoặc đề nghị những từ mới, chính xác và thích hợp.

Niềm tuyệt vọng cùng cực

Tôi rất mừng khi nghe tin vừa qua chính quyền Việt Nam đã trả tự do cho giáo sư Đoàn Viết Hoạt, bác sĩ Nguyễn Đan Quế, thượng toạ Thích Quảng Độ, các nhà trí thức Tuệ Sĩ, Trí Siêu... là những người bị bắt giam và kết án tù chỉ vì những ý kiến chính trị, không hề có bạo động hoặc kêu gọi bạo động. Không những thế, chính quyền đã trả tự do và trả về Mỹ cả những người đã làm hay tham gia những việc có thể coi là bạo động như các ông Lý Tống (cựu phi công, 1993 đã cướp máy bay, thả truyền đơn kêu gọi đồng bào Sài Gòn nổi dậy), Jimmy Trần (tham gia một nhóm có dự định đặt chất nổ ở một số dinh thự Thành phố Hồ Chí Minh nhân dịp 30-4 năm 1995)...

Nếu lạc quan (và tôi muốn lạc quan), có thể nghĩ rằng việc ân xá trên không phải (hoặc không chỉ) là một hành động ngoại giao, nhằm làm dịu sức ép quốc tế và tạo điều kiện cải thiện quan hệ với Hoa Kỳ và Liên hiệp Âu châu, mà (còn) thể hiện ý muốn khoá sổ quá khứ, tạo ra một bầu không khí mới

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đỗ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao, Bùi Mộng Hùng, Văn Ngọc.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa,

Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,

Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,

Đặng Tiến, Nam Trần, Hoài Văn, Kiến Văn,

Hải Văn, Hoà Văn

giữa chính quyền và hơn một triệu người Việt Nam ở nước ngoài, mà số đông (ít nhất những người ở tuổi trung niên trở lên) còn nặng nợ với quá vãng và chất chứa nhiều oán hận. Cuộc gặp gỡ mới đây ở New York giữa tổng thống Iran và kiều dân Iran, thái độ cởi mở và sòng phẳng của ông là một tấm gương, đáng để chúng ta suy ngẫm.

Nhân nói tới Jimmy Trần, tôi lại liên tưởng tới một người không quen biết, chỉ mới nghe kể chuyện, xin tạm gọi là X. Anh X, theo lời người bạn tôi kể lại, năm nay trên 50 tuổi, sang du học ở Pháp từ thập niên 60, lấy vợ Pháp, sống biệt lập với đồng bào. Rồi đến sau 75, anh bỗng "nổi máu chính trị" một cách rất thành khẩn. Bỏ công ăn việc làm và gia đình yên ấm, X đi khắp Âu, Mỹ, Đại dương châu liên lạc với các lực lượng chống cộng, tiếp kiến đủ các tướng lãnh và chính khách quốc gia. Sau nhiều vòng chu du và mấy năm bôn ba, X. tâm sự với bạn tôi : "Tôi đã gặp tất cả các vị ấy, toàn là một lũ ăn hại. Chỉ còn một hy vọng : Ông Cụ. Ông Cụ đứng ra thì mới tập hợp được". Bỗng đi ít lâu, anh bạn tôi được tin anh X đã lặng lẽ về Việt Nam, rồi bị bắt trong vụ mưu toan đặt chất nổ năm 1995.

Chắc, cũng như tôi, các bạn không đoán ra Ông Cụ kỳ vọng của anh X là ai đâu. Thưa là cựu hoàng Bảo Đại : thật tội nghiệp ! Từ hôm nghe kể chuyện, tôi lặng người và bỗng thấy như có một thứ duyên nợ với anh, một người tôi chưa hề quen biết, lại hoàn toàn khác biệt chính kiến. Đầu tiên là tôi băn khoăn : anh X rất sáng suốt khi nhận định về văn võ bá quan quốc gia vẫn năm năm tháng tháng ngày ngày sáu câu chống cộng đến chiều, tại sao lại có thể còn đặt hi vọng vào một người mà không cần sáng suốt lắm cũng nhìn thấy rõ thực chất và bản lĩnh. Về sau, tôi đoán ra : chắc anh cũng không mơ hồ gì về ông Bảo Đại (*Dieu ait son âme !*), hoài vọng mà anh đặt vào ông ta chẳng qua thể hiện sự tuyệt vọng cùng cực của anh. Cũng như cái việc tuyệt vọng mà anh đã làm là tham gia vào vụ chất nổ ! Cũng may là mưu toan không thành (nghe đồn công an Việt Nam đã thẩm nhập ngay từ đầu vào tổ chức này, và chính công an đã cài bẫy để bắt quả tang và bắt gọn).

Có lẽ chính sự tuyệt vọng ghê gớm của anh X đã làm cho tôi vẩn vương. Từ một tháng nay, tôi tự hỏi anh ấy ra sao, có được trả tự do lần này không ?

Phạm Việt (Bordeaux, Pháp)

Cảm ơn anh đã chia sẻ những cảm nghĩ riêng tư và vô tư. Chúng tôi đã điều tra chớp nhoáng bằng điện thoại, và, với tất cả sự đê dặt thường lệ, xin báo để anh mừng, là nếu anh X. mà anh nghe kể chuyện đúng là người cùng cảnh ngộ mà chúng tôi kiểm được qua mấy nguồn tin, thì anh ấy cũng đã được trả tự do và đã trở lại Pháp.

Phiếu mua báo *Diễn Đàn*

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....

mua một năm báo *Diễn Đàn* kể từ tháng..... (số....).

Kèm theo đây là ngân phiếuFF (gồm :FF tiền mua báo vàFF tiền ủng hộ)

Giá mua 1 năm báo (11 số) :

Pháp (kể cả các tỉnh & lãnh thổ DOM-TOM) : 250 FF

châu Âu (ngoài Pháp) : 280 FF

các nước ngoài châu Âu : 330 F.

Ngân phiếu xin đề tên DIENDAN FORUM và gửi về toà soạn : DIENDAN FORUM, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Pháp có thể chuyển thẳng vào CCP 4.416.14 W Paris.

Bạn đọc ở Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE có thể ra bưu điện chuyển thẳng số tiền tương đương với 280 FF vào trương mục (CCP) số 30041 00001 0441614W020 76 của *Diễn Đàn*. Như vậy tránh được cho chúng tôi hơn 80 FF lệ phí các loại mỗi lần nhận được Eurocheque hoặc Money Order.

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00).

Bạn đọc ở Thuỵ Sĩ có thể chuyển 70 FS vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Nếu cần phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*), xin viết thư về Journal DienDan, Case Postale 157, 1277 Borex (Suisse).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : số tiền zloti tương đương với 15 USD / năm, sec đề tên P. Le Duc, tài khoản PKO S.A., IV O. W Warszawie, 12401053-40149879-2700-201112-001-0000 (for Forum).

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 60 USD đề tên Mr HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn : DienDan, BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (France).

Bạn đọc ở Canada và Úc : xin gửi money order 60 USD đề tên Mr HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (xem trên).

LE VIETNAM AU XX^eme SIECLE

les arts plastiques et visuels de 1925 à nos jours

Liên hiệp Âu châu, phối hợp với Bộ văn hoá Việt Nam, tổ chức một cuộc triển lãm lớn về nghệ thuật tạo hình và một chương trình giới thiệu điện ảnh Việt Nam. Xuất phát từ Bruxelles, chương trình này sẽ tiếp diễn tại hai thủ đô Âu châu khác trong năm 1999, và tới năm 2000, sẽ tổ chức tại Việt Nam.

Địa điểm tại Bruxelles (từ 9.10 đến 31.12) :

ESPACE MERIDIEN, Place d'Espagne, 1000 BRUXELLES, dt : 00 32 (0) 2 513 02 77

mỗi ngày (trừ thứ hai và ngày 25.12) từ 10g đến 18g (thứ năm tối 22g)

Trả tự do cho một số tù chính trị

Một bước chuyển về chính trị ?

Như Diễn Đàn đã đưa tin trong số trước, hơn 5 000 tù nhân đã được trả tự do nhân ngày quốc khánh năm nay. Và khác với những năm trước, người ta đặc biệt chú trọng tới một số tù nhân chính trị có tên trong đợt. Ngoài hai nhân vật được nổi tiếng nhất là giáo sư Đoàn Viết Hoạt và bác sĩ Nguyễn Đan Quế, mà Hà Nội đã chính thức công bố trả tự do trước ngày 2.9, cho tới nay người ta được biết trong danh sách còn có hoà thượng Thích Quảng Độ và các đại đức Thích Trí Siêu, Thích Tuệ Sỹ.

Hoà thượng Thích Quảng Độ, năm nay 70 tuổi, nguyên tổng thư ký Viện Hoá đạo, một nhân vật chủ chốt của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (chùa Ấn Quang), do không chịu nhinnie nhận Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tổ chức Phật giáo thống nhất các giáo hội dưới sự kiểm soát của chính quyền) đã bị quản chế ở miền Bắc từ năm 1982. Trở vào Nam năm 1992, ông đã cùng hoà thượng Thích Huyền Quang tìm cách dựng lại tổ chức cũ, và bị bắt trở lại ngày 4.1.1995. Tháng 8.1995, ông bị toà án thành phố HCM kết án 5 năm tù ở và 5 năm quản chế với tội danh “phá hoại chính sách đoàn kết dân tộc” và “lợi dụng các quyền tự do dân chủ xâm phạm lợi ích của nhà nước và của tổ chức xã hội”.

Đại đức Thích Trí Siêu, tục danh Lê Mạnh Thát, 55 tuổi, nguyên là giáo sư tại đại học Phật giáo Vạn Hạnh trước năm 1975, đã bị bắt từ năm 1984 và bị đem ra xử năm 1988 dưới tội danh “âm mưu lật đổ”. Sau khi một phiên toà sơ thẩm kết án tử hình ông và một đồng sự, đại đức Thích Tuệ Sỹ, một làn sóng phản đối đã dâng cao ở cả trong và ngoài nước. Trong nước, các hoà thượng Thích Minh Châu, Thích Thiện Siêu, tổng thư ký và phó chủ tịch thường trực Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hoà thượng Thích Thiện Hào, trưởng ban trị sự thành hội Phật giáo TP HCM, và ngoài nước hoà thượng Thích Thiện Châu v.v... đã lên tiếng đòi xử lại vụ án. Ba tháng sau, một phiên toà phúc thẩm đã giảm án tử hình của hai ông Thích Trí Siêu và Thích Tuệ Sỹ xuống còn 20 năm tù. Cùng trong vụ án, các ông Phan Văn Ty, Tôn Thất Kỳ... cũng được giảm án, ông Ty từ tù chung thân xuống còn 18 năm, ông Kỳ cũng từ chung thân xuống còn 16 năm. Tuy nhiên, khi số báo này lên khuôn, chúng tôi chưa có tin các ông có được trả tự do đợt này hay không.

Theo AFP ngày 17.11, các nhà báo nước ngoài đã hỏi bà Phan Thuý Thanh, người phát ngôn bộ ngoại giao, về một danh sách những người được các tổ chức hoạt động nhân quyền coi là tù nhân chính trị. Bà Thanh đã xác nhận trên danh sách này 11 người đã được trả tự do, 3 nhà sư Thích Nhất Ban, Thích Không Tánh và Thích Thiện Minh tiếp tục bị giam giữ, còn 15 người khác không có tên trong số được trả tự do, vì “hoặc có sự nhầm tên, hoặc họ không bị giam giữ, hoặc đó là những người chưa được ân xá”. Cũng trong bản tin này, AFP cho biết theo phó thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, một đợt ân xá thứ hai sẽ được thực hiện vào giữa tháng 10. Đợt này sẽ chỉ liên quan tới những người bị kết án dưới 5 năm tù giam.

Ngoài ra, người ta cũng được biết trong đợt 2.9 còn có tên hai cựu sỹ quan VN cộng hoà, Lý Tống và Trần Mạnh Quỳnh, cả hai đã định cư ở Mỹ rồi trở lại Việt Nam định hoạt động chống cộng trong những năm đầu 1990. Lý bị bắt năm 1992 sau khi đã dùng vũ khí ép một máy bay dân sự bay quanh trên không phận TP HCM để trai truyền đơn chống chính phủ. Trần bị bắt năm 1993 trong một vụ đặt mìn phá huỷ (hụt) một cơ sở của nhà nước. Cả hai đã về đến California đoàn tụ với gia đình ngày 1.9.

Ngược lại, trái với những nguồn tin ban đầu, và có lẽ là trái cả với một sự thoả thuận ngầm giữa nhà nước Việt Nam và toà đại sứ Mỹ, bác sĩ Nguyễn Đan Quế không chịu xuất cảnh. Sau khi được trả tự do, ông đã cùng vợ đi nghỉ dưỡng sức tại Vũng Tàu và không tuyên bố gì với báo chí. (tổng hợp tin nhiều hãng thông tấn, 28.8-4.9 và 17.9.1998)

Đã nhiên, người ta không thể không hoan nghênh cuộc ân xá, và chia vui với những người được trả tự do. Song, sau phản ứng đầu tiên đó, hình như người ta không được nghe từ những nhà quan sát quốc tế lời bình luận nào đưa ra khả năng cuộc ân xá đánh dấu một bước chuyển có ý nghĩa về tình hình chính trị ở Việt Nam. Tất nhiên, không kể những tuyên bố ngoại giao “tỏ ý hy vọng” ở bước chuyển đó, có tính chất vừa hoan nghênh vừa làm sức ép tiếp hòn là một đánh giá thực tiễn của tình hình. Hắn những người lạc quan sẽ cho rằng sự đe dặt đó là quá đáng, và trong thâm tâm mong rằng nó sẽ sớm được thực tế phủ nhận.

Nhưng có thể nào không nêu lên những cơ sở khó chối cãi của thái độ đe dặt nói trên. Trước hết phải nói tới cuộc mặc cả giữa chính quyền Việt Nam với Mỹ về số phận của những nhân vật đối lập tấm tiếng nhất. Không phải ngẫu nhiên mà trước ngày các ông Đoàn Viết Hoạt và Nguyễn Đan Quế ra tù, toà đại sứ Mỹ ở Hà Nội đã cho báo chí biết là hai ông sẽ di định cư ở Mỹ. Cùng lúc, người phát ngôn của Việt Nam cho biết “sẵn sàng cứu xét đơn xin di định cư nước ngoài” của họ ! Việc bác sĩ Nguyễn Đan Quế cuối cùng không chịu ra di hình như không chỉ làm chung hổng các nhà ngoại giao Hoa Kỳ, và thái độ của nhà cầm quyền đối với ông trong thời gian tới hẳn sẽ là một trắc nghiệm có ý nghĩa. Trả tự do cho các ông Hoạt, Quế... là bớt một cái gai trong những quan hệ quốc tế mà Hà Nội đang rất cần tới. Thực hiện việc trả tự do đó là một khôn ngoan trong lĩnh vực đối ngoại. Chưa phải là một hành động có ý nghĩa của một cuộc chuyển biến chính trị, khi người ra tù không được quyền thực thi những quyền tự do cơ bản của họ trên đất nước : tự do ngôn luận, báo chí, lập hội v.v... Trong khi đó, sự tiếp tục những hành động trấn áp ngay cả đối với những đảng viên hay cựu đảng viên chỉ có “tội” duy nhất là dũng cảm nói lên tiếng nói bất bình của mình trước muôn vàn biểu hiện tha hoá của sự độc quyền chính trị, những Trần Độ, Bùi Minh Quốc, Dương Thu Hương v.v..., cho thấy chưa thể trông đợi sự tôn trọng các quyền tự do nói trên của người đối lập ở trong nước. Sự im lặng dễ hiểu của những người này đối với cuộc ân xá phải chăng cũng là một lý do cắt nghĩa sự đe dặt của những nhà bình luận quốc tế ?

Họ thừa kinh nghiệm để hiểu rằng một dấu hiệu cởi mở với thế giới bên ngoài nhiều khi hoàn toàn không kéo theo hệ quả nào đối với chính trị trong nước. Đôi khi, còn ngược lại là khác !

H.V.

Tin tức Tin tức

Nhà ở : những ai được đòi lại nhà ?

Ngày 20.8 vừa qua, ủy ban thường vụ quốc hội đã ban hành nghị quyết số 58 về những giao dịch dân sự về nhà ở được xác lập trước ngày 1.7 1991, là ngày pháp lệnh về nhà ở năm 1991 có hiệu lực thi hành. Phạm vi điều chỉnh của nghị quyết 58 là các tranh chấp, khiếu nại liên quan đến những giao dịch về nhà ở xảy ra trước tháng 7 năm 1991, bao gồm trường hợp của những nhà ở bị lấy sau năm 1954 ở miền Bắc và sau năm 1975 ở miền Nam. Đổi tượng điều chỉnh của nghị quyết là tất cả các giao dịch dân sự về nhà ở, giữa cá nhân và cơ quan nhà nước hoặc giữa cá nhân với cá nhân : thuê nhà ở ; cho mượn nhà ở, cho ở nhường ; mua bán nhà ở ; đổi nhà ở ; tặng cho nhà ở ; thừa kế nhà ở ; quản lý nhà ở vắng chủ. Theo qui định quan trọng nhất của nghị quyết 58, *những cơ quan, cá nhân đã thuê, mượn nhà ở thuộc sở hữu tư nhân trước ngày 1.7 1991 sẽ phải trả nhà lại cho chủ sở hữu kể từ tháng bảy năm 2002 hoặc tháng bảy năm 2005*. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 1.1 1999, và từ đây tới đó chính phủ còn phải ra các văn bản thi hành.

Đối với những nhà ở do các cơ quan và tổ chức nhà nước thuê đã hết thời hạn hoặc không có thời hạn thì, theo nghị quyết, người chủ sở hữu được lấy lại nhà kể từ ngày 1.7 2005. Nếu nhà ở được cơ quan, tổ chức nhà nước sử dụng làm trụ sở làm việc, cơ sở kinh doanh hay công trình công cộng thì phải trả lại kể từ ngày 1.7 2002. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức nhà nước mượn nhà của tư nhân nhưng đã bán hoặc cho thuê thì hợp đồng mua bán hay cho thuê đó bị vô hiệu. Các cơ quan, tổ chức nhà nước thuê, mượn nhà của dân có thể trả lại bằng nhà khác, bằng tiền hoặc bằng đất.

Trong giao dịch thuê nhà ở giữa cá nhân và cá nhân, thời hạn để chủ sở hữu lấy lại nhà cũng qui định kể từ tháng 7 năm 2005. Song, trong một số trường hợp, chủ sở hữu có thể đòi nhà lại ngay : nếu người thuê đã có chỗ ở khác ; nếu chủ nhà tạo điều kiện cho người thuê có chỗ ở khác ; nếu chủ nhà không có chỗ ở hoặc diện tích của nhà ở dưới mức bình quân 6 m²/người.

Đối với nhà vắng chủ mà chủ sở hữu có uỷ quyền hợp pháp cho người khác quản lý thì nội dung uỷ quyền được thực hiện theo bộ luật dân sự ; nếu chủ sở hữu nhà đã chết thì công nhận quyền sở hữu cho những người thừa kế. Trong trường hợp chủ sở hữu nhà không có uỷ quyền hợp pháp và đã chết thì công nhận quyền sở hữu cho thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con) đang sử dụng nhà ; nếu không có những người nói trên thì công nhận quyền sở hữu cho người đang sử dụng nhà đó liên tục 30 năm ; nếu người sử dụng không có điều kiện nói trên thì nhà ở sẽ được nhà nước quản lý và cho người đang sử dụng thuê hay mua.

Nghị quyết 58 còn có hai qui định cần chú ý :

1. Đối với những vụ án tranh chấp nhà ở đã được tòa án xét xử và bác đơn đòi nhà của chủ sở hữu thì đương sự có thể làm đơn khởi kiện lại và tòa án sẽ thụ lý giải quyết như một vụ án dân sự mới.

2. Những giao dịch về nhà ở mà có người nước ngoài hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia thì không thuộc phạm vi điều chỉnh của nghị quyết 58. Theo bộ tư pháp, “ *vấn đề này đang được nghiên cứu để có qui định cụ thể, đầy đủ và toàn diện* ”.

Bộ tư pháp còn cho rằng “ *các giao dịch dân sự về nhà ở không chỉ đơn thuần là quan hệ về tài sản mà còn là vấn đề có tính chất chính trị - xã hội sâu sắc. Do đó, việc giải quyết các loại giao dịch này cần phải có bước đi phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước và có khả năng thực thi* ”. (Tuổi Trẻ 25.8 và 3.9 ; Lao Động 4 và 5.9.98)

Tụt trưởng : trên 23 triệu sinh viên học sinh

Theo những số liệu của bộ giáo dục - đào tạo công bố vào những ngày nhập học đầu tháng 9 vừa qua, các nhà trường đã đón tiếp trên 23 triệu học sinh và sinh viên vào năm học mới, nghĩa là trong xã hội cứ bình quân ba người là có một người đi học. Mẫu giáo : 2,9 triệu thiếu nhi. Tiểu học : 10,56 triệu học sinh, tăng 1,3 % so với năm trước. Trung học cơ sở : 5,36 triệu học sinh, tăng 2,1 %. Phổ thông trung học : 1,62 triệu học sinh, tăng 16,6 %. Trung học chuyên nghiệp : 122 nghìn học sinh, tăng 5,6 %. Trung học dạy nghề : 20 nghìn học sinh, tăng 33 %. Đại học và cao đẳng : 838 nghìn sinh viên, tăng 12,4 %. Sau đại học : 17,5 nghìn sinh viên.

Cùng với số lượng sinh viên học sinh tăng, 12,7 nghìn lớp học mới đã được xây và 37,1 nghìn giáo viên mới đã được đào tạo. Tuy nhiên, tình trạng thiếu giáo viên kéo dài triền miên hàng chục năm nay chưa được cải thiện : năm học 1998 - 1999, cả nước vẫn thiếu 103 nghìn giáo viên, trong đó cấp tiểu học thiếu 50 nghìn giáo viên, cấp trung học cơ sở thiếu 38 nghìn, cấp phổ thông trung học thiếu 15 nghìn. Độ ngũ giáo viên đã thiếu lại không đồng bộ, số giáo viên không đạt tiêu chuẩn về kiến thức còn rất đông, gây ảnh hưởng không nhỏ trên chất lượng giáo dục.

Theo bộ trưởng Nguyễn Minh Hiển, xử lý mâu thuẫn giữa tăng quy mô và đảm bảo chất lượng là vấn đề lớn nhất của năm học 1998-1999. Chủ trương của chính phủ là tạo điều kiện để hệ thống trường ngoài công lập phát triển ở các cấp mẫu giáo, tiểu, trung và đại học. Ngoài ra, ông Hiển còn tuyên bố rằng từ nay đến năm 2000, bộ sẽ tạo sự ổn định về nội dung chương trình giáo khoa, thi cử. Ông cho rằng : “ *Cái mới đã quá đùi rồi, giờ phải làm cho tốt để xã hội yên tâm. Có chẳng cần đổi mới là việc dạy và học* ”. (Tuổi Trẻ 22.8 và 5.9 ; Lao Động 21.8 và 5.9 ; Thời báo kinh tế Sài Gòn 27.8.98).

Học phí : công khai hoá ?

Mở đầu năm học mới, bộ giáo dục - đào tạo có cho ra thông tư về thu học phí ở các trường công lập, qua đó lần đầu tiên mức học phí được qui định theo một khung với những giới hạn cụ thể :

– Trường ở thành phố và thị xã. Mẫu giáo : 15 000 đồng đến 80 000 đ/tháng. Trung học cơ sở từ 4 000 đ. đến 20 000 đ/tháng. Phổ thông trung học : 8 000 đ đến 35 000 đ/tháng.

– Trường nông thôn đồng bằng và trung du. Mẫu giáo : từ 7 000 đ đến 20 000 đ/tháng. Trung học cơ sở : từ 3 000 đ đến 10 000 đ/tháng. Phổ thông trung học : từ 6 000 đ đến 25 000 đ/tháng.

– Trường nông thôn miền núi. Mẫu giáo : từ 5 000 đ đến 15 000 đ/tháng. Trung học cơ sở : từ 2 000 đ đến 8 000 đ/tháng. Phổ thông trung học : 4 000 đ đến 15 000 đ/tháng.

– Trường dạy nghề : từ 20 000 đ đến 120 000 đ/tháng. Trung học chuyên nghiệp : từ 15 000 đ đến 100 000 đ/tháng. Cao đẳng : từ 40 000 đ đến 150 nghìn đ/tháng.

– Đại học : từ 50 000 đ đến 180 000 đ/tháng. Thạc sĩ : từ 75 000 đ đến 200 000 đ/tháng. Tiến sĩ : từ 100 đến 250 ngàn đ/tháng.

Căn cứ trên khung nói trên, chính phủ giao cho uỷ ban nhân dân các tỉnh và thành phố ấn định mức học phí tùy theo nhu cầu phát triển giáo dục và mức sống của người dân địa phương. Ngoài học phí, các trường chỉ được thu lệ phí tuyển sinh theo những qui định của bộ. Thông tư của bộ cho phép thu tiền đóng góp xây dựng trường lớp, nhưng mức thu phải do uỷ ban nhân dân tỉnh, thành ấn định. Ngoài ba khoản thu qui định trên, các trường “ không được phép thu thêm bất kỳ khoản thu bắt buộc nào khác về giáo dục - đào tạo ”. Các khoản thu của nhà trường đều phải có biên lai và nộp toàn bộ vào tài khoản kho bạc.

Cho đến nay, theo ông Nguyễn Văn An, phó vụ trưởng tài chính kế toán của bộ giáo dục - đào tạo, tính trung bình ở cấp phổ thông, học sinh phải đóng góp trên dưới 10 khoản thu. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, người ta được biết, trong ba năm gần đây, riêng các trường mẫu giáo mầm non đã thu của phụ huynh học sinh gần 120 tỉ đồng. Trong chuyến đi khảo sát ở Thành phố Hồ Chí Minh, chủ nhiệm uỷ ban văn hóa giáo dục của quốc hội, bà Trần Thị Đan Tâm, có lên tiếng cho rằng việc huy động sự đóng góp của dân “ cần áp dụng nguyên tắc dân chủ, công khai để bảo đảm sự tự nguyện ”. Xin đọc bài điều tra của nhóm phóng viên giáo dục báo Tuổi Trẻ đăng bên cạnh. (Lao Động 4 và 5.9 ; Tuổi Trẻ 27.8.98)

Đại học tư nhân nước ngoài

Một dự án trường Đại học tổng hợp quốc tế Việt Nam, với 100 % vốn nước ngoài, đã được các bộ hữu quan (Kế hoạch và Đầu tư, Ngoại giao, Giáo dục và đào tạo) chuẩn y, chỉ còn chờ chính phủ cho phép. Dự án do ông Sheng Sung Pin, hiệu trưởng trường Thương nghiệp cao cấp Đài Loan đề xuất và là chủ đầu tư. Theo dự án, trường sẽ được xây dựng tại TP HCM, với chi nhánh tại Hà Nội, và sẽ có quy mô đào tạo 10 ngàn sinh viên nông nghiệp, công nghiệp, thương nghiệp, văn học và y dược. Khu trường được dự kiến xây dựng trên 200 ha đất, với tổng vốn đầu tư là 100 triệu đôla.

Bản tin hàng ngày, ngày 22.8.1998, của VNA đưa tin này không nói rõ trường đại học tư nhân của người nước ngoài này có phải tuân thủ những chương trình của nhà nước

VN trong hoạt động giảng dạy của mình hay không, việc tuyển mộ giáo sư có phải thông qua bộ giáo dục và đào tạo, bằng cấp được công nhận ra sao...?

Còn nhiều câu hỏi khác, chúng tôi sẽ trả lại khi có thêm thông tin.

Đại sứ Peterson : hầu như không còn hy vọng tìm thấy quân nhân Mỹ sống sót ở Việt Nam

Sự việc đã rõ ràng : theo một báo cáo vừa được công bố của Hội đồng tình báo quốc gia Mỹ (NIC), những cuộc điều tra từ 15 năm nay về 121 “ nguồn tin xác nhận đã nhìn thấy ” một tù nhân chiến tranh Mỹ còn sống ở Việt Nam không cho thấy một kết quả nào, “ dù chỉ là một dấu hiệu nhỏ nhoi ”.

Song, thi thoảng những tin đồn như vậy lại được xuất hiện, từ những mưu đồ nào đó... Đại sứ Mỹ tại Việt Nam Pete Peterson đã thẳng thừng nói với các phóng viên nước ngoài như vậy tại Đà Nẵng, ngày 18.9 vừa qua, trong lúc mưa bão không cho ông dùng trực thăng đi thăm một hiện trường nơi vừa được khám phá 17 thi hài có thể là quân nhân Mỹ tử nạn trong chiến tranh. Theo ông, xác suất không phải là số không, nhưng là “ rất, rất, rất nhỏ ” để còn có quân nhân Mỹ bị cầm tù ở Việt Nam, Lào và Campuchia. Ông nhấn mạnh rằng “ không một chính phủ nào lại diễn rõ giấu giếm một tù nhân như vậy, vì khi bị khám phá họ sẽ bị cả thế giới lên án ”. Ngược lại, theo ông “ chưa bao giờ, trong lịch sử chiến tranh, hai nước thù địch cũ đã cộng tác đầy đủ đến thế trong việc xác định số phận của những người mất tích của cả hai bên ”. Cho tới nay, danh sách quân nhân Mỹ “ mất tích ” ở Đông

Thông cáo báo chí của gs Đoàn Viết Hoạt

Tại phi trường Los Angeles, ngày 3.9.1998, ông Đoàn Viết Hoạt đã đọc trước báo chí một bản tuyên bố trong đó ông khẳng định “ sẽ trở lại Việt Nam ngay khi tình hình cho phép, để đóng góp vào phong trào quần chúng vận động cho một nước Việt Nam tự do, dân chủ và phồn vinh ”.

Nhắc qua về 8 năm bị cầm tù, “ hầu như hoàn toàn bị cô lập ngay cả với những tù nhân khác ở trong trại – trong suốt bốn năm trời, không sách báo, không tin tức ”, ông nói “ hiện nay (tôi) biết rất ít về những gì đang xảy ra ở Việt Nam và trên thế giới ”. Sau khi gửi lời cảm ơn tới những tổ chức quốc tế và người Việt ở hải ngoại đã không ngừng quan tâm và can thiệp cho ông, giáo sư Đoàn Viết Hoạt “ kêu gọi dư luận quốc tế và cộng đồng người Việt hải ngoại tiếp tục áp lực chính quyền Cộng sản Việt Nam trả tự do cho tất cả những tù nhân chính trị vẫn còn bị giam giữ ”.

Đánh giá rằng những thành quả văn hoá và tinh thần của cộng đồng Việt Nam hải ngoại “ đang giúp hình thành một mặt trận đối kháng tinh thần và văn hoá, dù còn thầm lặng nhưng mãnh liệt giữa toàn dân và ban lãnh đạo đảng CSVN ”, ông cũng kêu gọi cộng đồng đẩy mạnh hơn nữa những hoạt động này trên một tầm mức cao hơn và hiệu quả hơn, “ để giúp tăng cường sức mạnh của mặt trận này và giúp đưa nó từ thế thầm lặng tới thế đối đầu trực diện công khai với ban lãnh đạo đảng CSVN ”.

Dương còn 2081 tên, trong đó 1 554 người mất ở Việt Nam. Trong số này, 47 trường hợp vẫn còn trong vòng điều tra, số còn lại được coi là chắc chắn đã tử nạn. Về phía Việt Nam, còn một danh sách hơn 300 000 người mất tích trong chiến tranh. Thi thoảng người ta vẫn được đọc trên báo chí một hay nhiều thi hài được khám phá tại một chiến trường xưa... (DPA 17.9, AFP 28.8 và 18.9.1998)

Liên hiệp châu Âu : khách hàng số một của ngành may mặc VN

Liên hiệp châu Âu (EU) và Việt Nam đã ký thoả ước mới, có giá trị trong ba năm 1998 - 2000, về việc mở thị trường cho ngành tơ lụa, may mặc của hai bên. Thoả ước được thương lượng trong năm qua, đã được chính thức ký kết ngày 10.9 tại Brussels, giữa các ông Leon Brittan, uỷ viên hội đồng EU phụ trách mậu dịch và Trương Đình Tuyền, bộ trưởng thương mại Việt Nam. Theo ông Brittan, thoả ước mở ra cho các doanh nhân châu Âu những khả năng mới ở thị trường VN. Ngược lại, EU bãi bỏ hạn ngạch (cô-ta) của 22 mặt hàng và tăng cô-ta cho 29 mặt hàng còn lại trong ngành, cho phép VN tăng mức xuất sang 15 nước EU khoảng 1/3 so với hiện nay. Mặt khác, hàng do những công ty EU sản xuất liên doanh với VN sẽ không bị hạn ngạch.

Năm 97, EU xuất sang VN 1,30 tỷ, và nhập từ VN 2,56 tỷ đôla hàng hoá các loại, trong đó khoảng 500 triệu đôla là hàng may mặc. Theo ông Pierre Amilhat, cỗ vấn thương mại của EU tại VN, với thoả ước mới này, và với việc Nhật bớt nhập, EU sẽ vượt qua Nhật để trở thành bạn hàng số một của VN trong ngành.

Ngoài quần áo, VN cũng xuất khoảng 40 % sản lượng giày dép của mình sang EU. Mặt hàng này không bị cô-ta. Tính tất cả các thị trường, các mặt hàng giày dép và quần áo gộp khoảng 25 % vào kim ngạch xuất khẩu của VN. (Reuters 10.9, AFP 13.9.1998)

Hàng không Việt Nam : mất khách và ...

Từ nhiều tháng nay, những con số được thông báo thường xuyên cho thấy ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong khu vực lên doanh số của Hàng không Việt Nam. Tám tháng đầu năm, số khách trên các đường bay quốc tế của công ty đã giảm 10 % so với cùng thời kỳ năm ngoái. Đường Hà Nội - Seoul đã phải tạm ngưng hoạt động. Đường Sài Gòn - Manille ngưng trước đó chỉ được mở lại sau khi công ty Philippines Airlines cũng ngừng khai thác đường này... Bên cạnh đó, sự sụp giá của tiền đồng so với đôla càng làm cho công ty thua lỗ hơn (khách mua vé trả bằng đồng, xăng nhớt máy bay mua bằng đôla). Theo một người phát ngôn của công ty, tiền lỗ trong năm 1998 có thể lên đến 2,8 triệu đôla.

Nhưng vấn đề đối với tổng giám đốc công ty hình như không phải là vượt qua những khó khăn kinh tế ấy, mà là... làm sao ngăn chặn báo chí đưa tin "bất lợi" cho mình. Ngay sau khi tờ **Thanh Niên** đăng một bài đầu tiên (10.9) điều tra về những hoạt động trái phép trong quản lý của công ty và nêu lên những vấn đề an toàn cho khách, ông tổng giám đốc Đào Mạnh Nhương đã gửi thư tay cấp tốc tới toà soạn đòi báo ngừng đề cập tới những vấn đề an toàn của các chuyến bay.

Ba ngày sau, một máy bay Boeing 767 của công ty, khởi hành đi Osaka, đã cất cánh hụt vì trượt bánh ra khỏi đường bay ở sân bay Tân Sơn Nhứt, khiến khách hàng phải dùng cửa ra khẩn cấp (emergency exit) để thoát ra máy bay !

Hai bài báo tiếp theo tập trung nói về vài vấn đề quản lý của cựu tổng giám đốc Lê Đức Tư, người tiền nhiệm của ông Nhương, mà những hợp đồng xấu đã làm thiệt hại cho công ty 3,5 triệu đôla. Cơ quan Vietnam Airlines ở Canada thua lỗ 2 triệu khác... Theo tờ báo, ông Tư và nhiều cộng sự viên đang bị thanh tra về những thiệt hại nói trên. Các quan chức của Hàng không VN cuối cùng cũng đã phải thừa nhận thông tin này, sau khi thất bại trong việc làm sức ép để tờ báo ngưng loạt bài.

Phó tổng biên tập tờ **Thanh Niên**, ông Nguyễn Quốc Phong cho biết ông đã được tổng biên tập đồng ý cho đăng loạt bài, vì "đây không phải là một vấn đề tế nhị có thể gây thiệt hại cho uy tín của nhà nước, và cũng không có bí mật quốc gia nào bị tiết lộ".

Hy vọng rằng ông Phong không lạc quan quá đáng. Một nhà báo khác, ông Nguyễn Hoàng Linh còn đang nằm trong tù chính vì tội "tiết lộ bí mật quốc gia", khi bài điều tra của ông đã nêu lên những thiệt hại cho nhà nước trong những hợp đồng mua tàu tuần tra của hải quan Việt Nam... (Theo tin Reuters và AFP 11.9, DPA và AP, 18-19.9.1998)

Bóng đá : Việt Nam đứng hạng nhì Tiger Cup

Giải bóng đá các nước Đông Nam Á Tiger Cup lần thứ hai đã được tổ chức tại Việt Nam, vào cuối tháng 8 vừa qua trên hai sân cỏ Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, với sự tham dự của của tám đội tuyển quốc gia : Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam. Đội Singapore đã đoạt chức vô địch sau khi hạ ở chung kết đội Việt Nam trên tỉ số 1 - 0. Cách đây hai năm, trong giải Tiger Cup lần thứ nhất, chức vô địch đã về tay của đội Thái Lan sau khi hạ Malaysia ở chung kết, và Việt Nam đã xếp hạng thứ ba. Lần này, trên sân nhà và với huấn luyện viên mới người Áo, Alfred Riedl, đội Việt Nam đã hạ đương kim vô địch 1996 (đồng thời là vô địch SEA Games 1997) ở vòng bán kết trên tỉ số 3 - 0. Đoạt hạng nhì giải Tiger Cup 98, bóng đá Việt Nam vươn lên từ hạng thứ 98 lên hạng thứ 84 trong bảng tổng xếp hạng thế giới của Liên đoàn bóng đá quốc tế FIFA. Là nước có nền bóng đá bất khả chiến bại ở Đông Nam Á trước giải Tiger Cup 98, Thái Lan đứng ở hạng thứ 45.

Song, năm nay tại Việt Nam, chính đội Thái Lan cùng với đội Indonesia đã làm ô nhục nền bóng đá Đông Nam Á bằng cách đá cuội, đôi bên đều "đá để thua" vì cả hai đều muốn tránh gặp đội chủ nhà ở vòng bán kết. Trận đấu diễn ra trên sân cỏ Thành phố Chí Minh đã bị khán giả phản đối lèn lượt bỏ ra về ngay từ hiệp đầu và, đến phút cuối trận, cầu thủ Indonesia đã trảng trọng đá vào lưới nhà để thua Thái Lan 3 - 2.

Lịch sử bóng đá thế giới đã từng chứng kiến những trận đá cuội, nổi tiếng là trận Argentina - Peru (6 - 0) nhằm loại đội Brasil ở Mundial 1978 tại Argentina hay trận CHLB Đức - Áo (1 - 0) nhằm loại đội Algérie ở Mundial 1982 tại Tây

Ban Nha. Nhưng, theo nhiều nhà quan sát, chưa có trận nào nhận chìm bóng đá xuống bùn một cách lộ liễu như trận Thái Lan - Indonesia vừa qua ở Thành phố Hồ Chí Minh. Liên đoàn bóng đá Châu Á AFC tuyên bố “ bị chấn động bởi trận cầu trò hề đó ”, và đã quyết định treo giò cả hai đội Thái Lan và Indonesia trong các trận đấu quốc tế cho đến khi có thông báo mới. (Tuổi Trẻ 1,3 và 5.9 ; AFP 19.9 ; Deutsch Press 19.9.98)

Xuất khẩu lao động : 250 000 người đang làm việc ở nước ngoài

Theo một báo cáo của bộ lao động - thương binh và xã hội, số lao động Việt Nam hiện đang làm việc ở nước ngoài lên đến khoảng 250 000 người và hàng năm họ chuyển về nước khoảng 1 tỉ USD, tức là nhiều hơn thu nhập ngoại tệ của ngành du lịch cả nước. Bản báo cáo cho biết trong thập niên 80, đã có hơn 300 000 lao động đi làm việc ở nước ngoài, chủ yếu ở Liên Xô cũ và Đông Âu, giải quyết việc làm cho bình quân 3 % trên tổng số lao động tăng hàng năm của cả nước. Họ đã đóng góp vào ngân sách nhà nước khoảng 800 tỉ đồng và 300 triệu USD, không kể lượng hàng hóa họ chuyển về nước cho gia đình trị giá hàng ngàn tỉ đồng, phần nào đã giúp nhà nước cân đối tiền - hàng trong suốt thời gian đen tối của nền kinh tế bao cấp.

Đầu thập niên 90, sau sự tan rã của khối COMECON, luồng xuất khẩu lao động đã giảm hẳn, rồi chuyển sang những khu vực mới như : Hàn Quốc, Nhật, Lào, Trung Đông, Libya... Từ 1992 đến 1997, Việt Nam đã đưa hơn 60 000 người đi làm việc ở nước ngoài. Riêng ngành y tế có khoảng 3000 chuyên gia đang làm giáo sư, bác sĩ, y tá, kỹ sư ở 18 nước trên thế giới. Chỉ tính hai năm 1996-1997, đã có 30 000 người đi lao động ngoài nước với mức thu nhập ròng bình quân là 400 USD/tháng. Người lao động đi làm việc ở nước ngoài không những có được mức thu nhập cao hơn trong nước (bình quân cao hơn từ 4 đến 6 lần), mà còn được học hỏi và đào tạo tay nghề kỹ thuật, tiết kiệm cho nhà nước hàng ngàn tỉ đồng đầu tư đào tạo nghề và tạo việc làm (bình quân 100 triệu đồng cho một chỗ làm với tay nghề cao, từ 30-50 triệu đồng cho một chỗ làm với tay nghề trung bình, từ 10-15 triệu đồng cho một chỗ làm trong thủ công nghiệp).

Trong hội nghị về xuất khẩu lao động tháng 8 vừa qua, chính phủ đã khẳng định : “ Xuất khẩu lao động trước mắt cũng như lâu dài là một hướng quan trọng của chương trình giải quyết việc làm quốc gia ”, và chỉ tiêu nhắm tới sau năm 2000 là có từ 400 đến 500 nghìn lao động Việt Nam làm việc ở ngoài nước. Ngoài những thị trường lao động truyền thống đang được khởi động lại (Nga, Ukraina, Tiệp...), chính phủ cho biết đang khai thông những thị trường mới như Đài Loan, Singapore, Brunei, Các tiểu vương quốc Á-rập thống nhất hay quần đảo Thái Bình Dương Sai pan (lãnh thổ hải ngoại của Mỹ)... Song, từ một năm nay, cuộc khủng hoảng khu vực đã thu hẹp thị trường xuất khẩu lao động quan trọng nhất là Hàn Quốc và, trong tám tháng đầu năm 1998, Việt Nam chỉ đưa đi có 7000 người làm việc ở nước ngoài.

Chính phủ hiện đang chuẩn bị một số biện pháp nhằm đẩy mạnh quy mô xuất khẩu lao động, như cho phép những

cá nhân ra nước ngoài làm việc nếu có tổ chức nước ngoài thuê ; người nghèo được vay vốn để đi lao động ở nước ngoài ; những doanh nghiệp tư doanh được tham gia hoạt động xuất khẩu lao động. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 27.8 và 10.9.98)

Tin ngắn

• Hạn hán đã qua đi vào đầu tháng 9, nhưng do kéo dài quá lâu, ảnh hưởng của nó còn rất nặng nề đối với tỉnh Quảng Trị. Một quan chức trong tỉnh đã tuyên bố với báo chí là khoảng hơn 200 000 dân trong tỉnh đang thiếu ăn vì mất mùa.

• VN và Hoa Kỳ đã khởi sự tại Hà Nội ngày 15.9 vòng thứ 6 của cuộc thương lượng về hiệp ước thương mại giữa hai nước. Theo đại sứ Peterson, những vấn đề chính của cuộc thương lượng lần này liên quan tới những điều khoản về đầu tư ở VN, quyền sở hữu và các vấn đề quan thuế.

• Một tổ chức của Liên hiệp quốc, UNFPA đã tài trợ cho bộ Giáo dục và đào tạo VN một dự án hỗ trợ giáo dục và đào tạo về dân số, sức khoẻ, sinh sản trong các trường học. Dự án có vốn 2,5 triệu đôla, sẽ được triển khai trong ba năm 1998-2000. Tất cả các giáo viên phổ thông, 1/3 giáo viên dạy môn sinh học, giáo sinh các trường sư phạm... sẽ được đào tạo, tập huấn về các nội dung liên quan.

• Từ ngày 15.9.1998, VN thông tấn xã đã hoàn toàn ngưng truyền các bản tin trên làn sóng ngắn, thay vào đó là đưa chúng vào trang nhện VNANET trên mạng toàn cầu, địa chỉ : <http://www.vnagency.com.vn> . Người ta có thể đọc VNANET bằng các thứ tiếng Việt, Anh, Pháp và Tây Ban Nha.

• Một đoàn chuyên gia Nga thuộc các bộ Mỏ, Dầu khí và Năng Lượng, đã tới VN ngày 18.9 để thương lượng lại hợp đồng xây dựng nhà máy lọc dầu Dung Quất mà chính phủ Việt Nam vẫn nhất định muốn xây dựng, mặc dù nhiều công ty tây phương đã bỏ cuộc vì tính phi kinh tế của nó. Hợp đồng với công ty Nga Zarubezhneft được trù liệu ký kết vào ngày 25.9, còn có sự tham dự của công ty Mỹ Foster Wheeler Corp. nhưng phía Nga cho biết còn nhiều điều khoản cần được xem xét kỹ hơn.

• Công ty Mỹ Oxbow Energy Corporation, trúng thầu dự án xây dựng một nhà máy điện năng suất 300 megawatt ở tỉnh Quảng Ninh, với vốn đầu tư 350 triệu đôla, cho biết buộc lòng phải tạm xếp lại dự án vì không thoả thuận được với phía Việt Nam về giá cả sản phẩm.

• Theo báo Lao Động ngày 18.9, bộ y tế VN cho biết đang nghiên cứu việc cho phép bán thuốc cường dương Viagra, “ sau khi biết rõ về các hệ quả của nó ”. Trong khi chờ đợi, Viagra dởm đã xuất hiện trên thị trường. Tháng 8, công an đã bắt giữ 6 người buôn thuốc giả, với tang vật hơn 1000 viên Viagra...

• Theo báo cáo hàng năm của Chương trình Liên hiệp quốc vì phát triển (UNDP), VN được xếp thứ 122 trên 174 nước trong bảng “ chỉ số phát triển con người ”. Chỉ số này là một tổng hợp các thống kê về tuổi thọ, thu nhập, giáo dục...

Xếp đầu bảng là các nước Canada, Pháp, Na Uy, Mỹ... Cuối bảng chủ yếu là các nước châu Phi, một số nước châu Á.

• Hú vía. Khách mệt điệu chùa Hương có thể thở phào, nhẹ nhõm. Trước sự phản đối của dân địa phương, uỷ ban nhân dân tỉnh Hà Tây đã phải thu hồi quyết định cho xây một đường cáp treo (téléphérique) chở người lên chùa vãn cảnh. Rừng Mai và Khe Yên vẫn còn những ngày tấp nập người đi...

• Trung tướng Lê Văn Dũng, uỷ viên trung ương đảng CSVN, phó chủ nhiệm tổng cục chính trị, đã được cử làm tổng tham mưu trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, thay thế trung tướng Đào Trọng Lịch bị thiệt mạng trong một tai nạn máy bay hồi tháng 5 vừa qua (ĐD số 76).

chuyện nhỏ

(tiếp theo trang 16)

Có người đã nảy ra một ý kiêng tiền khá hay (và cũng rất Mĩ) : Bán một loại sticker (giấy dán) hình lỗ khoá để những ai đã được đọc trên Web hoặc bắt kì đâu đó quyển dâm thư mềm (soft pornography) — rất tồi — của nhà xuất bản Kenneth Starr hanh diện dán lên mắt mình. Đây cũng là cách giúp những "voyeurs" mãn tính còn phải ẩn danh cũng có thể nhờ cơ hội này mà ra khỏi tủ áo (out of the closet) của họ.

Nhưng cuộc đời, dù là cuộc đời của mấy ông bà chính khách Mĩ, vẫn không thể hoàn toàn là trò hề trên sân khấu suốt 24 giờ trong một ngày. Vốn trót dại là con người, họ vẫn phải là chồng, là vợ, là bố, mẹ, con cái của người khác.

Những hệ quả việc làm của họ, nếu không làm chấn thương nỗi cái tâm lí và nhân cách trơ lì của tự thân họ, nó vẫn có thể làm đau đón người khác. Trong cái đầu trường chính trị, đạo đức có thể là đạo đức giả ; sĩ diện có thể là sĩ diện hão ; nhiệt tình có thể là những màn lèn gân ; nước mắt là nước mắt cá sấu, khiến cho những con rối chính trị dễ quên rằng nỗi đau đón và ô nhục của những con người bình thường, như vợ, con, cha mẹ, của họ có cơ là rất thật. Và có lẽ, cuối cùng rồi, một xã hội thật sự có văn hoá là một xã hội biết lượng định được những tác hại "thứ cấp" mà nó gây ra cho những con người bị "lạc đạn" trong những cuộc chém giết của những chính khách.

Cái độc ác trâng tráo của chính trường qua đi, cái cay độc vì bất lực (chính trị, chưa có thuốc chữa) của những công dân bị dân chủ toé bùn vào mặt qua đi, cái còn đọng lại sẽ là cái vị đắng khi nghĩ về những người vợ, người chồng, người con... sống sót (và khóc thầm ?) qua trận voi dãy, lừa xé trong mùa... tranh cãi.

Cô thiếu nữ Chelsea, chưa đầy tuổi đôi mươi, dù là con ông Clinton, cũng đáng cho nhiều người tôn trọng nhân quyền của cô. Giả mà Clinton có thể nói với các công dân bị đô hộ bởi tivi và Web rằng : sau con say sex, chỉ vì nghĩ tới Chelsea, với phần lương tri còn sót lại của một kẻ làm cha, ông ta đành chấp nhận nói dối, và thầm cầu nguyện rằng lần nói dối này sẽ trót lọt, thì bản thân kẻ viết mấy dòng này có thể "thông cảm" được với ông ta. Ít ra ông ta cũng là một kẻ đánh con bạc tuyệt vọng để vớt vát một chút gì đáng vớt vát, dù đây là một canh bạc có những tay bịa chuyên nghiệp tham dự ; trong đó phải nói Clinton vừa tội vừa quáng.

Nguyễn Lộc (9.98)

Đọc báo trong nước - trang giáo dục

Học phí : Bao giờ phụ huynh mới thôi bị "tự nguyện" ?

LTS : Tiếp theo thông tư đầu năm học 1998 - 1999 của bộ giáo dục - đào tạo cấm các trường học thu học phí ngoài những qui định của bộ (xem tin bên cạnh), sở giáo dục - đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh có tuyên bố xóa các "sổ vàng" trong các nhà trường. Nhưng "sổ vàng" biến đi thì lại xuất hiện "sổ tự nguyện", và thay vì do nhà trường thì do các hội phụ huynh học sinh thu góp. Bài điều tra dưới đây của nhóm phóng viên giáo dục báo Tuổi Trẻ (đăng ngày 19.8.1998) nêu ra trò ảo thuật của mùa tựu trường năm nay, dẫn tới câu hỏi không thể không đặt ra là : "Hội phụ huynh học sinh đại diện cho ai ?"

Một phụ huynh trường Lương Đình Của sau buổi họp với hội phụ huynh đầu tháng 8 đã bức xúc ta thán : "Trần thân lắm mới được xét duyệt vào học nhưng đâu đã xong, chưa vào năm học đã thấy hội phụ huynh kêu gọi đóng góp".

Anh kể lại buổi họp phụ huynh được sắp xếp rất có bài bản... Buổi họp bắt đầu lúc 16 giờ, khi học sinh sắp tan học (hè). Hai ông cựu hội trưởng và hội phó của năm học đã qua (tự giới thiệu là làm nhiệm vụ này từ 9 năm trở lên), sau khi khen hết lời cơ sở vật chất của trường và nhấn mạnh là do những phụ huynh lớp trước đóng góp 5,7 triệu đồng xây mới các dãy lớp, hai ông đề nghị các phụ huynh mới cần phát huy : tu bổ. Chi phí hết 250 triệu đồng. Công trình đã được khảo sát và được duyệt (!). Và mặc cho mọi người bàn tán thắc mắc, các ông nhanh chóng kết luận : 200 học sinh ngoài tuyển (nhà ở không nằm trong địa bàn của nhà trường) chia ra mỗi người đóng 1,2 triệu đồng... Gần 18 giờ, con đợt ngoài sân, tất cả đều sốt ruột. Một phụ huynh chịu không nổi đứng dậy nói : "Trước sau gì cũng phải đóng, thì thôi đóng cho xong". Buổi họp tan. Anh ấm ức : "Tôi cũng như nhiều phụ huynh khác cùng có một tâm trạng : lo cho con vào được tối đây rồi còn eo seo nhõ con bị đì thì khổ. Nhưng không hiểu nổi tại sao uỷ ban nhân dân đã thông báo cấm các trường thu thêm các khoản ngoài qui định mà năm nào trường cũng thu ?".

Giải thích việc này, bà hiệu trưởng cho rằng điều này nằm trong quyền hạn của hội phụ huynh học sinh, miễn là phương thức thu hợp lý. Bà nhấn mạnh phụ huynh phải hiểu, được học trường thế này cũng là do phụ huynh đóng góp. Học sinh ngoài tuyển muốn chọn trường tốt phải có nghĩa vụ. Cứ cái lý ấy thì học sinh đầu cấp vào trường năm nào cũng phải đóng ? Bà không ngần ngại : "năm sau cũng phải vận động, những công trình mới xây dựng hằng năm, không kịp thời tu bổ sẽ xuống cấp".

Gặp một chị phụ huynh đón con trước cổng trường Triệu Thị Trinh (quận 1) chưa hỏi chị đã chìa biển lai vừa đóng 2 triệu đồng, giọng bức bối : "Tôi ở ngay địa bàn trường, vợ chồng đều là công nhân viên hành chính, chạy ngay 2 triệu đồng đâu phải dẽ. Mấy năm trước đứa lớn vô trường cũng phải đóng một mớ rồi". Năm ngoái để xây dựng 14 phòng học (theo kế hoạch) đã thu mỗi học sinh lớp 1 từ 1,5 đến 2,5 triệu đồng. Học sinh lớp 2 từ 800 000 đến 1 triệu đồng. Năm

nay, được phòng giáo dục, uỷ ban nhân dân quận 1 bật đèn xanh, trường lại tiếp tục thu học sinh lớp 1 từ 2 đến 3 triệu đồng tùy theo diện, mà theo báo cáo là để xây 6 phòng chức năng.

Ngoài lý do phổ biến là vận động thu cơ sở vật chất, còn có 1001 lý do khác để trường thu tiền. (...) Ở khu vực nhà nghèo của quận 1, nhiều phụ huynh trường Trần Khánh Dư năm nay rất ngạc nhiên khi được yêu cầu đóng 120 000 đồng tiền trường nhưng biên lai chỉ ghi 15 000 đồng tiền cơ sở vật chất. 105 000 đồng còn lại là tiền gì? Bà hiệu trưởng cho chúng tôi xem cuốn sổ ngoài bìa ghi: "Sổ tự nguyện đóng góp hội phí", và giải thích: "Do tình hình tài chính của trường còn yếu nên hội phụ huynh vận động hỗ trợ. Phụ huynh tự nguyện đóng và tự ghi vào sổ, trường thu giúp cho hội nên không ghi biên lai".

Có vẻ như các khoản thu, cách thu đều hợp lệ khi các trường đều thực hiện đúng bài bản: vẽ ra kế hoạch, thông qua phòng giáo dục hay uỷ ban nhân dân phường hoặc quận, rồi nhờ hội phụ huynh đứng ra thu. Tất cả đều "tự nguyện", chúng tôi nghe câu này lặp đi lặp lại hàng chục lần từ phía nhà trường, nhưng những phụ huynh không đóng được hoặc không muốn xin giảm đều phải có lý do chính đáng.

(...) Năm nay, sở giáo dục - đào tạo và uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã qui định khá cụ thể học phí và nhiều khoản thu khác, kèm theo một nghiêm lệnh "cấm các trường thu ngoài các khoản qui định". Vâng, nhà trường đâu có đứng ra thu nhưng phụ huynh vẫn phải cứ đóng, vì người yêu cầu chính là đại diện của phụ huynh học sinh kia mà.

Cô bé bán khoai đậu ba trường đại học

LTS : Trong kỳ thi vào đại học tháng 8 vừa qua tại TP HCM, Trần Bình Gấm, học sinh trường Lê Hồng Phong, trúng tuyển ba trường đại học Y dược, Trung tâm đào tạo cán bộ y tế và khoa công nghệ thông tin trường đại học Khoa học tự nhiên. Chân dung dưới đây của cô Gấm đăng trên số báo ngày 20.8.98 của Tuổi Trẻ đã làm cho dư luận người đọc không chỉ xao xuyến và nghẹ suy...

Sau bài này, tòa soạn Tuổi Trẻ đã nhận được ngay trong ngày 21.8 trên 6,8 triệu đồng và một số quần áo của người đọc mang đến tặng cho Trần Bình Gấm. Nhiều người đọc khác đã trực tiếp đến thăm gia đình của Gấm và tặng hơn 7 triệu đồng và quần áo, tập vở... Toàn bộ số tiền trên cô Gấm dự định sẽ giúp mẹ trả nợ (hơn 10 triệu đồng). Ngoài ra đã có hai công ty đứng bảo trợ cho Gấm toàn bộ học phí suốt sáu năm học đại học Y dược.

Một nữ sinh viên trường đại học Văn Lang vừa được một tổ chức từ thiện Nhật Bản chọn cấp học bổng cho năm học đầu tiên (1,8 triệu đồng) đã nhường lại suất học bổng cho Trần Bình Gấm. Một cụ già đứng bán nem ở phà Mỹ Thuận đã chặn xe hơi của báo Tuổi Trẻ chở Trần Bình Gấm đi dự lễ "học trò giỏi" ở Cần Thơ để trao "một chút ít tiền ăn học cho Bình Gấm" (2 triệu đồng). Tại Cần Thơ, một học sinh tiểu học trường Lê Quý Đôn đã đem số tiền để dành "để tặng cho chị Gấm" ... (Tuổi Trẻ 22, 25 và 27.8.98)

Hơn 10 giờ đêm, một cô giáo dạy ở Trường Lương Thế Vinh còn thấy cô học trò nhỏ đi bộ thơ thẩn trên đường Ba

Tháng Hai, trên tay cầm tập vé số. Cho đến lúc ấy, chân dung của cô học trò giỏi xuất sắc suốt mấy năm trời đến trường chỉ mặc duy nhất một cái áo trắng đã ngả màu mới hiện rõ... Chiếc áo ấy, theo lời cô Kim Dung, cô giáo dạy toán của Trần Bình Gấm năm lớp 6, thì để ý lắm mới nhận ra Gấm đến trường chỉ với chiếc áo duy nhất trông đã có vẻ rất chật. Hàng ngày cứ sau giờ học, Gấm đi nhận vé số về bán đến 11, 12 giờ khuya mới về đến nhà. Có hôm Gấm kể: "Mới đầu cũng mặc cũ, nhưng thấy ba đạp xích lô cực quá trong khi năm chị em đều còn đi học, lúc nào cũng bị nợ nần nên tập vài ngày cũng quen. Có vài lần gấp quá mình cũng mang theo tập để học, nhưng thấy ngại vì sợ người ta nghĩ rằng mình cố tình ra vé học sinh, thương hại nên lại thôi". Vậy là cứ tranh thủ 4, 5 giờ chiều, Gấm chạy ù về nhà phụ mẹ và học. Không thì khuya cách mấy vẫn ngồi học cho kịp được....

Đến thăm nhà Gấm, chúng tôi mới hiểu thêm sự cung quẫn của gia đình. Căn nhà giống như một túp lều không đầy 10 m² là chỗ ăn ngủ của sáu mẹ con. Hôm nào trời mưa, nước từ trên mái cứ đổ xuống thoái mái. Chỗ ở ấy cũng không phải là nhà của Gấm mà là của người bà con cho ở tạm. Từ khi Gấm vào học cấp III ở trường Lê Hồng Phong, ngay cả mỗi lấy vé số để bán cũng bị cắt đứt vì nợ quá nhiều. Gấm xoay qua giúp mẹ ngồi bán khoai lang, khoai mì và mía ghim ở ngoài đầu hẻm.

Cha Gấm mất vì bị ung thư phổi và lao lực quá sức sau một tháng nằm bệnh viện. Tiền viện phí, tiền thuốc thang, tiền ăn học của năm chị em... khiến mẹ Gấm quẫn quá làm liều đi vay nặng lãi: 1 triệu đồng, phải trả tiền lời gấp 10 000 đồng/ngày, đâu khác 3 triệu, tháng trả 45 000 đồng. Cả gia đình lún sâu vào nợ, nợ mẹ để nợ con, nợ vé số chưa trả được, nợ tiền khoai, tiền góp... Ngày nào cũng có "anh chị" đến hăm dọa, đòi đốt nhà. Gấm kể: "Có hôm cả nhà phải khóa cửa đi trốn nợ. Có lúc đi một mình, có lúc dắt theo đứa em đi tha thẩn trong ga đến gần 12 giờ khuya mới dám về nhà. Đến nỗi tiền điện nước câu nhè nhà hàng xóm đến tháng không có tiền trả, người ta cứ canh đang bán là ra thu góp mỗi ngày 5 000 đồng".(...)

Cái chết của cha, cái cảnh hằng ngày thấy những người nghèo khổ chỉ dám ra tiệm mua đồ vài viên thuốc chứ không dám đi khám bác sĩ, đã thôi thúc cô học sinh nhỏ bằng mọi cách phải học giỏi để trở thành bác sĩ. Cô Kim Dung kể: "Có lần tôi đã nói với Gấm học y sỹ sau này ra trường không tìm được việc làm ở thành phố, có đi tỉnh cũng phải về những huyện xa nhất. Gấm nói cô nào em cũng học, đi đâu em cũng đi, đi càng xa thì mới giúp được người nghèo". (...)

Tất cả đã không cản được Gấm tiếp tục học và thi đậu vào cả hai trường đại học Y dược và Trung tâm đào tạo cán bộ y tế, và khoa công nghệ thông tin trường đại học Khoa học tự nhiên (Gấm thi vào khoa toán trường đại học Sư phạm đạt 19 điểm và chuyển qua).

Nỗi vui mừng chưa dứt, Gấm đã phải nghĩ đến khoản học phí trước mắt. Nợ nần còn chồng chất, đâu đâu ra? "mình đã nghĩ đến việc nếu không còn cách nào khác thì xin bảo lưu kết quả một năm để đi làm kiếm tiền...", Gấm nói buồn buồn nhưng rồi lại tự tin khẳng định: "Nhưng dù gì mình cũng sẽ không bao giờ từ bỏ con đường đã chọn"

Hoài Trang

hồ sơ LÊ HỒNG HÀ

Cách đây 2 năm, Toà án Hà Nội đã kết án tù giam hai ông Lê Hồng Hà (2 năm), Hà Sĩ Phu (1 năm) và tù treo ông Nguyễn Kiến Giang (15 tháng) vì “tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”, cụ thể là truyền tay nhau bản chụp lá thư đề ngày 9.8.95 của ông Võ Văn Kiệt gửi cho Bộ chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam (*Diễn Đàn* đã đăng toàn văn tài liệu này trên số 48, tháng 1.96). Vụ án này đã gây sự phẫn nộ nơi dư luận trong nước và ngoài nước. Lúc ấy, chúng tôi đã viết : « *Kết án một cách vô đạo sau một phiên tòa dấm díu. Sự dấm díu, tự nó, là một lời thú nhận. Song đã làm càn, thì hãy có gan đảm nhiệm sự càn rõ. Bằng không, tưởng cũng nên chấm dứt hẳn trò hèn công lý và trả ngay tự do cho Lê Hồng Hà, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu, Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Tuệ Sĩ và mọi tù nhân chính trị...* » (*Một phiên tòa dấm díu, một bản án vô đạo*, DĐ số 55, tháng 9.96).

Nhân cuộc ân xá 2.9 vừa qua, chính quyền Việt Nam đã trả tự do cho một số tù nhân chính trị (cụ thể, tất cả những nhân vật kể tên ở trên, nay đều đã/vừa tìm lại tự do)...

Phản động các nhà quan sát cho rằng quyết định này của chính quyền nhằm tranh thủ các nước phương Tây (Mỹ và Âu châu) giữa lúc Việt Nam đứng trước những khó khăn mới về kinh tế trong một châu Á khủng hoảng khá nặng nề. Người phát ngôn Bộ ngoại giao Việt Nam tất nhiên đã bác bỏ cách phân tích này.

Lời cải chính của Bộ ngoại giao Hà Nội sẽ tăng sức thuyết phục nếu chính quyền tiếp tục quyết định ân xá bằng những bước đi cụ thể trong chiều hướng tôn trọng quyền tự do tư tưởng, tôn trọng tinh thần pháp luật. Một trong những bước đó là thái độ của nhà cầm quyền đối với yêu cầu chính đáng của ông Lê Hồng Hà : huỷ bỏ bản án tháng 8.96, phục hồi danh dự và đầy đủ các quyền công dân của ông Lê Hồng Hà và các ông Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang.

Trong hồ sơ này, chúng tôi đăng toàn văn : (1) lá thư của ông Lê Hồng Hà gửi chánh án Toà án nhân dân tối cao và viện trưởng Viện kiểm sát tối cao (tháng 1.98), (2) lá thư gửi chánh án Toà án nhân dân tối cao của ông Lê Giản, nguyên giám đốc Công an, nguyên phó chánh án Toà án nhân dân tối cao (tháng 6.98). Lá thư của ông Lê Giản tiêu biểu cho một loạt thư, bài viết, phát biểu của những đảng viên lão thành (tướng Trần Độ khi gặp ông Lê Khả Phiêu, các ông Hoàng Hữu Nhân, nguyên bí thư Hải Phòng, Nguyễn Văn Đào, nguyên Bí thư Hà Nội, Nam Định, Ninh Bình), nhà văn (Hoàng Tiển, Tiêu Dao Bảo Cự, Phạm Quế Dương), cựu chiến binh (Phạm Vũ Sơn, Trần Bá)... nhất loạt đòi xét lại vụ án Lê Hồng Hà, hỗ trợ cho Luật sư Đàm Văn Hiếu (thư ngày 28.3.98 gửi chánh án TANDTC).

1. Thư của ông Lê Hồng Hà

Hà Nội, ngày tháng 1 năm 1998

Kính gửi :

- Ông Chánh án Toà án nhân dân tối cao
- Ông Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao

Đồng kính gửi :

- Ông Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam
- Ông Trần Đức Lương, Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam
- Ông Nông Đức Mạnh Chủ tịch Quốc hội
- Ông Phan Văn Khải, Thủ tướng Chính phủ
- Ông Lê Quang Đạo, Chủ tịch Uỷ ban Mặt trận TQVN
- Ông Lê Minh Hương, Bộ trưởng Bộ nội vụ
- Ông Bộ trưởng Bộ Tư pháp
- Ông Cố vấn Đỗ Mười
- Ông Cố vấn Võ Văn Kiệt
- Ông Tổng thanh tra Chính phủ

Tên tôi là Lê Hồng Hà, sinh năm 1926, đã tham gia hoạt

động Việt Minh từ năm 1944, tham gia Tổng khởi nghĩa 19/8/1945 ở Hà Nội và liên tục tham gia Cách mạng cho tới khi về nghỉ hưu (năm 1992), với bậc lương cố vấn bậc 2 (chuyên viên 8), xin trình bày với Ông sự việc sau :

1. Ngày 6/12/1995 tôi đã bị Công an Hà Nội bắt giam và ngày 22/8/1996 bị Toà án nhân dân Hà Nội kết án 2 năm tù giam về tội “cố ý làm lộ bí mật Nhà nước”, cụ thể là “đã đọc và chuyển cho người khác đọc bức thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị đề ngày 9/8/1995”. Sau khi phiên tòa phúc thẩm ngày 22/11/1996 xử y án như phiên tòa sơ thẩm, tôi đã có viết đơn cho Ông Tổng bí thư Đỗ Mười và Ông Chánh án Toà án nhân dân tối cao, trong đó tôi có nêu rõ bản án của cả hai phiên tòa là hoàn toàn trái pháp luật.

2. Đến nay, dù tôi đã được trả tự do từ ngày 6/8/1997 (trước kỳ hạn 4 tháng), tôi viết tiếp lá đơn này tôi Ông đòi hỏi Toà án xem xét lại và huỷ bỏ bản án phi pháp đó, khôi phục danh dự cho ba công dân Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang và tôi, chỉ vì một lẽ đơn giản là chúng tôi không hề phạm tội.

Lập luận của chúng tôi thực ra hết sức rõ ràng : dựa trên Pháp lệnh về Bảo vệ bí mật Nhà nước, thì thư Ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ chính trị ngày 9/8/1995, xét cả về mặt nội

dung cũng như hình thức, hoàn toàn không phải là tài liệu Tối mật. Nội dung của bức thư hoàn toàn không dính với điều 7 của Pháp lệnh quy định rõ phạm vi và danh mục những vấn đề thuộc loại Tối mật. Còn về **hình thức**, bức thư không hề có số công văn, không có dấu đóng tối mật, v.v... theo như quy định của điều 3 trong Quy chế Bảo vệ bí mật Nhà nước được ban hành kèm theo Nghị định 84/HĐBT ngày 9/3/1992 của Hội đồng Bộ trưởng.

3. Thấy không thể dựa vào Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước, nhưng lại muốn tỏ ra là có tuân thủ theo luật pháp, các cơ quan Công an, Kiểm sát, Toà án phải dựa vào Kết luận của công văn số 303/KTN của Văn phòng Chính phủ ngày 23/12/1995 : “ **Nội dung và hình thức tài liệu do cơ quan An ninh điều tra thu giữ là tài liệu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt, thuộc danh mục bí mật Nhà nước, độ tối mật được quy định tại Điều I mục II, khoản 5, Quyết định số 338/TTg ngày 29/6/1994 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục bí mật Nhà nước của Văn phòng Chính phủ” .**

Bản chứng nhận của Văn phòng Chính phủ xét về nội dung là hoàn toàn trái pháp luật và không có giá trị pháp lý vì những lý do sau đây :

- 3.1. Xét về nội dung, ý tứ và lời lẽ của bức thư, thì đây là thư Ông Võ Văn Kiệt với tư cách là một đảng viên gửi Bộ chính trị, nghĩa là một tài liệu của bên Đảng, **không phải là tài liệu với tư cách Thủ tướng**, trong thư không hề xưng danh Thủ tướng, không có đóng dấu và số công văn của Văn phòng chính phủ. Người ký vào bản chứng nhận này đã làm một việc phi pháp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc mạo nhận này.
- 3.2. Quyết định 338/TTg ngày 29/6/1994 của Thủ tướng Chính phủ chỉ là **một văn bản hành chính nội bộ** của Văn phòng Chính phủ, thuộc loại văn bản **không được phổ biến rộng rãi, báo chí**. Do đó, các cơ quan luật pháp **không có quyền dựa vào một văn bản hành chính nội bộ** để truy tố và xử tội công dân.
- 3.3. Nội dung Điều 1, mục II, khoản 5 của Quyết định 338/TTg là trái với Điều 1 và Điều 7 của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước, tức là **trái với luật, do vậy mặc nhiên không thể trở thành căn cứ để xét xử tội công dân được**.

Hơn nữa theo bộ luật, khi xét xử tội danh “ **Tiết lộ bí mật Nhà nước** ”, thì thông thường **chủ thể của tội phạm chỉ có thể là những cán bộ đương chức, có nhiệm vụ quản lý những bí mật của Nhà nước**, chứ không thể tùy tiện di xuôi tui những cán bộ đã về hưu, những người chỉ vì quan tâm đến vận mệnh của đất nước mà ngẫu nhiên đọc thư của một Đảng viên gửi Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt Nam.

4. Những điều trên đây chắc chắn cơ quan luật pháp **đều hiểu rất rõ**, vì vậy để che đậy hoạt động trái pháp luật của mình, họ đã thi hành những thủ đoạn hoàn toàn trái với các điều khoản trong **Bộ luật Tố tụng hình sự** (BLTTHS), mà tôi xin nêu ra sau đây :

- 4.1. Biết rằng nếu để lại bức thư của Ông Võ Văn Kiệt trong hồ sơ, thì tính chất vô lý của vụ án sẽ quá lộ liễu, họ đã trang trọng **rút ra khỏi hồ sơ bức thư của Ông Võ Văn Kiệt “ tang chứng duy nhất và quan trọng nhất của vụ án”**. Và sự lúng túng ấy thể hiện ra ở chỗ trong

Bản kết luận điều tra của Cơ quan an ninh thì viện dẫn tuỳ tiện là thi hành Điều 57 của BLTTHS còn trong Bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát Hà Nội thì lại nói rằng Cơ quan an ninh thi hành điều 58 của BLTTHS (?). Họ tuỳ tiện viện dẫn, trong khi Điều 57 và 58 của BTTHS đều không cho phép cơ quan Công an rút tài liệu ra khỏi hồ sơ khi đưa ra xét xử tại Toà án.

- 4.2. Trong khi BLTTHS cho phép bị can được gấp luật sư ngay từ khi bị bắt, nhưng cơ quan Công an, Kiểm sát tìm mọi cách **ngăn chặn, tuyệt đối không cho luật sư gấp tội trong gần 9 tháng trời** và cuối cùng tôi chỉ được gấp luật sư khi chỉ còn 10 ngày trước khi xử. Đây là thái độ **coi thường pháp luật** của Công an cũng như Kiểm sát Hà Nội.
- 4.3. Vì để dễ bê che đậy những hành vi trái pháp luật của mình trước công chúng, dù cho có toàn quyền xét duyệt, hạn chế số người dự phiên tòa, nhưng để chắc ăn, **họ ra quyết định “ xử kín ”** và chỉ báo cho bị cáo 1 ngày trước khi xử. Nhưng khi đăng tin trên đài báo công khai thì họ không nói gì tới việc xử kín hay hở, làm như họ rất “ **đường hoàng** ” trong việc xét xử.
- 4.4. Trong quá trình xét xử, Thẩm phán tha hồ tuỳ tiện hạn chế bị cáo phát biểu và tìm mọi cách **không cho các bị cáo cung như các luật sư thảo luận về vấn đề chính yếu nhất của vụ án** : “ **Thư của Ông Võ Văn Kiệt có phải là bí mật Nhà nước hay không ?** ”, tức là họ **cố tình bỏ qua căn cứ pháp lý quan trọng nhất của việc xét xử**.

Chỉ cần sơ bộ nêu lên vài điều trên đây cũng có thể thấy các cơ quan luật pháp của Việt Nam đã **diễn đạt và coi thường luật pháp** đến mức nào. Điều đáng lưu ý là ở đây cả ba cơ quan pháp luật lại **thống nhất làm trái với luật pháp** !

Trong quá trình tố tụng, điều đáng buồn và cũng trơ trẽn nhất là **chính các quan chức của cơ quan luật pháp** lại vi phạm **pháp luật chứ không phải là các bị cáo**.

5. Trong các cán bộ lão thành cách mạng, người ta loan truyền rằng : các cơ quan luật pháp đều phải thi hành chỉ thị của “ **cấp trên** ”, ý nói là của Bộ chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Người ta còn nói rằng đấy là sự giải thích của một cán bộ lãnh đạo Toà án nhân dân tối cao (?).

Tôi và nhiều bạn của tôi đều băn khoăn suy nghĩ và không tin vào điều đó, vì chúng tôi nghĩ rằng Bộ chính trị bao gồm những người ưu tú trong hàng ngũ đảng viên, chẳng bao giờ lại họp bàn tập thể để ra một nghị quyết xét xử trái pháp luật như vậy, nhất là khi đã có Điều 233 của Bộ luật hình sự¹. Đỗ trách nhiệm cho Bộ chính trị là một ý đồ nham hiểm độc ác nhằm bôi xấu Đảng Cộng sản Việt Nam, gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng.

6. Bằng các thủ đoạn phi pháp, Toà án đã **nghị án trái pháp luật** và tôi đã phải ngồi tù oan uổng **20 tháng trời** khi mà tôi đã bước sang tuổi 70. Vì công lý và sự công bằng của pháp luật, tôi viết đơn này đề nghị các cơ quan luật pháp, mà trước hết là Toà án :

1/ Huỷ bỏ Bản án phi pháp này, khôi phục danh dự và bồi thường cho ba công dân : Hà Sĩ Phu, Nguyễn Kiến Giang và Lê Hồng Hà

2/ Tổng kết việc bắt giữ, xét xử sai trái pháp luật, rút ra

các bài học kinh nghiệm để từ nay không được tái diễn nữa

3/ Xử lý các cán bộ ngành Công an, Kiểm sát đã có những hành vi trái pháp luật theo Điều 231 Bộ luật hình sự²

4/ Xử lý các Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân của 2 phiên tòa đã có những hành vi trái pháp luật theo Điều 232 Bộ luật hình sự³.

7. Một số người cho rằng : « Sở dĩ họ phải trừng trị Hồng Hà vì Hồng Hà đã cùng với Ông Trung Thành dám viết thư đòi minh oan cho hàng trăm cán bộ, đảng viên bị oan khuất trong vụ án sai lầm được gọi là “ Vụ xét lại chống Đảng ” ; vì Hồng Hà lại đòi minh oan cho thượng tướng Chu Văn Tấn, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội, bị bắt và chết oan uổng trong nhà tù của ta ». Như vậy là tôi “ chống Đảng ” , là tôi “ diễn biến hoà bình ” , v.v...

Tôi nghĩ có lẽ đó là những loan tin xưởng bậy, vì nếu đó là sự thật thì chả hoá Nhà nước ta lại từ bỏ hoàn toàn tính nhân văn truyền thống của dân tộc ta, phủ định pháp luật của đất nước chăng ?

8. Khi tôi chuẩn bị viết đơn này, thì một số bạn bè khuyên tôi không nên viết, vì “ những người đã làm sai chẳng bao giờ chịu sửa sai ”, “ họ sẽ lờ đi ”, vì vậy viết đơn chỉ lãnh phí thời gian và sức lực, có khi còn bị trù dập tiếp.

Nhưng cũng có nhiều người khuyên tôi cần phải viết đơn, vì chắc chắn trong lãnh đạo không thiếu những người có lương tri, có ý thức tôn trọng quyền công dân, có hiểu biết pháp luật, có dũng khí bảo vệ chân lý để xem xét lại và giải quyết vấn đề. Quyết tâm của tôi viết lá đơn này lại càng được huy động nhờ sự cổ vũ, động viên của đồng bào bạn bè, các cán bộ lão thành cách mạng trong Nam ngoài Bắc. Tôi thực sự cảm phục khi khá nhiều các nhà văn như Bùi Minh Quốc, Tiêu Dao Bảo Cụ, Hoàng Tiến, các nhà khoa học như Nguyễn Thanh Giang, Nguyễn Thanh Đạm, các đồng chí cựu chiến binh Phạm Vũ Sơn, Trần Bá mà trước đây chưa có hân hạnh được quen biết, đã lớn tiếng công khai phê phán sự phi pháp của phiên tòa, không hề e sợ bị bắt bớ, trù dập. Tôi cảm thấy bất ngờ trước dũng khí ngoan cường khi được đọc bức thư của ông Nguyễn Văn Đào, các bộ lão thành cách mạng gửi các nhà lãnh đạo và đặc biệt tôi càng được cổ vũ bởi bức thư dài của ông Hoàng Hữu Nhân, cán bộ lão thành cách mạng, hoạt động cùng thời với đ/c cố vấn Đỗ Mười, nguyên Bí thư Thành ủy Hải Phòng (1956-1966), gửi cho Ông Viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao và cho Ông Chánh án Toà án nhân dân tối cao tháng 12/1997, mà tôi xin trích đoạn ra đây :

« (...) 1/ Không có một chứng cứ gì để làm cơ sở pháp lý buộc tội “ cố tình làm lộ bí mật Nhà nước ” vì nội dung tài liệu đó hoàn toàn không thuộc tài liệu mật, mà trái lại nội dung tài liệu đó rất tốt và bổ ích, càng nhiều người được xem thì chỉ càng có lợi, càng tin đường lối của Đảng đương đi là đúng ; người nước ngoài biết càng khen chủ trương của ta, mà kẻ địch cũng không xuyên tạc được gì, mà còn “ sợ ” Đảng ta đúng. Chính vì tài liệu có ích như vậy, nên ai xem tài liệu đó cũng muốn giới thiệu cho người khác đọc, chứ không phải “ cố tình tiết lộ bí mật quốc gia ”. Tài liệu này được ông bạn cho mượn, hiện tôi vẫn giữ và mấy đồng chí ở gần muốn xem, tôi vẫn đưa cho các đồng chí xem.

Vì vậy vụ án phải được xử lại và cần phải xoá án cho các

bị can.

2/ Sự thực là cơ quan nào đấy, cá nhân nào đấy, biết 3 anh ấy có những quan điểm (như đã nói trên) là sai lầm, có hại, muốn tri nhưng không có cõi gì để tri nên phải tạo có “ lưu truyền tài liệu mật ” để kết án.

Trí tội theo cách này thật là sai lầm, gây ra nguy hại ghê gớm, nếu không kịp ngăn chặn, rút kinh nghiệm thì hậu quả xấu của nó sẽ còn làm cho nhiều người bị xử oan uổng, sẽ “ bớt bạn và tăng thêm đối lập ”. Đây thuộc phạm vi đấu tranh tư tưởng, quan điểm, lý luận để tìm ra chân lý, đoàn kết với nhau. Tuyệt đối không được chụp mũ, nghi ngờ, dùng biện pháp hành chính để trấn áp. Trong lịch sử, ta đã từng có những vụ xử trí sai như thế này rồi, mà ay sao còn cứ lặp lại.

3/ Đã có người hỏi một đồng chí thuộc ngành tòa án, có trách nhiệm trong xét xử vụ án này, thì không được giải thích gì cả mà chỉ được trả lời là Toà án xử theo chỉ thị của trên. Đúng là chỉ còn điều này là tôi chưa biết cụ thể : “ trên ” chỉ thị là ai, cá nhân hay tập thể. Vì nhiều lẽ, tôi nghĩ chắc không phải tập thể Bộ chính trị hay Thường vụ Bộ chính trị, mà đây chỉ là cá nhân nào đấy, được phân công phụ trách khối nội chính.

4/ Tôi tin là hai đồng chí, hiện đang nắm những chức vụ chủ chốt của ngành tư pháp, phải thông thạo pháp lý và nắm được tình hình mọi mặt của vụ án này hơn tôi nhiều. Tôi tin rằng hai đồng chí cũng không thấy có lý lẽ gì, không có cơ sở pháp luật nào để xử họ. Vì vậy cần phải tổ chức giám đốc thẩm hoặc tái thẩm để huỷ bản án của 2 phiên tòa đã qua nhằm khôi phục lại uy tín của ngành tư pháp, tòa án, uy tín của Đảng và Nhà nước ta. Đảng ta đương hô hào toàn dân sống và làm việc theo pháp luật mà hai phiên tòa qua đã bôi nhọ, vì chính họ đã xử, đã hành động không theo pháp luật.

Nhưng nếu làm theo đúng luật pháp thì có thể các đồng chí gặp khó khăn vì còn phải theo chỉ thị và chủ trương của “ trên ”. Chắc hai đồng chí sẽ hỏi lại tôi, gấp trường hợp như thế thì xử như thế nào là đúng ?

Theo tôi, một cán bộ (đảng viên hoặc ngoài đảng) chân chính, thật sự vì Đảng, vì dân, thật sự trung thành, không hề vì cá nhân, tư lợi, thì khi thấy Đảng và Nhà nước có chủ trương gì sai, có thể gây nguy hại, thì phải kiên trì và kiên quyết trình bày, thuyết phục bằng lý lẽ đầy đủ để cấp trên nhận ra, chứ không chịu làm theo để tiếp tục bôi nhọ Đảng và Nhà nước. Nếu đấu tranh mà cá nhân bị thiệt thòi, trù dập thì cũng vui lòng chịu đựng vì đã giữ được lòng trung thành thực sự với Đảng, với Nhà nước, và đặc biệt đối với nhân dân (không để xử oan một người dân nào dưới chế độ của ta) như vậy sẽ được thanh thản, không bị lương tâm dày vò day dứt.

Nếu cuối cùng hai đồng chí giải quyết đúng đắn vụ án này, thì số cán bộ ưu tú chúng tôi cũng ăn ngon ngủ yên hơn và cảm ơn hai đồng chí. Thật ra chúng tôi trao đổi với nhau nhiều về vụ này, nhưng nay tôi không muốn dùng từ “ chúng tôi ” để viết mà chỉ dùng từ “ tôi ” để nhỡ có sai sót gì thì cá nhân tôi chịu.

Tôi cũng xin nói rõ thêm một chút : can thiệp vào vụ này không phải chỉ có mục đích minh oan cho ba công dân vô tội mà có mục đích chính là chuộc lại uy tín của Đảng và Nhà nước, của ngành tòa án để sau này không bao giờ mắc lại sai

lầm như vậy nữa... ».

Cuối cùng, với ý thức mỗi người công dân phải có trách nhiệm xây dựng Nhà nước của mình thực sự trở thành là Nhà nước của dân, do dân, vì dân, thực sự tôn trọng pháp luật, nên tôi mạnh dạn viết đơn này và chờ mong Ông Chánh án Toà án nhân dân tối cao và Ông Viện trưởng Viện Kiểm sát tối cao thực hiện đúng chức năng cao quý của mình mà Quốc hội và nhân dân giao phó.

Người làm đơn,

ký tên

Lê Hồng Hà

Địa chỉ nhà riêng : 62 Ngô Quyền, Hà Nội

Điện thoại : 8256540

(1) Điều 233 Bộ luật hình sự : “ *Tôi ép buộc nhân viên tư pháp làm trái pháp luật : Người nào lợi dụng chức vụ, quyền*

hạn ép buộc nhân viên tư pháp điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án trái pháp luật một cách nghiêm trọng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm”.

(2) “ Điều 231 BLHS - Tội truy cứu trách nhiệm hình sự người không có tội :

1. Kiểm sát viên, điều tra viên nào cố ý truy cứu trách nhiệm người không có tội, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến một năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.

(3) “ Điều 232 BLHS - Tội ra bản án hoặc quyết định trái với pháp luật :

1. Thẩm phán, hội thẩm nhân dân nào cố ý ra bản án hoặc quyết định trái pháp luật thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến ba năm.

2. Phạm tội gây hậu quả nghiêm trọng thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

2. Thư của ông Lê Giản

Hà Nội ngày 4 tháng 6 năm 1998

Kính gửi Đồng chí Trịnh Hồng Dương
Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao

1. Tôi, Lê Giản, nguyên Giám đốc Nha Công an (1946-1958), nguyên Phó chánh án Toà án Nhân dân Tối cao (1958-1978), hiện đang hưu trí ở nhà số 08 phố Nguyễn Thương Hiền, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, đã được đọc khá nhiều tài liệu xung quanh vụ đồng chí Lê Hồng Hà, nguyên Chánh văn phòng Bộ Công an, một đồng nghiệp cũ của tôi, cũng đã hưu trí, bị kết án hai năm tù về tội “ cố tình tiết lộ bí mật nhà nước ”.

Các tài liệu đó là :

- Đơn của đ/c Lê Hồng Hà ngày 21/01/1998
- Thư của đ/c Hoàng Hữu Nhân gửi các đồng chí Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao và Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao tháng 12/97
- Bài bào chữa của luật sư Đàm Văn Hiếu ngày 28/03/98
- Các thư của đ/c Nguyễn Văn Đào, của các cựu chiến binh Trần Bá, Phạm Vũ Sơn, của nhà văn Hoàng Tiến (mà theo tôi biết chắc đồng chí đã có đủ cả rồi).

2. Qua đọc các tài liệu nói trên, tôi thấy rõ là :

- a) Thư của đ/c Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính trị ngày 09/08/95 không phải và không thể là tài liệu bí mật vào loại tối mật ;
- b) Cả hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm đã nghị án sai pháp luật ;
- c) Các anh Lê Hồng Hà, Kiến Giang, Hà Sĩ Phu không phạm tội theo điều 92 Bộ luật hình sự ;
- d) Cần phải xét xử lại, huỷ bỏ hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm trước đây, khôi phục danh dự cho ba anh trên.

3. Tôi nghĩ cần làm như thế để :

- a) Cứu vãn uy tín của toà án nói riêng, của các cơ quan pháp luật nói chung ;

b) Cứu vãn uy tín của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa ;

c) Cứu vãn uy tín của chế độ chúng ta.

4. Tôi không hiểu vì sao hồi đó Toà án Nhân dân Tối cao lại chỉ đạo cả hai phiên tòa sơ và phúc thẩm xét xử như vậy. Tôi nghe nói các cấp toà án phải miễn cưỡng xét xử như vậy là do có chỉ thị của một uỷ viên nào đó của Bộ chính trị. Nhưng đáng lẽ là một cơ quan tối cao bảo vệ pháp luật của Nhà nước, Toà án Nhân dân Tối cao chúng ta phải nghiêm chỉnh trình bày tính chất sai trái của chỉ thị để xin miễn chấp hành thì đã không xảy ra chuyện phiền toái như ngày nay.

5. Suy nghĩ lại đã nhiều, tôi quyết định là đề nghị với đồng chí hãy vì uy tín của Đảng, của Nhà nước, của chế độ, và của chính Toà án Nhân dân Tối cao cũng như của các cơ quan tư pháp khác, hãy vì trọng trách bảo vệ sinh mạng của nhân dân, *ra quyết định huỷ bỏ những bản án sai trái, không khôi phục danh dự cho ba công dân Lê Hồng Hà, Kiến Giang, Hà Sĩ Phu*. Nếu có vướng vấp gì với một chỉ thị của một uỷ viên nào đó của cấp trên thì cần dũng cảm và thẳng thắn trình bày rõ. Tôi chờ mong ý kiến sáng suốt và tinh thần trách nhiệm cao của đồng chí đương kim Chánh án Toà án Nhân dân Tối cao.

Xin gửi lời chào quyết tâm bảo vệ công lý.

Lê Giản

Đồng kính gửi :

- đ/c Lê Khả Phiêu, Tổng bí thư BCCTU ĐCSVN (để báo cáo)
- đ/c Trần Đức Lương, Chủ tịch nước
- đ/c Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội
- đ/c Phan Văn Khải, Thủ tướng Chính phủ
- đ/c Hà Mạnh Trí, Viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao
- đ/c Nguyễn Đình Lộc, Bộ trưởng Bộ Tư pháp
- đ/c Lê Minh Hương, Bộ trưởng Bộ Công an.

Nguyễn Lộc

chuyện nhỏ thổi cho to

Nếu bảo rằng nền dân chủ hiện thực của Hoa Kì là nền dân chủ của riêng những người có quyền lực thì chắc không ít người sẽ phẫn nộ, lên tiếng bắc bối. Nếu bảo nền dân chủ hiện thực của Hoa Kì trong những năm cuối thế kỷ vận hành cơ bản dựa trên sự cầu kết và giảng co vì tư lợi của những *Con lừa* và những *Con voi* chính trị thì có lẽ vẫn có người phẫn nộ, bài bác. Thế nhưng, ít ra là thu hẹp trong những tuần vừa qua, nếu không nhìn vấn đề theo một trong hai cách nói trên thì người ta khó mà hiểu được cái động lực hành động của một số nhân vật chủ chốt trong tần tuồng Clinton-Lewinsky.

Khi việc cách chức một tổng thống dân cử không còn là một phương cách trừng phạt những tội vi hiến, mà đã trở thành một mục tiêu, một thứ "thánh chiến" mang tính đảng phái, người dân thường — vốn được nhào nắn dư luận khá tinh vi qua bộ máy truyền thông của Mĩ — đã phải tự mình suy nghĩ nhiều hơn. Dấu hiệu hiển nhiên là sự thất vọng của các chính trị gia (đa số là Cộng hoà) trước dư luận quần chúng về khả năng tiếp tục đảm nhiệm chức Tổng thống của Clinton, sau mỗi chiêu mới họ tung ra để hạ đài ông này : Báo cáo của Kenneth Starr, cuộn băng thu hình dài hơn 4 tiếng đồng hồ cuộc thẩm vấn Clinton trước Đại bồi thẩm đoàn, hơn 3000 trang biên bản và tư liệu chung quanh vụ điều tra (mà mục đích đích thực nguyên thủy hình như nhiều người, kể cả ông Starr, đều quên khuấy đi, để rút lại thành một cuộc truy tầm tập thể về sinh hoạt dục tình buông tuồng của một ông Tổng thống).

Trong một cuộc họp báo chung với TT Clinton, Tổng thống Czech, Vaclav Havel, vị quốc khách của Hoa Kì — khi bị nài ép phải đề cập chuyện lăng nhăng Clinton-Lewinsky — đã phải thú nhận rằng đây là những diện mạo (faces) của Mĩ mà ông không hiểu được. (Reuters 17-9-98) Ông không nói rõ thêm là nhà chính trị hay tác gia của kịch phi lí (*absurdist playwright*) nơi ông đã phải chào thua. Có thể cả hai. Ông Havel không lẻ loi, nhiều người trên thế giới cũng vò đầu bứt tai.

Những gì xảy ra quanh một cái zipper (*fermeture éclair*) và một cái mồm, thật sự đã trở thành một vụ bát nháo, vì nhân danh và lợi dụng các định chế dân chủ, trên tư thế quyền lực của mình, kể cả đặc quyền báo chí, người ta đã ném vào đó đủ mọi thứ to quá khổ : hiến pháp và luật hiến pháp ; đạo lí ; tư cách nhà lãnh đạo (của thế giới, không riêng của Mĩ) ; mù bầu cử giữa nhiệm kỳ (quan tâm này có vẻ "người" hơn); lòng tin của nhân dân (!) ; vân vân và vân vân... Lắng nghe bao nhiêu điều sắc mùi dao lí Mĩ, không khéo, có người phải dâm ra ngơ ngác trước bệnh chứng tâm thần phân liệt của một xã hội ngập ngụa lời mời chào, khêu gợi bán buôn hầu hết mọi thứ bằng SEX, mà vụ buôn bán lớn nhất giờ đây, có cả "tam quyền" tham dự, chiếm ngụ cả hệ thống truyền hình, radio, báo chí, và luôn cả Internet !

Chỉ cần nhìn sự hờ hởi phấn khởi của "ngành lập pháp Hoa Kì", trong quyết định thật chóng vánh, vất mẩy trăm trang báo cáo của Starr lên Web thì đủ thấy nghè bán SEX nó hấp dẫn và phồn thịnh ra sao.

Ở đây, việc ý vào quyền lực của quốc hội cũng ghê gớm (và đáng sợ, như việc mặc nhiên tung ra công chúng các biên bản điều trần trước Grand Jury). Nếu một công dân nào đó được đăng lên trang Web của bao nhiêu là cơ quan truyền thông Mĩ và dịch vụ Internet lớn chừng đó trang mô tả thật chi tiết một số động tác tính dục như trong tác phẩm lớn (trị giá mấy chục triệu đô la) của ông K. Starr thì công dân này có cơ bị tóm cổ và ngồi tù ; còn những Yahoo, MSNBC, những CNN, CBS, ABC... tha hồ mà xin lỗi, mà đập ngực ; vì rõ ràng là thứ văn chương ấy xúc phạm đến cái phong cách thanh giáo (puritanist) của biết bao chính khách, nhân sĩ và nhà lãnh đạo tinh thần (và vật chất) của Mĩ. Và các vị này sẽ tranh nhau mà "ném viên đá đầu tiên". Người ta không dại chơi trò tự ném đá vào mặt mình, nhưng ném đá kẻ khác vẫn là môn thể dục đức hạnh nhiều quyền rũ.

Chưa đủ, để bảo toàn sự thanh bạch, ngay lành của mình, những nhà lập pháp thuộc họ voi, đá cuội còn trong tay, mồm đã há to hơn cả mồm Monica để kêu đòi FBI điều tra về cái "âm mưu" bươi móc vào đời sống tính dục rất là "riêng tư" của các vị (Reuters 17-9-98). Nghi phạm của trò bẩn thỉu này, theo các vị, là những kẻ còn cố lì tạm ngụ cư trong Nhà trắng ; và dĩ nhiên, bươi móc đời tư của các vị quả là trò mất dạy.

Chừng như, để giữ cho tâm trí được lành mạnh, người ta phải nhìn vụ Clinton-Lewinsky như một chuyện diễu, một thứ Saturday Night Show mà thế hệ quý ông Bill, ông Al, ông Newt, ... khôn (!) lén lén cùng với nó. Vì nhở đó tình hình đỡ cái điệu bộ nghiêm trọng, và cũng đỡ khiến ta buồn nôn hơn, nói theo thủ tướng Helmut Kohl (Reuters, 21-9-98).

Qua cách nhìn tiểu lâm, ta lại còn phát hiện không ít những mặt tích cực trong báo cáo của ông Starr ; không như một nhà văn Mĩ đã nhìn một cách khá giản đơn : trong ấy, cái zipper của ông Clinton lúc nào cũng mở, và mồm cô Lewinsky lúc nào cũng há ra (L.A. Times, 9-17-98 — Life & Style Section). Suy nghĩ tích cực cũng lại là phong cách đáng học hỏi của Mĩ. Xin đơn cử vài thí dụ :

Người phụ nữ Mĩ trẻ tuổi Monica Lewinsky nhất định phải được điểm cao về tinh thần quyết tâm hoàn tất việc mình làm (Nói kiểu Mĩ : *finish what you started*). Nỗi bất bình của cô khi Clinton không để cho cô hoàn tất cái công việc cô đang làm được ghi lại rất rõ trong báo cáo của ông Starr. Ông Starr có thể chỉ cần dựa vào điểm này để buộc tội lạm dụng chức vụ TT của ông Clinton, ngược đãi một intern nhiều tài ba và đáng thương xót. Cú xem bảng liệt kê các điều ước (wish list) của người phụ nữ trẻ đầy tham vọng này thì đủ thấy Clinton đã để lại tì vết làm hoen ố cái tương lai của cô đến ngần nào.

Ông Clinton cũng giỏi không kém, dù bận bịu (và vướng víu) đến đâu, ông vẫn làm tròn nhiệm vụ trả lời điện thoại của một tổng thống. Ở đây, ta có thể đoán già đoán non rằng đảng Cộng hoà ganh tị với tài của Clinton. Thủ so với một TT cộng hoà Gerald Ford, không thể vừa đi vừa nhai kẹo cao su, thì Clinton đa năng, tài cán hơn nhiều. Thiết tưởng ông Clinton có thể dùng điểm này để bác bỏ lập luận cho rằng việc ông dính lằng nhằng với đàn bà làm ngăn trở khả năng thi hành chức vụ dân cử của mình. Đáng lí ra, nội dung và phẩm chất các cuộc điện đàm quan trọng này phải được ông Starr sưu tập và ghi lại trong báo cáo của ông, để "nhân dân Hoa Kì" có thể đánh giá hiệu năng làm việc tại hiện trường của vị nguyên thủ thế giới tự do (cũ) này. Vậy mới dân chủ.

(xem tiếp trang 10)

Người thuyền trưởng

Nguyễn Hữu Đang

Công-tranh-biết-kỹ-thiên-tai-vi-xua-quang-tran-thi-vi-nuoi-tieu-tu-thanh-hiep-phap-thuoc-duc-nuoi-chu-c-ho-dan-van-dong-bac-lam-ly-doi-ninh.
*Bài này viết tắt kỹ thuật của nhà xuất bản
Ấn hành vào dịp kỷ niệm năm mươi năm, k
ỷ niệm ngày (1938-1988) với hai bài đánh giá
tác giả là Dương Quang Hiệt (phần dưới).*

(Bút tích của Nguyễn Hữu Đang sửa lại hai bài ông đã viết và đăng trong tập kỷ yếu của Hội Truyền Bá Quốc Ngữ và đúc lại làm một).

LTS - Bài này nguyên lần đầu gồm có hai phần, đã được đăng trong tập kỷ yếu do nhà xuất bản của Bộ giáo dục ấn hành vào dịp kỷ niệm 50 năm thành lập Hội truyền bá Quốc ngữ (1938-1988), dưới hai bút danh Phạm Đình Thái (phần đầu) và Dương Quang Hiệt (phần dưới). Sau đã được tác giả, ông Nguyễn Hữu Đang, đúc lại làm một.

Bước đầu đến với phong trào

Từ xa, lời kêu gọi thiết tha của UNESCO về chiến dịch quốc tế trừ nạn mù chữ trên toàn thế giới trước năm 2000 đã vang động đến tận quê tôi, tới gian nhà bé nhỏ của tôi bên bờ “Ao cá Bác Hồ”, đã khiến tôi chợt nhớ đến Hội Truyền Bá Quốc Ngữ, đến khoảng tròn nửa thế kỷ từ khi Hội ra đời. Nửa thế kỷ của một dân tộc đau khổ mà anh hùng, phấn đấu không mệt mỏi giành quyền sống.

Ôi, Hội thân yêu, Hội đã góp phần đáng kể vào nỗ lực vẻ vang ấy. Đọc cuốn sách của hai ông Vương Kiêm Toàn và Vũ Lân, xuất bản năm 1980, ghi lại khá đầy đủ cách làm và thành tích của Hội, tôi có cảm giác như đọc một bản văn bia dời dào chi tiết. Nhưng bia nào tồn tại lâu dài bằng trí dân dời dời nhô mõi, bằng miệng dân dời dời truyền tụng? Để ca ngợi ngắn gọn thời đại chúng ta, phải chăng có thể nói “Diệt giặc ngoại xâm ta có chiến dịch Điện Biên Phủ, diệt giặc đốt ta có chiến dịch Truyền bá Quốc ngữ”, mà không sợ ai bắt bẻ. Và không phải ngẫu nhiên mà bài dạy vỡ lòng đầu tiên của Hội đã đi vào ngôn ngữ dân gian. Tôi hình dung một lớp phổ thông trung học năm 5000, giờ giảng văn, học sinh hiểu thành ngữ “văn hoá i-tò” nói trình độ học vấn thấp kém nhưng không rõ nguồn gốc thế nào. Thầy giáo hơi ngại trả lời vì sợ phải kể dài dòng, nhưng rồi cũng tươi cười giảng : “Ngày xưa, thời Pháp thuộc, dân ta 90% thất học. Có một Hội gọi là...”.

Mùa hè năm 1938, vào cuối tháng 5, một hôm đọc báo hàng ngày ở một trạm Bưu điện, cách Hà Nội hơn trăm cây số, tôi thấy bài tường thuật buổi cổ động đồng thời cũng là lê

ra mắt của Hội Truyền bá Quốc ngữ Bắc kỳ ở sân quần vợt Câu lạc bộ thể thao An-nam (CSA), mấy nghìn người tới dự, có mặt cả đại diện Thủ tướng Bắc kỳ, tổng đốc Hà Đông, đốc lý Hà Nội, chủ tịch Chi nhánh Hội nhân quyền Pháp, bí thư Chi nhánh đảng Xã hội Pháp (SFIO), nhiều nhân sĩ Pháp, Nam nổi tiếng, tôi chăm chú đọc. Đọc đi rồi đọc lại, không phải để hiểu sâu, nhớ kỹ, mà là để thuởng thức, nghiên ngẫm. Tôi biết ngay đó là một bộ phận của phong trào cách mạng lúc ấy thể hiện rõ trên đất nước mình về mặt công khai bằng Mặt trận Dân chủ sôi nổi, mãnh liệt mà tôi đã tham gia một năm rồi. Niềm vui sướng rộn lên, chỉ trong mươi phút, tôi hạ quyết tâm hoạt động cho Hội. Tôi đang là một giáo viên trẻ mới ra trường, hăng hái xông vào cuộc sống xã hội và khao khát tìm một sự nghiệp. Thế mà công việc tẻ nhạt của một công chức ở nông thôn, trong khuôn khổ nhà trường thực dân, cứ ràng buộc tôi với những ngày chán ngán. Tôi cũng lại đang bước đầu tập nghề viết báo, thỉnh thoảng gọt giũa một bài phụ ngắn cho một tờ báo hằng tuần của Mặt trận, sự rèn luyện và cống hiến chẳng được bao nhiêu. Tôi nghĩ thầm : bây giờ nếu có thêm sự hoạt động cho công cuộc chống nạn thất học nữa thì mình phục vụ được đầy sức, mình sẽ về ở hẳn Hà Nội, dù có gặp khó khăn về vật chất cũng chịu đựng, rồi khắc phục dần.

Trường học bắt đầu nghỉ hè. Tôi thu xếp gấp rút mọi việc trong trách nhiệm giáo viên rồi xách valy về thủ đô. Sinh kế là dạy kèm trẻ nhỏ cho mấy gia đình giàu có, đồng thời làm phóng viên nhật tin vặt trong thành phố cho tờ báo Pháp hằng ngày “Tương lai Bắc kỳ” (L’Avenir du Tonkin). Thế rồi một buổi chiều cuối thu, tôi gặp anh Đào Duy Ký trên đường phố Cổng Đục, tay cầm chiếc cặp tui bằng bìa cứng rách sὸn, đựng cảng phòng giấy tờ, - anh là bí thư Đoàn Thanh niên dân chủ kiêm chủ nhiệm báo Thế giới rồi báo Bạn dân. Bắt tay tôi, chưa kịp buông anh đã hỏi :

- Cậu đã biết Hội TBQN ra đời chưa ?
- Cố biết.
- Thế đã đến giúp việc chưa ?
- Chưa.
- Vô lý quá ! Cậu không làm việc ấy thì làm việc gì hơn ?

Anh hơi cáu, làm tôi bật cười. Tôi nói dồn từng tiếng : “Điều đó chưa chắc. Nhưng việc ấy thì nhất định sẽ làm. Chưa đến được vì còn lẩn tránh về cái cần câu cơm. Mà đến đâu ?”.

Anh dịu giọng : “ Đến hội quán Trí tri, phố Hàng Quat ấy. Tìm Quản Xuân Nam ”.

Thấy anh có vẻ vội vàng, tôi không muốn làm mất thì giờ của anh, chủ động chia tay, chặng cần biết Quản Xuân Nam là người như thế nào, giữ trách nhiệm gì trong Hội. Anh Kỳ đi ngược mươi bước, quay đầu lại dặn với : “ Đến ngay và nhận việc ngay đấy nhé ”. Tôi quay đầu lại gật lia lịa hai cái.

Tôi đã đến. Đang thong thả đi lại ngoài hành lang để quan sát mấy lớp học, tôi bỗng phải để ý một người vẻ mặt tươi hồn hỏ, ôm khẽ nè một bó vở viết đồ sộ, khó nhọc đi về phía tôi. Tưởng tôi là giáo viên ông ta hất hàm thân mật bảo

tôi cùng đi chia vở cho các lớp. Chia xong, tôi hỏi : “ Ông là Trưởng ban dạy học à ? ”. Ông ta vui vẻ đáp : “ Không. Tôi là Quản Xuân Nam, phó thư ký của Hội. Ông muốn gặp Trưởng ban dạy học thì lại chỗ kia ”. Theo tay anh chỉ, tôi đến một cửa lớp học. Trong thấy giáo viên, tôi nhận ra ngay là Vũ Hy Trác, người bạn học cùng trường, trên tôi hai lớp và tôi giờ tay vời gọi anh ra. Anh nhoẻn miệng cười, vừa bắt tay vừa nói thong thả : “ May quá ! Anh đến giúp chúng tôi một tay đúng lúc ”. Rồi nghĩ lại chín chắn hơn, anh vội nói chúa : “ Xin lỗi ! Tôi nóng vội, quên chưa hỏi anh đến với ý định gì, đến xem cho biết hay là nhận việc ? Nếu nhận việc thì tôi nhấn mạnh là việc nặng đang chờ anh đấy. Đang cần ít ra cũng một người như anh ”. Anh động viên khéo. Tôi hơi ngượng, thấy mình được đề cao, tìm câu khiêm tốn trả lời :

– Tôi đến nhận việc. Mỗi chỉ có lòng sốt sắng, chưa biết có làm nên trò trống gì hay sẽ lại chỉ làm vướng chân các anh.

Qua những câu trao đổi với anh Trác, tôi nắm được tình hình Ban dạy học và các lớp. Khai giảng đã hơn một tháng mà ở cả hai khu trường Trí tri và Thăng long, học viên chưa ổn định. Trà trộn vào những học viên thật lòng, có những phần tử tuy cũng là dân nghèo, là người lao động song tư cách kém, đến giả vờ làm học viên để phá quấy hay lợi dụng. Học viên chân chính đi học thất thường hoặc nửa chừng bỏ dở. Về học cụ mới chỉ có sách cho giáo viên dùng, học viên học hoàn toàn ở lớp, đọc trên bảng lớn, tập viết trên bảng con, cứ thế mà *nhập tâm* bài học hằng ngày chứ không có sách để ôn lại ở nhà. Lại còn một bể tắc nữa là tập viết trên giấy. Cho học viên dùng cả cuốn vở thì dễ hỏng, dễ mất, cho học viên dùng từng tờ lẻ thì bảo đảm hơn nhưng vẫn còn thiếu phần chữ mẫu in mờ để họ tô đẽm. Giáo viên thiếu và phần lớn chưa quen lên lớp. Đa số là đoàn viên Thanh niên dân chủ, nhiệt tình nhiều, năng lực chuyên môn ít. Vấn đề đào tạo (huấn luyện sư phạm) đặt ra nóng bỏng.

Tình hình khởi đầu hoạt động của lớp học xoá mù chữ quả thật rất nhiều khó khăn. Không hiểu tại sao điều đó chẳng làm tôi mảy may lo ngại. Thì ra tâm trạng hồ hởi, lạc quan đã biến con đường gồ ghề thành con đường bằng phẳng trước mắt tôi.

Tôi toan tạm biệt anh Trác thì anh Nam đến. Sau câu giới thiệu ân cần của anh Trác như đã dọn đường cho lòng tin cậy, anh Nam niềm nở tiếp nhận “ lính mới ”, vồn vã tới mức hứa sẽ đề nghị cụ Tố và ông Phan Thanh cử tôi làm Phó trưởng ban dạy học. Tôi gật đi, nói chưa cần đặt tôi vào chức vụ vội, hãy cứ biết tôi giúp việc anh Trác, rồi ra sẽ hay. Để thực tế công việc chứng minh tôi có đủ năng lực không dã.

Nhanh nhảu doảng, tôi gợi ý hai anh : “ Ta cùng nghiên cứu xem có nên tiến hành ngay ba việc nhằm củng cố lớp học :

1 - Điều tra tận nơi ở về hoàn cảnh và tính nết từng học viên để biết rõ thái độ và khả năng học tập của họ. Đồng thời họp toàn thể học viên mỗi lớp để kiểm điểm tình hình lớp, yêu cầu học viên nhận xét lẫn nhau, phát hiện kẻ xấu.

2 - Thực hiện chế độ mỗi lớp có một giáo viên chính, phụ trách lớp hẳn hoi. Giáo viên này mỗi tuần dạy ít nhất bốn

buổi. Có thể mỗi đi sâu, đi sát nám vững tình hình học viên. Việc huấn luyện tu nghiệp sư phạm, đỡ ôm đỡm, bè b晏 vì có trọng tâm, huấn luyện giáo viên chính trước.

3 - Chưa tổ chức được việc tập trung huấn luyện thì anh Trác và tôi sẽ đi dạy mẫu ở mỗi lớp một hay hai buổi để các giáo viên theo ”.

Anh Nam tán thành ngay, còn anh Trác thì dè dặt, đắn đo. Anh nói : “ Việc thứ ba dễ vì do chúng ta quyết định và làm lấy được, cứ lần lượt cho đến hết vòng. Việc thứ nhất phải được ông Phan Thanh Tổng thư ký kiêm Trưởng ban cổ động đồng ý vì phải có sự hỗ trợ của Ban cổ động mới làm nổi, một mình Ban dạy học không đủ sức. Việc thứ hai phải được sự đồng ý của ông Đào Duy KỲ vì các giáo viên là đoàn viên Thanh niên, nhận phần việc nào là do sự bố trí, sắp xếp của bí thư Đoàn ”.

Thế là món quà tiếp xúc của tôi bị ẽ. Tôi cụt hứng, guyց lấy cớ chỉ mới đề nghị nghiên cứu để xin hoãn. Vui vẻ cả.

Chúng tôi thoả thuận với nhau là ba ngày nữa tôi sẽ chính thức nhận sự phân công cụ thể.

Tôi ra về, lòng phơi phới như ngày nào thi đỗ. Dù mâm cơm đậm lồng bàn đang nóng lòng đợi tôi ở nhà trọ, tôi cũng ghé vào một hàng phở, tự khao mình một bát tái sách là thứ phở ngon nhất, đặc sản của Hà Nội bấy giờ, để đánh dấu buổi đầu đến với phong trào. Trên đường về, hai tay đút túi quần chân cố ý nén thật mạnh góp giây cột cột lên vía hè, tôi muôn huýt sáo mà không quen phong cách quá ngang tàng, đành im lặng. Nhưng sao lòng cứ xôn xao... Hôm nay nhớ lại, tôi muốn ngâm khẽ, chỉ đủ cho tai mình nghe, hai câu thơ của Thế Lữ :

Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy

Ngàn năm chưa dễ đã ai quên !

Đúng ba hôm sau tôi đến nhận nhiệm vụ huấn luyện viên, nhiệm vụ mà tôi sẽ làm mãi suốt cả thời gian hoạt động của Hội, nhiều khi song song với một vài nhiệm vụ khác, tình cờ gặp cụ Tố đến thăm khu trường Trí tri. Cụ đi rón rén để giảng viên và học viên trong lớp không để ý đến sự có mặt của cụ, tiếng động bước đi sẽ lẹt đẹt như tiếng lá khô bị gió đẩy lăn trên mặt đất. Tôi giữ im lặng, hơi nghiêng mình chào cụ, chẳng ngờ cụ rập đầu đáp lễ một cách kính trọng quá đáng làm tôi sững sốt, ngượng ngùng. Rồi khi nói chuyện cụ lại dùng tiếng ngoài để gọi tôi, tôi càng lúng túng.

Người thuyền trưởng

Còn là học sinh tinh nhở, tôi đã nghe đồn ông Nguyễn Văn Tố là người thông minh khác thường và học thức uyên bác, sống trong sạch, giản dị như bậc cao hiền chứ không chạy theo danh lợi.

Năm 1932, lên Hà Nội học, mỗi lần ra bờ hồ Hoàn kiếm, nếu đi theo bờ phía Hàng trống, Hàng khay, tôi thường gặp một người trạc tuổi năm mươi, khoẻ mạnh, trắng trẻo, thâm thấp, mặt vuông, mắt sáng, y phục dân tộc, quần vải trắng, áo dài trắng (có khi áo dài the thảm), đầu để búi tóc, đội khăn lụa, chân đi lẹp kẹp đôi giầy hài Gia Định, tay cầm chiếc nón chót dứa hay chiếc ô... Người ta bảo tôi đó là ông

Nguyễn Văn Tố, một nhà nho giao thời chuyển sang tây học, trợ lí khoa học Viện Bác cổ Viễn đông. Ngày bốn lần ông đi từ nhà ở phố Hàng bát sú đến nơi làm việc hay từ đó trở về nhà. Ông đi rảo bước đều đẽu, lặng lẽ, lúc nào cũng như đang suy nghĩ, không để ý đến sự tấp nập, ồn ào xung quanh. Tôi cảm thấy ông khắc khổ, nghiêm nghị.

Sáu năm sau, với sự thành lập Hội TBQN, tôi đã có cái may mắn được gần ông, mỗi hiểu biết thêm lại thêm lòng quý mến. Từ con người ông toả ra đức độ cần, kiệm, liêm, chính, thương yêu đồng bào, trung thực, thận trọng, khiêm tốn và hoà nhã, giản dị và xuề xoà. Nhưng trong giải quyết công việc, ông không hề xuề xoà, mà cứng rắn, giữ vững nguyên tắc, yêu cầu chất lượng cao.

Mọi người yêu quý ông là một nhân sĩ tiến bộ tiêu biểu, nêu cao lòng tự trọng. Nghiên cứu sử học ở Viện Bác cổ Viễn đông, Hội trưởng Hội Trí tri, đặc biệt trong cương vị Hội trưởng Hội TBQN, ông thuộc lớp trí thức yêu nước, lấy con đường hoạt động văn hoá, nâng cao dân trí làm sự nghiệp bình sinh của mình.

Ông đã nhiệt thành hưởng ứng Cách mạng Tháng tám, tham gia chính phủ lâm thời mở rộng, đứng bên Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đài tuyên bố độc lập ngày 2 tháng 9 năm 1945, rồi đi kháng chiến, ở cương vị Bộ trưởng bộ cứu tế xã hội cho đến lúc hi sinh.

Ngay khi Hội TBQN sắp ra đời, toàn thể những người sáng lập Hội (trong đó có những người không đứng tên xin phép như các ông Trường Chinh, Hoàng Quốc Việt, Trần Huy Liệu) đều nhất trí quyết định cử ông đứng đầu Ban trị sự lâm thời. Quả là “chọn mặt gửi vàng” đúng chỗ. Để đảm đương nhiệm vụ khó khăn, nặng nề ấy, ông là người xứng đáng. Có sáu điều làm cơ sở cho việc lựa chọn :

– Một là ông có uy tín đối với các tầng lớp nhân dân, nhất là các giới trí thức, thanh niên. Ở các tỉnh nhỏ người ta cũng hâm mộ tiếng ông. Trong bước đầu, Hội chưa có thành tích, chưa gây được ảnh hưởng thì uy tín cá nhân của ông – do học vấn, đạo đức, phong cách – có một tầm quan trọng đặc biệt.

– Hai là ông chưa từng bị nhà cầm quyền nghi ngờ về chính trị. Các quan chức cao cấp của chính quyền thực dân chẳng những yên tâm về thái độ không chống đối của ông, mà còn kiêng nể cái uy tín của ông trong quần chúng.

– Ba là ông có bản lĩnh kháng khái, trung thành, giữ vững lập trường chính nghĩa, không sợ đe dọa, không chịu để chúng lợi dụng.

– Bốn là ông vốn có nhiệt tình đối với công cuộc giáo dục nâng cao dân trí đã thể hiện một phần trong việc xây dựng và duy trì Hội Trí tri từ nhiều năm.

– Năm là ông thường tỏ ra tin cách mạng tuy nhân sinh quan của ông là ôn hoà, tiệm tiến, ít ra ông cũng tin ở thiện chí và cách làm hợp tình, hợp lí của Mặt trận dân chủ Đông dương trong vấn đề chống nạn thất học. Ông sẵn sàng cộng tác với những người theo cách mạng, không lo mâu thuẫn, không sợ liên quan.

– Sáu là chẳng những ông giữ được bản thân liêm khiết, mà còn cương quyết bảo vệ liêm khiết trong mọi việc công

ích mà ông tham gia. Với sự quản lí tài chính của ông, không thể xảy ra tham ô, lợi dụng như thường thấy ở hội nọ, hội kia.

Ban Trị sự lâm thời biết rõ uy tín, học vấn, đạo đức, tác phong của ông. Duy có một điều Ban không ngờ tới : ông là người khôn khéo trong sự đối phó với những tình huống khó xử. Sau này, qua thực tế thử thách, người ta mới thấy tất cả cái lịch duyệt, chín chắn, cái linh lợi tinh tế của một trí tuệ thật sự thông minh cả trong công việc chứ không chỉ trong học tập, nghiên cứu mà thôi.

Hội TBQN là một con thuyền đi trên dòng sông lớn, trong hành trình không phải lên thác xuống gành, cũng không gặp những cơn bão táp. Nhưng nói là luôn luôn thuận buồm xuôi gió thì xa sự thật. Đảng cộng sản Đông dương đã đóng con thuyền, đã chỉ rõ đường đi, đã vạch ra phương hướng, đã đem đến những thuỷ thủ chủ chốt để giúp thuyền trưởng trang bị và điều hành nó. Còn việc cầm trịch hằng ngày, Đảng đặt vào tay thuyền trưởng : lựa chiều luồng nước, tránh vực xoáy, đá ngầm, bể lái, giương buồm, chèo chống, đoàn kết và động viên thuỷ thủ... Bấy nhiêu công việc cần đến một tinh thần trách nhiệm cao, một năng lực quán xuyến.

Bảy năm liền, thuyền trưởng Nguyễn Văn Tố, về căn bản, đã làm tròn nhiệm vụ. Làm tròn được là nhờ có các ban chuyên môn đắc lực. Đi sâu vào guồng máy và sự phân công thực tế trong Hội, người ta thấy việc đặt những kế hoạch cụ thể và tìm ra những biện pháp thực hiện, Hội trưởng không trực tiếp nghiên cứu và chủ động đề ra mà chỉ tiếp nhận và thông qua ; năm đầu có xem xét, góp ý kiến, đề nghị sửa đổi rồi mới duyệt ; những năm sau, gần như vì tin cậy, nên cho được toàn quyền. Vai trò của ông chủ yếu ở mặt duy trì, bảo vệ. Không duy trì, bảo vệ được tổ chức Hội, lòng tin đối với Hội, và đội ngũ chủ lực của Hội, thì lấy gì để phát triển phong trào ? Trước hết, tác dụng bảo vệ của ông thể hiện ra trong việc hạn chế, uốn nắn kịp thời những hành vi sai trái, tuy nhỏ nhưng không thể bỏ qua, của những anh em trẻ tuổi quá hăng hárga ra quá tả, thiếu kinh nghiệm đối nhân xử thế nên dễ làm mất lòng, hỏng việc. Buổi đầu, những dấu hiệu lèch lạc, vụng về trong các ban chuyên môn không ít, và nếu không có cái đổi trọng Nguyễn Văn Tố giữ thăng bằng, thì những chuyện đáng tiếc đã có thể xảy ra. Nhưng quan trọng hơn vẫn là vai trò đối ngoại của ông nhằm giành thuận lợi, đẩy lùi các cuộc tấn công, vô hiệu hoá âm mưu lợi dụng.

Chúng ta biết bọn thực dân vừa bạo tàn, vừa xảo quyệt. Đối với dân tộc ta, chúng không làm một việc gì do lòng tốt. Những việc có vẻ tốt của chúng đều là giả dối, hoặc bất đắc dĩ phải nhượng bộ. Hội TBQN ra đời chẳng hạn, là do tình hình chính trị bấy giờ ở bên Pháp và ở Việt Nam buộc chúng phải chấp nhận. Nhưng chấp nhận rồi, chúng vẫn chờ cơ hội lấy cớ xoá bỏ. Chưa xoá bỏ được chúng tìm cách kìm hãm hoặc lợi dụng.

Đòn tấn công đầu tiên của chúng nổ ra cuối năm 1938 vào dịp anh Kim (sau này là thượng tướng Lê Quang Hoà) bị bắt – anh là một chiến sĩ cách mạng bí mật, công khai anh là thư ký phụ trách phòng thường trực của Hội. Chánh Mật thám Bắc Kì liền mời ông Hội trưởng ra sở liêm phóng chất vấn : “Hội hứa với quan Thống sứ là giữ đúng tôn chỉ mà lại đe

cho nhân viên của mình làm công sản, hoạt động chính trị chống Nhà nước bảo hộ thì ông nghĩ sao ? ”.

Ông bình tĩnh trả lời :

– Nếu người ta hoạt động chính trị, không kể là chính trị màu sắc nào, bằng nội dung bài dạy hoặc nói tuyên truyền, rải truyền đơn, dán biểu ngữ, treo cờ, v.v... ngay trong lớp, trong trường, trong nơi hội họp, nghĩa là trong vòng kiểm soát của chúng tôi thì Hội chúng tôi xin chịu trách nhiệm. Còn không thì đặt vấn đề liên quan với Hội chúng tôi là vô lí.

– Đúng là họ phạm pháp ở ngoài Hội nhưng giá như Hội dùng người mà có điều tra, theo dõi thì cũng biết để không nhận hoặc loại bỏ chứ ?

– Đối với một hội mở rộng cho hàng triệu người tham gia, việc đó rất khó mà lại không cần thiết. Tốt hay xấu, họ đều phải phục tùng điều lệ, nội quy, kỉ luật của Hội. Thế là đủ. Vả lại, nếu Hội điều tra theo dõi về chính trị cả ở ngoài xã hội, thì Hội tự biến mình thành một sở liêm phong thứ hai và sẽ cạnh tranh với các ông.

Câu nói sau cùng của ông là nổi bật một tình thế ngộ nghĩnh, kì quặc khiến cả chánh mặt thám và ông đều bất cười. Nó cười để xí xoá sự thất bại. Ông cười để mỉa mai sự ngu dốt và thô bạo của nó.

Sau vụ anh Kim, không may còn xảy ra ba vụ bắt ba anh nữa đều có chân trong các ban chuyên môn, đều hoạt động cách mạng bí mật. Chánh mặt thám Bắc kì lại mời ông đến, báo tin vẫn tắt vài câu rồi nói hơi xääg : “ Hôm nay ông không cần nhắc lại những lí do miễn trách nhiệm chính trị cho Hội về hành động tội lỗi ở ngoài Hội của mấy tên phá rối tri an có chân trong Hội. Nhưng với tất cả lương tâm nhà nghè của tôi, với tất cả ý thức về chức vụ của tôi và với sự nhân nhượng tôi đã đối với Hội, tôi buộc lòng phải tuyên bố : nhất định Hội phải chịu trách nhiệm tinh thần về tình trạng quá đáng này ”. Ông chậm rãi trả lời : “ Thưa ông Giám đốc, đặt vấn đề trách nhiệm tinh thần với một tổ chức, cơ quan hay đoàn thể có nhân viên phạm pháp ngoài xã hội tức là có ý chê trách, thậm chí khiển trách họ đã không biết đào tạo, giáo dục nhân viên của mình để đến nỗi làm hại xã hội. Tôi không tranh luận có nên làm như thế hay không. Tôi chỉ biết các ông đã bắt và đưa ra toà án truy tố bao nhiêu là công chức về tội phạm pháp thật sự và rõ ràng, cả về hình sự lẫn chính trị. Thế mà chưa thấy lần nào các ông khiển trách hay chê trách Phủ toàn quyền hay Phủ thống sứ. Nay các ông lại muốn khiển trách hay chê trách Hội chúng tôi về mấy người mới chỉ bị nghi là phạm pháp ở ngoài xã hội. Như thế sao gọi là công bằng được ? ”

Tên chánh mặt thám ngượng ngùng đến đỏ mặt, dàn hình chịu thua chuyen nữa, nhưng cũng cố vót vát sĩ diện bằng cách giả nhän, giả nghĩa. Nó làm bộ thân mật, vỗ vai ông, nói dã nhạt :

– Bố già ơi, bố già khỏi phải tị nạn. Chúng tôi không có ác ý làm phiền gì Hội, dù chỉ là chê trách. Chúng tôi chỉ muốn Hội chú ý, tránh được càng hay. Có thể thôi, bố già cứ yên tâm.

Có lần, chính quyền thực dân, với âm mưu lôi kéo Hội về

phía mình, ngỏ ý muốn trợ cấp cho Hội. Ông khuất từ khéo : “ Từ trước tới nay, chúng tôi vẫn nói với đồng bào chúng tôi là vì Nhà nước bảo hộ đã phải gánh chịu nặng về giáo dục mà không xuể, dân cần góp của, góp công vào Hội để Hội mở thêm lớp dạy những người mù chữ. Nếu bây giờ chúng tôi nhận trợ cấp thì đồng bào chúng tôi không giúp đỡ nữa, ý lại, cho rằng đã có Nhà nước. Đồng thời những người giúp việc Hội, trước hết là các giáo viên, sẽ nghĩ rằng Hội đã được công quỹ bảo đảm chi tiêu thì phải trả lương cho họ. Chừng ấy trợ cấp bao nhiêu cũng không đủ. Hai điều đó sẽ làm cho Hội tê liệt ”.

Phúc tạp và khó xử hơn nữa là việc Hội được mời dự lễ khánh thành tượng đài A-léc-xääg đờ Rô-đơ (Alexandre de Rhodes).

Trước Cách mạng tháng Tám, ở sau đền Bà Triệu, xế cửa đền Ngọc Sơn, vẫn có một khoảng đất rộng độ ba trăm mét vuông, đứng giữa là tượng đài A-léc-xääg đờ Rô-đơ, một giáo sĩ Pháp sang truyền đạo ở nước ta vào những năm 1624-1645, được một dư luận mờ hồ coi là người đã sáng tạo ra chữ quốc ngữ. Dư luận ấy càng hay được nhắc lại trong giáo hội và giáo dân như một niềm tự hào song song với niềm tự hào Giáo hoàng Grê-goa-ro đã đặt ra dương lịch. Lợi dụng cái nhầm lẫn của những người không hiểu biết về một sự kiện lịch sử, thực dân Pháp dựng đài kỷ niệm ông ta với dụng ý gây uy tín cho chủ nghĩa đế quốc Pháp, chứng minh cụ thể “ công ơn nước Đại Pháp ” đã “ khai hoá dân tộc Việt Nam lạc hậu ”. Dĩ nhiên, trong lễ khánh thành tượng đài phải có kẻ tung, người hứng. Kẻ tung có nhiệt tình đã được chọn là giám mục địa phận Hà Nội. Kẻ hứng có thẩm quyền nhất phải là ông Nguyễn Văn Tố, nhà cổ học nổi tiếng, Hội trưởng Hội TBQN đang được cả nước hoan nghênh. Bởi vậy, ban tổ chức mời Hội dự lễ khánh thành với yêu cầu nội dung gồm hai tiết mục :

1. Ông Nguyễn Văn Tố đọc một bài phát biểu chứng nhận giá trị khoa học và ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp A-léc-xääg đờ Rô-đơ, cả hai mặt đều đã được thổi phồng trong bài diễn văn đọc trước.

2. Học viên của Hội ở thủ đô, tiêu biểu cho phong trào truyền bá chữ quốc ngữ, sẽ đến đông đủ, hoan hô và diễu hành.

Hội không có lý do gì chính đáng để từ chối. Ban trị sự và anh, chị, em trong các ban chuyên môn đều lo ngại Hội sẽ bị lợi dụng trắng trợn. Riêng ông Hội trưởng cứ ung dung đê nghị nhận lời sau khi đã trấn an mọi người bằng một câu nói vui : “ Các ngài cứ yên tâm, Hội trưởng ra ngoài không đến nỗi kém cỏi, khờ dại lắm, s biết múa võ không hổ sùơn. Xin hứa giữ toàn vẹn cả danh dự Hội lần danh dự cá nhân ”.

Giữ ra sao ? Ông dặn Ban dạy học chỉ dẫn đến độ năm, sáu chục học viên nhỏ tuổi, đứng im lặng, hễ ông đọc xong bài phát biểu là tự động giải tán ra về. Một giáo viên sẽ đến phân trần với ban tổ chức là học viên người lớn của Hội ban ngày bận đi làm, chỉ có một số ít học viên nhỏ này rồi phần nào là đi dự được. Họ đứng lâu sot ruột lại thiếu ý thức trật tự, khuôn phép nên tự động bỏ về, chúng tôi bức mình nhưng cũng đã lo vì nếu họ diễu hành, đi gần tượng đài và các quan

khách mà có cù chỉ, ngôn ngữ thiếu lễ độ, tôn kính thì tai hại.

Còn bài phát biểu của ông, bằng dẫn chứng cụ thể và biện luận chặt chẽ, chính các giáo sĩ Tây-ban-nha và Bồ-dào-nha không để lại tên tuổi, đến xứ này trước A-léc-xăng đờ Rô-đơ, mới là những người đầu tiên dùng chữ cái la-tinh phiên âm tiếng Việt, sáng tạo hệ thống gần hoàn chỉnh chữ quốc ngữ hiện ta đang dùng. Sau đó, A-léc-xăng đờ Rô-đơ mới góp phần mình bằng những cố gắng qui tắc hoá và đem phổ biến hạn chế trong việc dịch kinh bốn và biên soạn tài liệu cho giáo hội. Ông ta đáng khen ở chỗ thừa kế các bậc tiền bối mà có bổ sung trong chi tiết. Những người nghe ông nói hoặc đọc bài phát biểu đăng trên một tờ báo Pháp ra ngày hôm sau đều thấy rõ ông đã vạch trần âm mưu xuyên tạc lịch sử để tuyên truyền lừa bịp của bọn thực dân.

Chưa bao giờ ông tỏ bày quan điểm của ông về chủ nghĩa cộng sản, các đảng cộng sản. Điều chắc chắn là ông kính trọng phong trào cách mạng Việt Nam. Và đối với Liên Xô, trong cuộc chiến tranh Xô-Đức, lạ thay ! mặc dầu đại đoàn quân thứ sáu của Phôn Pao-lút đã tiến sát Xta-li-grat, ông vẫn cứ kiên trì tin là cuối cùng Liên Xô sẽ thắng. Nhớ sủ hơn ai hết, ông đoán trước số phận của Hít-le : Nó không tránh được thất bại của Sắc-lợ XII (vua Thụy Điển) và Na-pô-lê-ông (hoàng đế Pháp), cả hai đều đã hùng hổ tiến sâu vào đất Nga như vũ bão mà rồi cũng phải tháo chạy cùng với đội quân bách chiến bách thắng lần đầu bị đánh tan. Kết hợp với kinh nghiệm lịch sử, ông chứng minh thêm bằng lý luận đơn giản : “ Họ đất rộng người đông, đoàn kết và nhất trí, chiến đấu anh dũng và bền bỉ, chịu đựng hy sinh, gian khổ như thế thì thua sao được ? ”.

Sự tinh táo, chín chắn của ông trước thời cuộc rối ren còn tỏ ra năm 1945, mấy tháng sau đảo chính Nhật ngày 9 tháng 3, khi nội các Trần Trọng Kim thành lập. Trong một buổi họp của Ban trị sự, có người đề nghị Hội gửi điện ủng hộ chính phủ này. Ông yêu cầu mọi người thảo luận kỹ trong khi ông luôn mỉm cười tỏ ý hoài nghi. Cuối cùng tuyệt đại đa số tán thành quyết định do ông đưa ra sau khi giải thích : “ Trong hoàn cảnh bình thường, Hội không làm chính trị. Song nếu Hội có tình thần yêu nước thì ở giờ phút nghiêm trọng của Tổ quốc như có nguy cơ bị xâm lược hoặc có thời cơ tự giải phóng, Hội không thể thờ ơ. Có điều ủng hộ một chính phủ mới thành lập là việc hệ trọng và phức tạp, có thể có những uẩn khúc, những yếu tố tác động ngầm mà ta không hiểu tốt xấu thế nào. Theo tôi biết, phần lớn các ông trong chính phủ này, trước đây đều tốt chắc bây giờ cũng còn tốt. Nhưng về chính trị, để định đoạt vận mệnh cả một dân tộc, tốt chưa đủ, mà còn phải đúng và giỏi. Các ông ấy đúng và giỏi tới mức nào, còn chờ việc làm thực tế trả lời. Vậy ta hãy tạm hoãn tổ thái độ ”.

Là người cầm trịch tự tin và mềm dẻo, vững vàng mà khiêm tốn, ông biết phục thiện khi sai lầm. Cũng sau đảo chính Nhật, hai viên lãnh sự trong toà đại sứ Nhật (trên thực tế đã trở thành Thủ toàn quyền) đến gặp ông, vừa là xã giao, vừa để thăm dò dư luận giới trí thức Việt Nam, khoe khoang mục đích “ tốt đẹp ” của chủ nghĩa Đại Đông Á. Ông “ thú thật ” không am hiểu chính trị, chỉ mong sao quân đội Nhật

và hiến binh Nhật không cản trở sự hoạt động bình thường của Hội TBQN. Lập tức, ngày hôm sau, sứ quán Nhật đưa đến cho Hội một giấy chứng nhận - bảo đảm có hiệu lực nhất. Ông mừng rỡ, nhờ người sao in thành nhiều bản và trao cho các ban chuyên môn để làm “ bùa hộ mệnh ”. Lúc ấy, tôi có chân trong Hội văn hoá cứu quốc và là Trưởng ban dạy học trung ương bị Nhật truy lùng, đã rút vào bí mật, bèn viết cho ông một bức thư đại ý nói tình hình đất nước và cái thế của Hội không còn như hồi Toàn quyền Đờ-cu chỉ thị cho cấp dưới để Hội được hoạt động dễ dàng nữa, mà đã bước vào giai đoạn Việt Minh lãnh đạo toàn dân vùng lên đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập, thì bất cứ thái độ nào, hành động nào thân thiện với Nhật, dựa vào Nhật đều là sai trái, tội lỗi. Hội dùng giấy chứng nhận-bảo đảm kia sẽ bị quần chúng ngờ, khinh ghét, hại nhiều hơn lợi. Ông đã tiếp thu phê bình và huỷ bỏ ngay giấy chứng nhận-bảo đảm của bọn phát-xít.

Đã đến lúc chẳng những giấy chứng nhận-bảo đảm của toà đại sứ Nhật vô giá trị mà súng, gươm của quân đội Nhật cũng vô giá trị. Giữa thủ đô sôi sục của những ngày sắp tổng khởi nghĩa, người thuyền trưởng chăm chú xem xét tình hình... Mặt trận Việt Minh đang lôi cuốn hàng triệu người vào cuộc đấu tranh một mất một còn. Bản chỉ thị in ty-pô của Ban dạy học trung ương do tôi viết, gửi anh, chị, em giáo viên bốn miền trong địa bàn Hà nội (nội, ngoại thành và một số làng lân cận thuộc tỉnh Hà đông), công khai hô hào khẩn trương chuẩn bị hưởng ứng cướp chính quyền, bắt đầu bằng xung phong nhận hai việc cứu tế, bảo an của phổi, của làng, theo lệnh các tổ chức Mặt trận và tận dụng tín nhiệm đã giành được trong nhân dân mà hành động hết sức mình ; lấn át, uy hiếp những phần tử ngang trái : cứ duy trì lớp học làm nơi tập hợp, tuyên truyền...

Một tên cơ hội đã đem một tờ chỉ thị kia đến mách ông Hội trưởng, nói đây là hành động trái điều lệ Hội, bọn Nhật mà biết thì Hội sẽ bị khủng bố. Ông đọc đi đọc lại tờ chỉ thị táo bạo, bất ngờ, trầm ngâm một lúc cho sự xúc động lắng xuống, rồi nói nhẹ nhàng :

– Quả thật tôi không biết việc này. Nhưng tôi không lấy nê mình là Hội trưởng để bắt bẻ anh em về sự không hỏi ý kiến min. Thú thật với ngài là nếu tôi, tôi sẽ vô cùng lúng túng, chẳng biết giải quyết thế nào. Anh em tự động làm cũng là may cho tôi. Böyle giờ việc đã rồi, không thể thay đổi, mà có lẽ cũng không nên thay đổi. Hội TBQN là con đẻ của phong trào cách mạng và là conuôi của đồng bào cả nước. Tôi chỉ là người được ủy nhiệm chăm nom. Đứa trẻ ấy đã trưởng thành, nó đi vào con đường nào là tuỳ nó và hai bà mẹ. Còn tôi, dù nó chọn con đường nào tôi vẫn tiếp tục thương yêu, giúp đỡ nó như trước.

Lời tuyên bố dứt khoát cũng là lời tâm sự chân thành, chí tình, chung thuỷ.

Viết đến đây, tự nhiên tôi nhớ đến câu nói cuối cùng của ông về Hội, ngay trong buổi họp của Chính phủ lâm thời quyết định thành lập Nha Bình Dân Học Vụ để xoá nạn mù chữ, để diệt giặc đốt như Chủ tịch Hồ Chí Minh đề ra. Ông ghé sát tai tôi, đưa tay che miệng, nói nhỏ, trên nét mặt thoảng hiện vẻ buồn khó tả, niềm ân hận hay thiết tha kìm

giữ lại làm nhíu dôi mày :

– Giá cứ để Hội TBQN đảm nhận với sự bảo trợ đầy đủ của Chính phủ thì có lẽ hơn.

Thông cảm sự nhớ tiếc, lưu luyến của ông, tôi an ủi :

– Hội TBQN là tiền thân của BDHV cũng được.

Rồi để khẳng định Hội sẽ cứ tồn tại vĩnh viễn trong lịch sử, tôi vui nhộn đọc nhại định luật La-voa-di-ê (Lavoisier) : “ Không có cái gì mất đi, không có cái gì mới tạo ”. Ông khẽ lắc đầu không tán thưởng.

Thì ra người thuyền trưởng hôm qua dù nay ở địa vị cao trong chính quyền cách mạng cũng không muốn rời bỏ con thuyền không muôn nó như chở cho một bộ máy khác lớn hơn hàng ngàn lần, không muôn nó được đưa vào viện bảo tàng quá sớm. Rõ ràng đối với ông, cái hình ảnh viễn tưởng con thuyền cũ lớn vút lên như Thánh Gióng vươn mình, cùng ông chở ánh sáng học thức sơ đẳng đi khắp nẻo đường đất nước, để tận những nơi tối tăm nhất, có sức lôi cuốn như một tín ngưỡng, như một tiếng gọi thiêng liêng. Không phải trong ý thức gắn bó của ông với con thuyền có cái hụp hòi, cục bộ – mà chính là có cái nhận thức sâu sắc về vai trò của một đoàn thể tư nhân (nay gọi là tổ chức phi chính phủ) làm nòng cốt cho một phong trào quần chúng rộng lớn.

Từ vài năm nay, khẩu hiệu “ Nhà nước và nhân dân cùng làm ” được đề cao, phổ cập, cái mong muốn duy trì Hội TBQN trong lòng xã hội Việt Nam độc lập, dân chủ của ông lại gợi người ta suy nghĩ về một giải pháp kết hợp công (Bộ Giáo dục) với tư (hội học) tương tự mối quan hệ giữa Hội chữ thập Trong những lời thăm hỏi ân cần anh, chị, em trong các ban chuyên môn cũ của Hội, tôi cảm thấy ông đặt hy vọng vào một ê-kíp thuỷ thủ mà ông tin cậy hết lòng nhưng họ đã lao hết vào những hoạt động mới. Ông không thể nào quên bảy năm ròng kè vai sát cánh cùng họ, như người anh cả dùu dắt các em trong một đại gia đình, thân thiết đến mức tiếng xưng hô ngoài ông quen dùng tưởng như khách sáo, cách biệt, mà vẫn giữ được vẻ chan hoà, gần gũi ! Trong bầu không khí bình đẳng và tự giác, giữa ông Hội trưởng và các uỷ viên Ban trị sự, giữa Ban trị sự và các Ban chuyên môn, giữa các Trưởng ban chuyên môn và anh, chị em, đã dần dần hình thành một lề lối làm việc tập thể, dân chủ từ cơ chế đến tác phong. Ai không tự giác sẽ mất quyền bình đẳng và bị cấm trên trong tổ chức chấn chỉnh chẳng ? Không ! “ Đối với họ – ông khuyên dặn chúng tôi – ta vẫn cứ bình đẳng mà thuyết phục. Ở đây tuyệt nhiên không có danh lợi gì ràng buộc. Đặt ra quyền hành chẳng qua là để gây ý thức làm việc có trật tự, để giúp người có trách nhiệm chỉ huy được “ danh chính ngôn thuận ”, để người cấp dưới chú ý mà tự giác phục tùng. Quyền hành có trên nguyên tắc, được công nhận đấy nhưng không nên dùng trong thực tế. Các ngài thủ nghĩ xem, nếu cấp trên có quyền ép buộc, khiến trách mà cấp dưới lại có quyền tự do bỏ đi không trở lại, thì dùng quyền hành có tác dụng gì ? ”. Nhận xét về châm ngôn HY SINH · KIÊN QUYẾT · KỶ LUẬT · THÂN ÁI của Ban dạy học, châm ngôn cô đúc tất cả cái gọi là tình thần TBQN, ông khen anh, chị em biết gắn liền kỷ luật với thân ái. Ông phân tích : “ Kỷ luật là lý, thân ái là tình. Cả lý và tình kết hợp lại mới tác

động mạnh và sâu vào lòng người ”.

Bốn tiếng “ truyền bá quốc ngữ ” gắn liền với tên tuổi hai người : Phan Thanh và Nguyễn Văn Tố. Ông Phan Thanh, Tổng thư ký của Hội, mất ngày 1 tháng 5 năm 1939, ngày lễ Quốc tế lao động. Nếu đám tang ông là đám tang lớn nhất ở Đông Dương trước Cách mạng tháng Tám, có trên hai vạn người đi đưa, nỗi tiếc thương, niềm kính phục như tràn ngập đoàn người kéo dài ba cây số, thì cái chết của ông Nguyễn Văn Tố, đồng bào ta ít người biết đến.

Giặc Pháp nhảy dù xuống Bắc Cạn tháng mười năm 1947, trong số cán bộ cao cấp của ta (uỷ viên trung ương Đảng, bộ trưởng), chỉ có một mình ông bị bắt. Theo lời một số đồng bào có mặt bên cạnh ông kể lại, chúng bắt được ông mà không biết là Nguyễn Văn Tố. Chúng giữ ông lẩn với đồng bào, trong một khu đất rộng, rào tạm bợ, có lính gác. Ông biết nếu chúng phát hiện ra ông, chúng sẽ tìm cách lợi dụng, dù ông không chịu đầu hàng. Chúng sẽ phao tin ông qui thuận. Chúng sẽ bịa ra những lời tuyên bố xằng bậy, nào chống cộng sản, nào chán kháng chiến... gọi là của ông mà không để cho ông có thể cải chính cách nào. Đến đêm, ông đã bất chấp nguy hiểm, bỏ trốn. Một tên lính hô : “ Đứng lại ! ” Ông chạy nhanh. Một tràng tiểu liên nổ theo bóng ông. Ông ngã gục...

Ngày nay chúng ta tưởng nhớ ông, muốn tìm đến nơi ông an nghỉ ngàn thu để đặt một bó hoa, thắp mấy nén hương mà chẳng biết tìm đâu. Thật là đau xót !

Niềm đau xót càng da diết khi chúng ta nghĩ rằng đáng lẽ trong buổi họp kỷ niệm năm mươi năm thành lập Hội TBQN sắp tới phải có ông đứng trước tượng Bác Hồ, đọc một bài diễn văn... Cũng vẫn thân hình thâm thấp, cũng vẫn y phục dân tộc xuềnh xoàng, cũng vẫn tiếng nói oang oang, dõng dạc, cũng vẫn tấm lòng ưu ái sắt son. Ông đã trăm lần xuất hiện như thế trên diễn đàn, để lại trong trí nhớ chúng ta hình ảnh đẹp chưa chút phai mờ một chiến sĩ già năng nổ, hiên ngang, nhất là trong buổi lễ ra mắt của Hội, ngày 25 tháng 5 năm 1938 tại sân quần vợt Câu lạc bộ An-nam (CSA). Tối hôm ấy, dưới ánh đèn điện sáng trưng, ông đã cùng ông Phan Thanh phát động phong trào chống nạn thất học trước những con mắt trùm mền của mấy ngàn người.

Nguyễn Văn Tố đã đi vào lịch sử, với sự nghiệp khoa học và với sự nghiệp chống nạn thất học, nâng cao dân trí. Nói đến Nguyễn Văn Tố là nói đến công cuộc của Hội TBQN. Ông xứng đáng là người tiếp tục Nguyễn Thượng Hiền, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền...

Dân Hà nội và khách du lịch, có lần đến thăm khu di tích Văn miếu, đứng trước hàng bia cổ kính, chợt nhớ một ông già, dưới bút danh Ứng Hoè, đã viết để lại tập sử liệu Những ông nghè triều Lê. Và họ bâng khuâng giây lát, mường tượng nghe trong hơi gió thoảng văng vẳng hai tiếng i từ.

Nguyễn Hữu Đang

Hội thảo quốc tế về Việt Nam học và những dấu hỏi

Nguyễn Văn Ký

Như DĐ đã tường thuật sơ lược trong số trước, đây là lần đầu tiên Việt Nam đứng ra tổ chức một cuộc hội thảo có quy mô quốc tế về Việt Nam học. Tuy hai quỹ Ford Foundation và Toyota Foundation đứng ra tài trợ nhiều nhất, ngoài ra các cơ quan khác như Sứ quán Pháp tại Việt Nam, Viện Viễn Đông Bác Cổ (EFEO), Hội Việt Nam học ở Nhật Bản⁽¹⁾, và quỹ Oceanasia Foundation cũng đã đóng góp để thực hiện cuộc hội thảo này. Hai cơ quan chủ quản là Đại học quốc gia Hà Nội (DHQGHN) và Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (TTKHXH & NVQG) đứng ra tổ chức, và cuộc hội thảo đã được diễn ra từ ngày 14 tới 17 tháng 7 vừa qua tại Quốc hội (Hội trường Ba Đình) chứ không phải ở Trung tâm hội thảo quốc tế như đã dự định. Bên lề cuộc hội thảo còn có những tiết mục giải trí như xem múa rối nước và thưởng thức văn nghệ. Trong dịp này, tối 16 tháng 7 Sứ quán Pháp cũng đã tiếp đón các nhà khoa học tham dự hội thảo trong một buổi “tiệc đứng” và tối cuối cùng (17 tháng 7) ban tổ chức mời các đại biểu tới Nhà khách chính phủ để liên hoan bế mạc.

Về mặt tổ chức thì sau khi đăng ký hôm đầu (chuyên viên nước ngoài phải nộp lệ phí 100 USD một người), mọi người đều nhận được một cẩm tú có sẵn các báo cáo của tiểu ban của từng người và một cuốn kỷ yếu tóm tắt các báo cáo đã nhận được. Trong ba ngày hội thảo tiếp theo thì các bản photocopy của mỗi tiểu ban được phân phát thêm để bổ sung những thiếu sót ban đầu. Có điều là thứ tự các báo cáo chỉ được thông báo trước vài giờ trong từng tiểu ban chứ không có kế hoạch tổng quát (planning) như thường có trong mọi hội thảo, nên đã hạn chế mọi người tham dự vào tiểu ban khác của mình. Ngoài ra giữa hai buổi hội thảo sáng và chiều bữa ăn trưa được tổ chức tại chỗ.

Đây là cuộc hội thảo về Việt Nam học đông người dự nhất từ trước đến giờ : ban tổ chức đã nhận được hơn 400 báo cáo khoa học trong đó có 267 báo cáo từ các nước ngoài. Có những phái đoàn gồm hơn 30 đại biểu như Mỹ, Nhật Bản và Úc, sau đó là Pháp, Trung Quốc, Nga, Hà Lan, đó là chưa kể đến các chuyên viên từ Đức, Na Uy, Đan Mạch, Ca Na Đa, Ý, Hàn Quốc, Thái Lan, v.v. Tổng cộng đã có 26 nước tới tham dự và thảo luận về 8 chuyên đề (Lịch sử và truyền thống, 2 tiểu ban ; Văn hóa và giao lưu, hội nhập văn hóa, 3 tiểu ban ; Kinh tế xã hội, 2 tiểu ban ; Nông thôn, làng xã, nông nghiệp, 2 tiểu ban ; Gia đình, phụ nữ và dân số, 2 tiểu ban ; Đô thị và môi trường, 2 tiểu ban ; Ngôn ngữ và tiếng Việt, 2 tiểu ban ; Tư liệu, 1 tiểu ban ; tổng cộng 15 tiểu ban). Trong mỗi tiểu ban đều có một chuyên viên nước ngoài và một chuyên viên Việt Nam đồng chủ tọa và hướng dẫn các

cuộc thảo luận. Ngoài các học giả lão thành được mọi người đều biết đến như các giáo sư D.V. Deopik (giám đốc Trung tâm nghiên cứu Việt Nam, Viện nghiên cứu Á-Phi, Đại học Mátxcova⁽²⁾), David G. Marr (Đại học quốc gia Úc), Keith W. Taylor (Đại học Cornell), Georges Condominas (EHESS) v.v., cuộc hội thảo cũng có rất đông những người của thế hệ trẻ tham dự. Họ đều đã học tiếng Việt và đang nghiên cứu tại Việt Nam hoặc ở nước nhà. Điều nổi bật nữa là rất nhiều báo cáo khoa học được trình bày bằng tiếng Việt⁽³⁾. Độ ngũ thông dịch viên của Việt Nam đảm nhiệm dịch trực tiếp những báo cáo khác bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp ra tiếng Việt và ngược lại. Phải nói là đội ngũ này đã đóng góp rất tích cực vào công việc dịch thuật trong ba ngày hội thảo, tuy một vài trở ngại khó tránh vì quá trình đào tạo và cơ chế.

Đối diện với các nhà học giả ngoại quốc phía Việt Nam có những ai ? Trong đoàn chủ tịch có các giáo sư : Nguyễn Duy Quý (giám đốc TTKHXH & NVQG), Nguyễn Văn Đạo (Giám đốc DHQGHN), Phan Huy Lê (trưởng ban tổ chức, giám đốc Trung tâm nghiên cứu và giao lưu về Việt học), Lê Bá Thảo (chủ tịch Hội Địa lý Việt Nam), Hà Văn Tấn (viện trưởng Viện khảo cổ học), Lê Hữu Tần (đồng trưởng ban tổ chức) và đồng đủ những chuyên viên khác. Trong buổi khai mạc còn có sự hiện diện của các chính khách như thủ tướng Phan Văn Khải, đại tướng Võ Nguyên Giáp (chủ tịch danh dự Hội sử học), Trần Văn Giàu (với cương vị giáo sư sử học) và Trần Bạch Đằng (trung tâm khoa học xã hội TP-HCM). Các bài “báo cáo khoa học” (hay diễn văn?) của các vị này đã được tạp chí *Xưa và Nay* đăng lại trong hai số tháng 7 và tháng 8 vừa qua. Các báo cáo này đều nhấn mạnh đến “quá trình đấu tranh rất khắc nghiệt suốt mấy nghìn năm lịch sử” và “tinh thần yêu nước” của Việt Nam. Trong đề tài “Vài suy nghĩ về Việt Nam học”, ông Trần Bạch Đằng cũng còn lưu ý là “nghiên cứu Việt Nam không thể không nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh”. Một cuộc hội thảo quy mô như thế không thể nào vắng bóng đại diện guồng máy chính trị. Trong buổi họp báo hai ngày trước Hội thảo, một vị lãnh đạo trong Ban tư tưởng- văn hóa đã tới đồng chủ tọa với ban tổ chức hội thảo, sau đó, chiều ngày 16 tháng 7, tổng bí thư Lê Khả Phiêu đã tới hội trường Ba Đình tiếp đón các nhà khoa học đại diện cho nước ngoài (khoảng 40 người được mời riêng) để hoan nghênh và khuyến khích nền Việt học.

Báo cáo về quá trình Việt học ở Liên bang Xô viết (Nga) của giáo sư Deopik cho biết là nền Việt học ở đây được thành hình sau mối quan hệ từ thập kỷ 20 giữa hai nước, và khóa giảng đầu tiên về lịch sử Việt Nam - từ cổ đại đến hiện đại - ở đại học Mátxcova mới có từ đầu thập kỷ 50 do giáo sư viện sĩ A. A. Guber phụ trách. Tuy thế ngay từ giai đoạn này các nghiên cứu sinh Nga đã học tiếng Việt khi chọn Việt Nam làm đối tượng nghiên cứu. Qua thập kỷ sau, Việt Nam học đã trở thành lĩnh vực nghiên cứu độc lập trong môn Đông phương học : “Vào đầu những năm 70, tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội Việt Nam đã được quan tâm nghiên cứu⁽⁴⁾, (...) khoa lịch sử là một bộ phận quan trọng nhất của Việt Nam học ở Nga”. Và hiện tại thì các nhà khoa học Nga vẫn gặp gỡ nhau thường xuyên trong Hội nghị hàng năm ở Đại học Mátxcova.

Bà Izumi Takahashi trong Cơ quan hợp tác quốc tế của Nhật Bản đã tổng quát các tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại được dịch ra tiếng Nhật từ trước đến giờ. Quá trình này được chia ra làm 4 giai đoạn : trước 1964, 1964-1975, 1976-1985, và từ 1986 đến bây giờ. Tuy thống kê chưa đầy đủ, người ta được biết là trong giai đoạn đầu chỉ có tác phẩm của Nguyễn Tiến Lãng, **Câu chuyện An Nam** (1942) và một vài truyện ngắn trong tập “Truyện Tây Bắc” được dịch ra tiếng Nhật. Giai đoạn 1964-1975 là “*dỉnh cao của công việc giới thiệu những tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam tại Nhật Bản*” và trung bình mỗi năm có một tác phẩm được giới thiệu. Tổng cộng là 12 tác phẩm như **Chị Tư Hậu** của Bùi Đức Ái (1965), **Đất nước đứng lên** của Nguyễn Ngọc (1966), **Bước đường cùng** của Nguyễn Công Hoan (1967), **Cao điểm cuối cùng** của Hữu Mai (1968), **Chí phèo** của Nam Cao (1970), v.v. Vì bối cảnh lịch sử nên trong giai đoạn 1976-1985 số lượng tác phẩm được dịch ít đi. Trong năm tác phẩm được giới thiệu thì bốn tác phẩm mang chủ đề chiến tranh như cuốn **Bất khuất** của Nguyễn Đức Thuận (1976). Từ ngày có chính sách Đổi mới, trong số các nhà văn Việt Nam mà tác phẩm của họ được dịch sang tiếng Nhật có Anh Đức (**Hòn đất**, 1992), Bích Thuận (**Nữ chiến sĩ rừng dừa** 1992), Bảo Ninh (**Thân phận tình yêu**⁽⁵⁾, 1997) Dương Thu Hương (**Những thiên đường mù**, 1995), Khái Hưng-Nhất Linh (**Gánh hàng hoa**, 1995), Ma Văn Kháng (**Mưa mùa hạ**, 1992), Nguyễn Huy Thiệp (các truyện ngắn), Nguyễn Thị Thu Huệ (**Ảo thuật**, 1997), v.v. Tóm lược lại thì từ năm 1962 đến giờ đã có 15 truyện dài và 116 truyện ngắn Việt Nam được dịch ra tiếng Nhật. Điều đáng chú ý ở đây, trừ một vài trường hợp ngoại lệ, là từ năm 1970 đến giờ các tác phẩm văn học Việt Nam được dịch từ bản gốc tiếng Việt chứ không như trước kia phải dịch từ tiếng Pháp, tiếng Anh hay tiếng Esperanto.

Còn ở Mỹ, theo báo cáo của giáo sư Keith W. Taylor thì những tranh chấp về hệ ý thức trong thời kỳ chiến tranh lạnh có ảnh hưởng đến đổi tượng nghiên cứu nếu không nói là tình hình nghiên cứu về Việt Nam ở Mỹ trong bối cảnh đó hoàn toàn lệ thuộc quan điểm chính trị. Chẳng hạn người ta tranh luận về bản sắc dân tộc để có những cơ sở chứng minh cho lập luận có thể có nhiều nhà nước Việt Nam hay không. Trong hiện tại thì các chủ đề như “Anh hùng, Nhà nước, Bản sắc” của Việt Nam không còn là những đối tượng nghiên cứu nữa, và Văn học Việt Nam chuyển sang lãnh vực của Á học. Giáo sư Taylor còn cho biết là có “*bốn cách chính để định nghĩa Việt Nam : trước tiên Việt Nam nhất thiết là một Việt Nam thống nhất, sau đó một Việt Nam thực sự cũng là Việt Nam làng mạc, một Việt Nam theo đạo Khổng và một Việt Nam cách mạng.*”

Trong lời tổng kết, giáo sư David G. Marr (phần Sử học - truyền thống và hiện đại) cũng như giáo sư Philippe Langlet (phần Tu liệu) có nhắc nhở phía Việt Nam nên mở rộng học thuật để quan tâm đến các nước láng giềng cũng như các nước khác và đề nghị thành lập trong tương lai gần đây một “Trung tâm sử học đối chiếu” (Centre d’histoire comparée). David G. Marr cũng còn nhận thấy là chuyên đề “Làng xã Việt Nam” được chú trọng quá mức, trong khi đó thiếu bông chủ đề “Tôn giáo và tín ngưỡng”, và ý niệm về “phong

kiến” (féodalité) phải được sử học nhận xét lại (đối với xã hội việt Nam). Bài tổng kết của giáo sư Phan Huy Lê nói lên niềm tự hào cho cuộc thành công của cuộc hội thảo và giáo sư Lê cũng gợi ý là các cuộc hội thảo sau này về Việt Nam học dù sẽ được tổ chức tại Việt Nam hay ở nước ngoài nên dùng tiếng Việt làm ngôn ngữ chính cho hội thảo.

Cuối cùng thì hội thảo cũng đưa đến một vài giải pháp sơ bộ do giáo sư Nhật Shinkichi Eto trình bày :

- *Đề nghị nên tổ chức những cuộc hội thảo tương tư trong khoảng 3 hay 4 năm một lần, và hội thảo quốc tế về Việt học lần thứ hai sẽ được tổ chức tại Việt Nam vào năm 2000, 2001 hoặc 2002 ;*

- *một hội đồng quốc tế về Việt Nam học sẽ được thành lập, bao gồm các thành viên có uy tín, giữa ban tổ chức và các nước thành viên ;*

- *Trường đại học Washington và trường đại học Texas sẽ tinh nguyện sử dụng Internet để thúc đẩy nghiên cứu về Việt Nam ;*

- *Những dự định sau đây đã được đề nghị và sẽ được ban tổ chức cụ thể hóa và thực hiện : làm thế nào để tăng cường việc giảng dạy tiếng Việt ở nước ngoài, biên soạn và phổ biến tờ thông tin News Letter, biên soạn một bộ sách giáo khoa chuẩn về tiếng Việt cho người Việt Nam (ở nước ngoài) học tiếng Việt như là một ngôn ngữ thứ hai.*

Như mọi người đều biết, các cuộc hội thảo là dịp để các chuyên viên gặp gỡ nhau, trao đổi kinh nghiệm, kiến thức, thông tin, đó cũng là cơ hội để giới trẻ hòa nhập vào cộng đồng chuyên nghiệp săn cá, chứ không phải là nơi để đặt vấn đề và càng không phải là nơi giải quyết những vấn đề (dù khoa học hay không). Riêng đối với Việt Nam thì cuộc hội thảo này cũng là cơ hội tốt để những chuyên viên ở trong nước chưa có dịp đi ra nước ngoài, tiếp cận với cách sinh hoạt về mặt trí tuệ ở nước ngoài và cách nhận xét về cùng một sự việc của những người ở nước ngoài. Dù sao đi nữa thì sự thành hình của cuộc hội thảo này chứng tỏ một điều là giới khoa học xã hội ở Việt Nam đã thuyết phục được giới chính trị đi tới sự kiện này mà không phải lo sợ nguy cơ chênh hướng. Và nhờ đó giới chính trị gây được thêm uy tín trong nước và đối với các nước ngoài, thì người ta hy vọng rằng sự kiện này có thể được đánh giá là Việt Nam vẫn tiếp tục chính sách Đổi mới. Tuy thế, giới chính trị không thể nào vắng mặt trong các hoạt động dù là về khoa học xã hội. Hay nói một cách khác thì bộ máy đảng vẫn coi giới khoa học là một công cụ của guồng máy để thực hiện những quyết định từ trung ương. Thế, giới khoa học xã hội Việt Nam không được tự do hoạt động trong các lãnh vực của mình hay sao ?

Tờ Đại đoàn kết -Cuối tuần phát hành tại TP-HCM số ra ngày 11 tháng 7 vừa qua (trước hội thảo vài hôm) đã nêu ra vấn đề này : “*Sự bất cập của chúng ta trong lãnh vực KHXH&NV có nguyên nhân từ bản thân các nhà khoa học : chưa năng động, sáng tạo và gắn với thực tiễn, nhưng còn bởi “đụng” đến KHXH&NV là đụng đến hệ thống quan điểm, trong khi bầu không khí dân chủ trong nghiên cứu KHXH chưa được phát huy. Nhiều người làm công tác này còn e ngại nói ra những chính kiến của mình.*”

Sự “ thành công ” của cuộc hội thảo, những cái “ nhất ” nêu trong báo cáo tổng kết (“ mang tính quốc tế quy mô lớn nhất ”, “ cuộc tụ hội quốc tế quy mô lớn nhất ”, “ nhưng chưa bao giờ (...) như cuộc hội thảo quốc tế về Việt Nam học của chúng ta hôm nay ”, “ mang tính đa ngành và liên ngành rộng lớn nhất ”), v.v. hẳn có đáng là niềm tự hào cho Việt Nam hay không ? Trước khi trả lời câu hỏi này tưởng cũng nên tự hỏi là Việt Nam có bao nhiêu nhà khoa học hiểu biết đất nước, lịch sử, xã hội, văn hóa, truyền thống, v.v. của các nước Nga, Mỹ, Pháp, Úc, Hà Lan, v.v. như các chuyên viên các nước đó hiểu biết về Việt Nam ? Trong đội ngũ cán bộ Việt Nam xưa kia được gửi qua học và tu nghiệp ở Liên Xô, ở Đông Đức, ở Tiệp Khắc, v.v., có ai bây giờ trở thành chuyên viên về Nga học, Đức học, Tiệp học hay không ? Các bộ môn như Văn hóa Pháp, Văn học Nga, Kinh tế và phát triển ở Mỹ, Lịch sử Nhật bản nếu có trong giáo trình ở Đại học có được giảng dạy một cách chu đáo hay không ? Đó là chưa nói đến các bộ môn như Âu học, Đông Nam Á học, Châu Phi học, Mỹ La tinh học, v.v. Nếu cộng đồng thế giới quan tâm và tìm hiểu Việt Nam - vì những lý do của họ và cũng nhờ đó trình độ kiến thức của họ được nâng cao, tầm nhìn được mở rộng - và vì lẽ đó ta tưởng ta là cái rốn của vũ trụ thì hậu quả sau này sẽ khó mà đo lường, nhưng điều trước mắt là ta phải hổ thẹn với người nước ngoài vì họ hiểu biết mình hơn mình hiểu biết họ. Như thế thì làm sao mình có thể ngang hàng với họ và thuyết phục họ được ? Dù sao đi nữa, nếu người Việt Nam biết hổ thẹn phải chứng kiến những điều oái oăm của đất nước, những cái chướng tai gai mắt thì đó là bước đầu để đi đến con đường giải phóng, vì sự hổ thẹn có thể là động lực thúc đẩy đến con đường sáng tạo và bình đẳng. Còn nếu người Việt Nam không biết tự hổ thẹn thì không ai sẽ hổ thẹn thay họ cả, và như thế thì mọi điều sẽ không có lý do nào để biến chuyển. Và chúng ta cũng nên nhớ là những người mở đường cho nền Việt học không phải là người Việt. Tờ **Đại đoàn kết** vừa nêu cũng còn nhận xét một vài điều rất mỉa mai là “ chúng ta vẫn nói đất nước có nền văn hiến lâu đời, nhưng đã có công trình nghiên cứu nào đến noi đến chốn về nền văn hóa nước nhà ? ”, hoặc “ Chúng ta nói xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, nhưng trong nhiều trường đại học không có bộ môn dạy cho sinh viên về văn hóa dân tộc. ” Bởi thế chúng ta nên coi lời nhấn nhủ của David G. Marr và Philippe Langlet (*Việt Nam nên mở rộng học thuật đến các nước láng giềng và các nước khác*) là tiếng nói chân thành của những người bạn của Việt Nam ; còn nếu chúng ta hiểu như giám đốc TTKHXH & NVQG, Nguyễn Duy Quý, đáp lời ngay sau đó là “ *Việt Nam phải tìm hiểu các nước láng giềng để sau đó yêu nước Việt Nam hơn* ” thì quả là ông nói gà bà nói vịt.

Điều riêng về tiếng Việt, một anh thông dịch viên trong hội thảo đã bày tỏ một vài ưu tư và tự hỏi rằng tại sao ở Việt Nam không có một Hội đồng đứng ra biên soạn để hoàn chỉnh và đồng thời hóa tiếng Việt (từ cách viết đến từ ngữ, v.v.) và đồng thời tìm ra những từ ngữ mới để đáp ứng cho biến chuyển của nền khoa học xã hội và nhân văn, có nghĩa là dịch và chuyển ngữ các từ ngữ, thành ngữ, ý niệm của

(xem tiếp trang 27)

Một sứ gia trên dòng sử học

Nguyễn Thắng

Đọc Phan Huy Lê

Tìm về cội nguồn, Tập I

nha xuất bản Thế giới, Hà nội, 1998, 819 tr.

Gần đây, ta được thấy những bước đầu của một truyền thống tốt đẹp : trong nước cho ra cuốn sách tập hợp bài viết của một học giả mà một đời nghiên cứu đã để đậm dấu ấn trong bộ môn, trong học thuật, vào dịp sinh nhật lần thứ 60 của ông. Đã có tập kỷ niệm lục tuần giáo sư Hà Văn Tấn. Hôm nay lại được cầm trong tay **Tìm về cội nguồn** của giáo sư Phan Huy Lê.

Hơn bốn mươi năm nghiên cứu sử học tóm gọn lại trong quyển sách. Những công trình đã được in trong các tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học, thêm một ít bài mới công bố lần đầu.

Ngoài cái thú đọc lại các bài nghiên cứu đã làm sáng tỏ một số vấn đề sử học dân tộc trước đó còn là nghi vấn, riêng một việc tập hợp những bài chọn lọc trong quá trình nghiên cứu của một nhà sử học được đào tạo từ mái trường đại học sau Cách mạng tháng Tám 1945, riêng việc ấy, qua công trình của cá nhân học giả, cho ta thấy phần nào những biến chuyển trong nhận thức lịch sử và chủ đề nghiên cứu từ Cách mạng tới nay.

Ta lại được thêm những nhận định ngắn gọn, sáng suốt và trung thực về “ *Nghiên cứu sử học hiện nay ở Việt Nam* ” (tr.360-372) viết sau 40 năm tuổi đời nghiên cứu của nhà học giả vốn là một trong số ít người đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp tiếp tục và đưa vào hiện đại truyền thống sử học lâu đời của Việt Nam. Những nhận định loại này còn nằm trong các bài *Sử học Việt Nam trên đường đổi mới* (tr.352-356), *Tính khách quan, trung thực của khoa học lịch sử* (tr. 357-359) và *Lịch sử Việt Nam, một cái nhìn tổng quan* (tr. 542-553).

Tập I này gồm 3 phần đầu : I. Sử liệu và tiếp cận, II. Mấy vấn đề tổng quan, III Kinh tế và xã hội trong tổng số 7 phần của toàn tác phẩm.

Nhìn qua cách chia phần quyển sách, việc đặt các chủ đề trong phần I, II, III lên trước các phần khác - Thiết chế chính trị (IV), Chống ngoại xâm (V), Nhân vật lịch sử (VI), Văn hóa và truyền thống dân tộc (VII) - ta đã thấy đâu là phong cách tiếp cận và nhận thức lịch sử của tác giả.

Theo bước Hoàng Xuân Hãn người đã mở ra một phong cách mới trong nghiên cứu và viết sử ở Việt Nam, thế hệ các

sử gia thành tài trong cách mạng đã có một thời lận lội lùng tìm văn bản, tư liệu, dấu tích lịch sử trên thực địa với quy mô mà một cá nhân đơn độc không sao làm nổi. Công việc ấy để lại những cảm xúc khó quên, cho nhà học giả và cho người thầy “ ... cũng muốn qua cuốn sách này, gửi tặng... cho các thế hệ sinh viên Khoa lịch sử đã từng cùng tôi lặn lội qua nhiều miền của đất nước từ bắc chí nam để lần tìm lại những dấu tích lịch sử còn được bảo tồn trên mặt đất và trong ký ức của nhân dân với biết bao kỷ niệm vui buồn, sướng khổ mang đậm tinh nghĩa thày-trò và lòng dùm bọc của nhân dân ” (tr.13).

Tuy nhiên, phát hiện ra sử liệu mới, nghiên cứu văn bản học một cách nghiêm túc và có hệ thống, không phải bất cứ ai trong số những sử gia đi sau cũng có khả năng và chịu bỏ công sức làm theo được tinh thần mà Hoàng Xuân Hãn đã nêu gương. Chính vì vậy mà tôi thích thú thấy in lại công trình khảo sát văn bản học về bộ quốc sử lớn **Đại Việt sử ký toàn thư** : Tác giả - Văn bản - Tác phẩm (tr. 133-230), người sử dụng thì nhiều nhưng nghiên cứu cẩn kẽ về văn bản hiếm thấy được như bài này, vốn Phan Huy Lê cho in ở đầu bản dịch theo bản Chính Hoà thứ 18 (1697) có kèm theo bản sao chụp mộc bản cổ nhất còn giữ được của bộ sử này (**Đại Việt sử ký toàn thư**, nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1993).

Nhìn vào những bài sử dụng tư liệu sưu tầm trên thực địa được chọn lựa đăng trong sách, ta có cảm tưởng dường như Phan Huy Lê lý thú với thời Tây Sơn hơn là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, dù rằng ông đứng ký tên cùng với Phan Đại Doãn một công trình nghiên cứu công phu về giai đoạn sử này (**Khởi nghĩa Lam Sơn**, nxb Khoa học xã hội, in lần thứ ba, Hà Nội, 1977). Nhưng cũng phải nói ngay rằng ông đã chọn lọc một số công trình dựa trên tư liệu mới phát hiện mà vẽ nên rõ nét một vài khái niệm, khuôn mặt trước đó là những cụm từ, tên gọi còn gần như trống rỗng nội dung. Xin bạn hãy đọc bài **Tìm dấu tích phòng tuyến Tam Điệp-Biện Sơn**, trận tuyến phòng thủ Ngô Thị Nhậm chủ trương tạm rút quân về để bảo toàn lấy quân lực khi quân Tôn Sĩ Nghị ào ạt kéo qua (tr. 47-69). Hay xem **Đô đốc Đông và một số di vật thời Tây Sơn mới phát hiện** (tr. 70- 76) để tìm lại thân thế và sự nghiệp của vị tướng cầm quân tiên phong chiến thắng trận Đống Đa, dẫn đầu đạo quân tiến trước tiên vào Thăng Long, trực tiếp đe doạ đại bản doanh của Tôn Sĩ Nghị. Một vị tướng mà theo chính sử chúng ta chỉ biết qua hai tên gọi mơ hồ đô đốc Long hay đô đốc Mưu.

Là người Việt ở nước ngoài, tôi hơi lấy làm tiếc không thấy nhà sử học từng nghiên cứu sâu về thời Tây Sơn chọn đăng bài **Phong trào nông dân Tây Sơn và cuộc đấu tranh chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc cuối thế kỷ XVIII** (**Nghiên cứu lịch sử**, số 6(183), 1978, tr. 8-27) xác định được số quân viễn chinh nhà Thanh xâm lược nước ta năm 1788 bằng cách so sánh nghiêm túc các nguồn sử liệu Việt Nam và Trung Quốc. Nó là giải đáp cho thắc mắc mà một chính trị gia gần đây đã nêu lên trên một tờ báo ngoài nước, gây nên một cuộc bàn cãi chí choé, sôi nổi nhưng thiếu hẳn sử liệu đáng tin cậy.

Tôi có cảm tưởng như Phan Huy Lê không muốn dừng lại quá lâu với những bài về các chủ đề trọng tâm trong thời kỳ

chiến tranh. Ông trân trọng những thành công đạt được trong gian khổ nhưng cũng chỉ rõ ra những khuyết điểm của sử học Việt Nam trong thời kỳ này. Ông khẳng định “ ... thành tựu to lớn, làm sáng tỏ nhiều nền văn hoá tiền sử và sơ sử, có nhiều tìm tòi khám phá trong nghiên cứu lịch sử chống ngoại xâm, lịch sử phong trào nông dân và phong trào chống chủ nghĩa thực dân.

Nhưng nền sử học Việt Nam trong thời kỳ này cũng bộc lộ nhiều hạn chế và khuyết tật.

Lịch sử phát triển kinh tế-xã hội, lịch sử văn hóa chưa được quan tâm và lịch sử thế giới hầu như chưa được nghiên cứu. Đó là mặt hạn chế về đề tài và nội dung nghiên cứu lịch sử.” (xem bài **Nghiên cứu sử học hiện nay ở Việt Nam**, tr. 364).

Những ai không theo dõi nghiên cứu sử học Việt Nam trong thời chiến tranh hẳn không khỏi ngạc nhiên tự hỏi sử gia mácxít mà lại có thể không quan tâm đến lịch sử phát triển kinh tế-xã hội được chăng ?

Có chô ! Nhưng biết bao nhiêu công sức đã trút vào giải quyết một số vấn đề đặt ra vì có một xu hướng chứng minh cho lấy được rằng lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam phải kinh qua đầy đủ tất cả các giai đoạn phát triển y theo công thức kinh điển của Marx. Ta còn thấy dư âm các cuộc thảo luận ấy trong bài **Sự tồn tại của tàn dư quan hệ nô lệ trong xã hội phong kiến và vấn đề chiếm hữu nô lệ ở Việt Nam** trong phần II (tr. 398-397). Qua đó chúng ta cũng được thấy đức tính ôn tồn điềm đạm của nhà sử học Phan Huy Lê trong biện luận để “ *bổ sung thêm vào nhận định cho rằng nước ta không trải qua một thời kỳ chế độ chiếm hữu nô lệ* ”. Và ông cũng xác định rằng “ *Theo tôi và nhiều nhà sử học Việt Nam, thế kỷ X đến XV là thời kỳ hình thành và xác lập chế độ phong kiến Việt Nam. Nhưng đây là một loại hình chế độ phong kiến khác với phương Tây và có nhiều nét gần gũi với chế độ phong kiến của nhiều nước phương Đông* ” (tr. 410, trong bài **Sự phát triển của các hình thái kinh tế-xã hội trong lịch sử Việt Nam**).

Dường như Phan Huy Lê có ý dành chỗ xứng đáng cho phần nghiên cứu về sử kinh tế - xã hội. Và tôi cho là ông có lý. Lĩnh vực này mờ nhạt trong sử quan, trong cách viết sử của các sử gia trước đây, kể cả Hoàng Xuân Hãn. Hướng nghiên cứu này lại vừa được thêm luồng sinh khí mới với sự cộng tác của sử gia Nhật, Hoà Lan, v.v... những nơi còn lưu trữ sử liệu về các thương cảng quốc tế của Việt Nam xưa. Nhờ vậy ta được thích thú với các bài **Hội An : lịch sử và hiện trạng** (tr. 786-804), **Phố Hiến : những vấn đề khoa học đang đặt ra** (tr. 805- 819).

Phan Huy Lê dường như còn có biệt nhãn với những công trình vận dụng phương pháp thống kê, định lượng, kỹ thuật vi tính để khai thác và xử lý tư liệu địa bạ cổ thế kỷ XIX. Ngoài các bài về địa bạ Hà Nội trong sách này chúng ta còn có trong Hệ thống tư liệu địa bạ Việt Nam do Phan Huy Lê chủ biên những tác phẩm : 1, **Địa bạ Hà Đông**, Hà Nội 1995, 630 tr ; 2, **Địa bạ Thái Bình**, nxb Thế Giới, Hà Nội, 1997, 520 tr. và sẽ tiếp tục in các quyển tiếp theo.

Nhìn lại, mới có tập I trong tay mà đã thấy đồ sộ. Tiếc là

không có bản liệt kê đầy đủ thư mục Phan Huy Lê để tham khảo. Chắc rằng là để dành lại cho tập II.

Quay về tương lai, riêng một bài *Châu bản triều Nguyễn và châu bản năm Minh Mệnh 6-7* (tr. 301-351) đủ làm choáng ngợp. Một ví dụ cẩn con, dùng châu bản để so sánh những biến chuyển của giá gạo mỗi nửa tháng trong cả nước và giữa các vùng Bắc, Trung, Nam trong hai năm 1825, 26 (tr.331-332), đủ hé cho thấy bao nhiêu hứa hẹn kho sử liệu ấy dành cho công cuộc tìm hiểu vào chi tiết đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội Việt Nam thế kỷ thứ XIX. Nhưng từ đó mà chúng ta cũng bao nhiêu thầm thía với mối bận tâm của nhà sử học đã vào tuổi lục tuần : “ *Điều chúng tôi quan tâm nhiều nhất là phải nhanh chóng nâng cao phương pháp luận sử học, xây dựng một hệ thống phương pháp hiện đại phù hợp với đối tượng và cách tiếp cận của lịch sử Việt Nam* ” (tr. 366).

Chúng ta biết từ mái trường đại học sau Cách mạng đã có được Phan Huy Lê, Hà Văn Tấn,... những sử gia xứng đáng với tên gọi đó.

Nhưng không khỏi khắc khoải tự hỏi, còn những thế hệ sau đó thì sao ?

Nguyễn Thắng (9.1998)

Việt Nam học (tiếp theo trang 24)

nước ngoài được dùng trong khoa học xã hội và nhân văn. Một ví dụ là người ta hay dùng lầm hai ý niệm “ xã hội mẫu hệ ” (société matrilineaire) và “ xã hội mẫu quyền ” (matriarcat) ⁽⁶⁾ nên người dịch thường gặp khó khăn. Cũng về lãnh vực này, chúng ta phải dịch thế nào các từ ngữ hay ý niệm từ tiếng Pháp như : problématique, enjeu, espace social, radical (nói về đảng phái chính trị), idéal, sociétal, le politique v.v. ? Ai là người sẽ lãnh trách nhiệm này ? Hy vọng là trong tương lai không xa lầm các câu hỏi nêu ra trên đây sẽ có những câu trả lời thích đáng, sức mạnh và chất lượng của nền Việt học sẽ được chuyển hướng và xuất phát chính từ Việt Nam theo quy luật bình thường, và Việt Nam sẽ có những chuyên viên quốc tế nói chuyện ngang hàng với các học giả nước ngoài về những lãnh vực của khoa học xã hội và nhân văn chứ không phải chỉ có những nhà Việt Nam học.

Nguyễn Văn Ký

1 Hội này hiện có hơn 100 thành viên.

2 Vắng mặt vì lý do sức khỏe nhưng báo cáo của ông được anh phó giám đốc thay mặt đọc bằng tiếng Việt.

3 Theo báo cáo tổng quát của giáo sư David G. Marr thì hiện tại 80% những nhà nghiên cứu về Việt Nam ở nước ngoài nói được tiếng Việt so với trước kia chỉ có 10%.

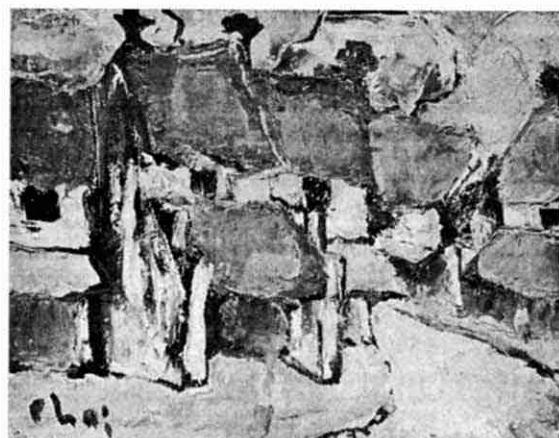
4 Chủ yếu là lịch sử, dân tộc học, khảo cổ học, chính trị học, xã hội học, kinh tế học, địa lý học, văn học.

5 Nguyễn văn trong báo cáo.

6 Theo những khám phá khoa học hiện thời thì người ta chưa tìm ra ở đâu trên thế giới có dấu vết của mẫu quyền.

Kỷ niệm 10 năm ngày mất của họa sĩ

Bùi Xuân Phái (1921 - 1988)



Hoạ sĩ Bùi Xuân Phái, tốt nghiệp trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, Khoa 15 (1941-1945) - cùng khoá với Huỳnh Văn Gấm, Nguyễn Tư Nghiêm, Tạ Thúc Bình.

« *Cái táo bạo mới lạ, đầy lôi cuốn ở tranh Bùi Xuân Phái chính ở chỗ ông đã vượt ra ngoài cái ràng buộc của hội họa phương tây sau khi đã thấu triệt đầy đủ hết cái tinh thần của nó. Hào hứng và tự do, ông theo đuổi những hình nghĩeng ngả, xiêu veo, những chất màu lem luốc, cuồng lai tất cả những gì bình thường, quen mắt đến thành tẻ nhạt. Ông thích thể hiện các phố cổ nhà cửa lô nhô, tường rêu nứt nẻ, cũ kỹ và ưa cách điệu hình tượng “ hè chèo ” theo lối nhìn ngộ nghĩnh của tranh dân gian với nét viền to đậm cố tình làm ra vẻ nguêch ngoạc.* » Quang Phong, *Các họa sĩ trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương* - NXB Mỹ Thuật, Hà Nội, 1993.

« *Nguyễn Sáng, Nguyễn Tư Nghiêm và Bùi Xuân Phái thường được xếp cùng nhau là “ ba bậc thầy ” của hội họa Việt Nam đương đại. Họ được gắn danh hiệu đó phần nào vì họ thuộc lớp cuối cùng của trường CDMTĐD, họ khép lại trang sử hội họa cổ điển của thời thuộc địa và dẫn hội họa tới cách biểu hiện mới. Và họ trở thành gương mẫu cho thế hệ các họa sĩ sau chiến tranh, những người đầy hội họa di tiếp một bước nữa tới giải phóng nó khỏi những ràng buộc hình thức và thiên về một thế hội họa hiện đại mang nhiều dấu ấn văn hóa dân gian Việt Nam hơn là dấu ấn của các trào lưu hiện đại chủ nghĩa Âu châu. Nguyễn Sáng dùng nét dày dặn, góc cạnh khi tạo hình các bức chân dung, trong khi Bùi Xuân Phái thể hiện cái u buồn của phố nghèo Hà Nội bằng nét bút tự do phóng khoáng. Cả hai họa sĩ đều yêu quý đất nước mình nhưng ít khi dùng các đề tài xã hội chủ nghĩa, mà lại ưa thể hiện những sự vật của đời sống thường nhật để bộc lộ lòng yêu quý đó. Cả hai ông đều thừa nhận ảnh hưởng của hội họa phương tây và thường sử dụng sự tối giản về ngôn ngữ giống như các họa sĩ hiện đại số kỳ Pháp, song không khí và cảm xúc trong tác phẩm của họ lại thể hiện một tinh thần dân dã, rất Việt Nam.* »

Tô Ngọc Vân và Nguyễn Gia Trí mang lại cho hội họa Việt Nam một vần cảnh mới, trong khi Bùi Xuân Phái và Nguyễn Sáng mang lại cho nó một biểu cảm mới. Họ cùng nhau mở ra một con đường cho các thế hệ họa sĩ tương lai, những người tự nhìn vào mình và làm phát lộ ra những đặc thù của các truyền thống Việt Nam.»

(trích từ bài viết của Nora Taylor, *Quatre peintres au carrefour du modernisme*, Mỹ thuật, số 14-15 / 1995.

Đọc thơ NGUYỄN XUÂN THIỆP

Đặng Tiến

Nhà thơ Nguyễn Xuân Thiệp là một tâm linh trong sáng vừa mới gởi đến trần giới tràn luân một dòng thơ thanh thoát qua tác phẩm *Tối cùng gió mùa*, tạp chí *Văn Học* xuất bản tại Mỹ (1).

Cách đây tròn năm, trên báo *Văn Học* số 135 do anh Nguyễn Mộng Giác gửi tặng (tôi không có tiền mua), tôi được đọc bài *Thảo nguyên* ký tên Nguyễn Xuân Thiệp lạ hoắc và bị mê hoặc ngay bởi dòng thác hình ảnh - âm vang hư hư thực thực cuồn cuộn băng băng qua mấy trăm câu thơ như nước Hoàng Hà :

Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
Bước nhẹ tênh khôn thời khổ hạnh
Mê con chuồn chuồn đỏ bay ngang
Thương bầy dê con trên đồi vắng
Gặp trẻ chăn bò đi hát rong
Gọi ấu thơ ta mùa hạ sáng
Đời trôi đi tưởng đời lặng cảm
Bỗng tiếng đàn ai trong gió thoảng

(...) Mai mốt chị qua vùng thảo nguyên
Như xưa một lần về quê ngoại
Ngày reo vui vườn chim bay chim
Lòng reo vui reo tà áo lụa
Chị gọi đầu bằng nước hoa chanh
Hương tóc bay sang chiều vời vợi
Chị ơi mai qua vùng thảo nguyên
Mang cho em một chùm nhẫn chín
Ôi tình xưa như nhẫn và sen
Đầu tình phai khi chưa kịp hẹn

tr. 63-69

Nay nhận được thi phẩm, đọc nơi trang bìa sau, được biết Nguyễn Xuân Thiệp là cựu sĩ quan miền Nam, làm bài *Thảo nguyên* năm 1980 trong thời gian học tập tại một trại cải tạo nào đó miệt Nghệ Tĩnh miền Bắc từ 1975 đến 1982 — mãi đến năm 1995 mới sang Mỹ — thì tôi phục quá. Bài thơ lời lẽ cao khoát, tình nghĩa thâm sâu, bỗng ánh ngời thêm một ý nghĩa mới : cụ thể, lịch sử, xoáy sâu thêm, nâng cao thêm nội dung tự tại. Những chữ *thảo nguyên*, “ *khổ hạnh, chuồn chuồn, bầy dê, trẻ chăn bò, đời lặng cảm* ” bỗng nhiên đi vào thế đối lập với những từ ngữ thư thái “ *bước nhẹ êm êm, mùa hạ sáng, ngày reo vui, lòng reo vui, tà áo lụa* ” . Điều này làm tôi sực tỉnh : những phương pháp tiếp cận văn học hiện đại đang thịnh hành, chăm chú vào văn bản, ít lưu ý đến bối

cảnh lịch sử, xã hội, thậm chí hoàn cảnh, tâm lý tác giả, những phương pháp này dĩ nhiên là có hiệu lực, nhưng cũng giới hạn. Và giới hạn cả giao tình giữa người đọc với tác phẩm và tác giả. Đề cao cấu trúc, có khi quên mất con người. Nhân danh độc giả, đôi khi là hù doạ độc giả bằng kiến thức, kỹ thuật — hay cái hư danh của người viết.

Tỉnh cơn mê chữ nghĩa, tôi thán phục cái ông Nguyễn Xuân Thiệp, có thơ đăng từ 1954 mà tôi chưa hề được đọc, được nghe danh. Từ quan cảnh học tập, cải tạo mà anh đã mơ thấy, dù là “ *mai mốt* ” , một “ *quê ngoại* ” thì khoáng đạt, độ lượng quá. Tình cảm quê hương, và trần gian vượt quá Hồ Dzếnh, đã dành và dỗ thoi, mà còn vượt quá cõi hoang tưởng của một Nguyễn Bá Trạc rất hiện đại ở hải ngoại, một thứ “ *quê ngoại* ” :

*Chao ôi con gió mùa đông cũ
Còn thổi mưa lênh láng của thành
Vườn nhà ông ngoại thơm hoa buổi
Khi tóc em vừa mới chớm xanh* (2)

Không rõ tôi cao hứng lạc đề, hay thơ *Gió mùa* và thơ *Cỏ bồng* cùng gọi chung một khí hậu ? dù rằng hai người đã đi những con đường, trên những lãnh phận rất khác nhau.

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp có nhiều câu, thường song đôi, xuất sắc, kết hợp chất uyên bác (nghĩa là không mới) với sức sáng tạo tân kỳ ; lưng vốn cá nhân dồi dào được đầu tư dắc thế vào nguồn sống dân tộc đồng phương và tây học, tạo ra vòm ánh sáng vừa kỳ diệu vừa duy lý. Tri thức và trí thức không khuất lấp mầm nhiệm của ngôn ngữ ; giác quan và ảo mộng nương nhau nuôi nhau. Ví dụ một bài thơ dài hơn hai trăm câu được kiến trúc trên một hình ảnh duy nhất, một từ thơ quán xuyến là Ánh trăng :

*Trăng khuya như một loài chim quý
Bay suốt nghìn năm hót một lần.
Dưới mái chùa tây vắng tiếng kè
Vị sư già đã thức, chuông ngân.
Âm thanh như một làn hương sữa
Chảy xuống hồn ta đã lặng dần
Hạt lệ muối rơi, giờ đọng lại
Trăng nguyệt cầm ơi, ngọc mới đông (...)
Giữa cuộc vui này ta có mặt
Sao tâm xao xuyến những trời xưa
Đếm sao, nào biết sao mờ tắt
Trận bão mùa qua đã dứt chưa...*

(1980, tr.98)

Không uyên bác thì không làm được thơ như vậy. Từng hình ảnh một, không có gì mới ; lối so sánh ánh trăng luỗi liêm với cánh chim cũng đã có người dùng. Nhưng cách liên hoàn những hình ảnh thì sáng tạo và bất ngờ, vì nó phục vụ cho ý hướng riêng tập thơ : khổ nạn của lịch sử, và đời người, chỉ là con bão rốt, trong khi con người trong nhân loại và dân tộc, là một khoáng trời xanh miên viễn. Tư tưởng ấy, tự nó không cao siêu, nhưng sống trọn vẹn nó qua những thảm kịch lớn lao của đất nước và cá nhân, thì phải cao cường. Thơ Nguyễn Xuân Thiệp chứng tỏ con người có đủ sức mạnh tinh

thần để vượt qua những trầm luân, và thi ca là một thành tố của năng lực kia. Thi ca hiểu theo nhiều lớp lang : cách nhìn đời, lối tiếp cận và lối diễn đạt, nói chung là cách sống. Ngôn ngữ, thi pháp giúp Nguyễn Xuân Thiệp sống trọn vẹn và tràn đầy ý thức và tâm cảm. Thơ Nguyễn Xuân Thiệp mới ở đó, ở chỗ không giống ai. Nó mạnh mẽ khi đã đủ sức từng trải gian truân. Và hay nhờ tài năng cấu tứ, sử dụng từ pháp và âm pháp, trong kiến thức rộng rãi và xúc cảm sâu xa.

Ba khổ thơ vừa trích gợi nhớ nhiều điển cố mà tôi không nhắc lại, vì sợ nặng từ chương và nhẹ phần đối thoại giữa nhà thơ và người đọc. Nhưng tưởng nên giải thích câu “ Sao tâm xao xuyến ” nghĩa là “ giữa cuộc vui ” sao lòng mình xao xuyến ; nhưng Tâm còn là tên Sao trên “ những trời xưa ” : câu thơ mang nhiều kích thước.

Ngay bài *Thảo nguyên* trích từ đầu đã phúc tạp từ cái tiêu đề : thảo nguyên (steppes/toundra), những đồng cỏ bao la ở Nga La Tư, sống về chăn nuôi. Cao nguyên Việt Nam — nơi tác giả bị dày — có đồng cỏ nhưng chưa gọi được là thảo nguyên. Do đó từ ngữ này tạo ra cảm giác lưu xứ tận miền Tây Bá Lợi Á, từ thời Nga hoàng. Nhà thơ vẫn nhìn lưu đày bằng thi cảm, thi giác : *Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên / Bước nhẹ thênh...* như kẻ hanh du, tìm về nguồn suối, có nước trong và cỏ mát. Mùa hạ nắng ấm cỏ cây và người vật vơi vui sau thời tuyết tan băng rã.

Bài thơ dài được kiến thiết trên mùa hạ ấm. Mùa hạ đồng thời là mùa lưu đày của nhiều kẻ sĩ miền Nam năm 1975. Với miền Bắc, mùa xuân là mùa Đại Thắng, mùa thu là Cách Mạng, mùa đông là Chiến Dịch..., còn lại cho miền Nam Mùa hè đỏ lửa...

Vẫn hai câu đầu :

*Mùa hạ ta qua vùng thảo nguyên
Gió thổi chiều xanh trời với nắng*

(tr. 63)

Âm điệu gợi lên hai câu xa xưa, mở đầu bài *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi :

*Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu hương cối mới* (3)

Những lời thơ âm hưởng giao thoa vì những sơ đồ thang âm và nhịp điệu. Nhưng không phải người sau mượn từ thơ người đi trước, vì họ thuộc hai “ chiến tuyến ” khác nhau, mà chúng ta thấy sự đối lập rõ trong cấu tứ : ở Nguyễn Đình Thi, con gió mới hứa hẹn ấm no và hạnh phúc ; ở Nguyễn Xuân Thiệp là những trời dạt phôi pha, vĩnh viễn mất mát. Tuy nhiên, giữa những đối lập hai hồn thơ vẫn có điểm gần nhau, như lối nhìn đời từ một khoảng cách. Đây là chuyện ngoài đề, nhưng không phải là không lý thú, mà mai kia, chúng ta có thể triển khai trong một hoàn cảnh văn học cởi mở hơn hiện nay.

Bài *Thảo nguyên* lấy lại điệp khúc, nhưng có khi biến dạng :

Năm năm ta qua miền thảo nguyên

Đến nay vang vang mùa hạ gọi

(tr. 65)

Mùa hạ tuần hoàn về cuối câu thơ, nhường đầu câu cho “ năm năm ” khơi nguồn nhiều nghĩa.

Đầu tiên là thời gian học tập cải tạo, *năm năm đời ta ngọt bùi chẳng biết (...), năm năm những chiếc roi quất ngược* (tr. 77-78). Vì một chữ đồng âm láy lại, nên thời gian năm lần một năm có vẻ dài lắm. Trong *Kiểu*, Nguyễn Du đã sử dụng bốn lần lối láy chữ này :

Năm nay là một nữa thì năm năm

(câu 2408)

Thời gian như kéo dài tận qua cách láy từ trong câu ca dao (mà Tản Đà cho là thơ Dương Lâm) :

Năm năm tháng tháng ngày ngày

Lần lần lũa lũa rày rày mai mai (4)

Những “ chính sách ” lần lũa đối với “ người tù xa xú... trên đường biệt xứ ” (tr. 55-59) không được xét xử, không có hình án, biến thời gian trở thành một khổ sai vô hạn định, mà tác giả thỉnh thoảng nhắc lại mệt mỏi, qua những “ cảnh trà oan khổ, bạn bè hái từ trên núi xanh ” :

Bây giờ ta hiểu ra thiên thu

(tr. 121)

Năm năm còn một nghĩa khác, là mỗi năm nhắc lại quan niệm “ gió mùa ” : vì vũ trụ tuần hoàn, thường trực trong tâm thế Nguyễn Xuân Thiệp. Mỗi năm, mùa hạ làm sống lại những “ tà áo biếc... những tà áo lụa... những chùm nhãn chín... ”. Tư tưởng chu kỳ đẩy nhà thơ ra khỏi thời gian ra khỏi lưu đày ; tâm tư thanh thản, không gian đơn tuyến đường như rộng rãi thêm. Từ *vùng thảo nguyên* thơ đã qua *miền thảo nguyên*. Một chữ *miền* thôi, đủ nắn rộng không gian, một phần nhờ giá trị ngữ âm (phonétique) và ngữ nghĩa (sémantique), đối lập với chữ *vùng*.

Bài thơ kết thúc với điệp khúc :

Ta đi năm năm qua thảo nguyên

Câu thơ lần này nhấn mạnh ý *đi qua*, không dừng lại.

Năm năm, do đó còn thêm một nghĩa thứ ba riêng biệt, là thời gian dài nói chung, năm này qua năm khác, là lịch sử biến niên. “ Năm năm báo oán, đời đời đánh ghen ” trong tục ngữ.

Con đường “ *đi qua* ” thảo nguyên, cụ thể vùng Nghệ Tĩnh, là : lớp lớp nhiều thế hệ lưu dân từ thế kỷ XII đã di dân về phía Nam :

*Cha đã đi qua vùng thảo nguyên
(...) đám lưu dân qua vùng châu thổ*

(tr. 66)

Và trong tương lai, gần hay xa, dân tộc sẽ còn tiếp tục hành trình : *mai mối mẹ (...) chị (...) em qua vùng thảo nguyên...* Nói khác đi và rộng xa, những gian truân từng cá nhân, hay tập thể, chỉ là một đoàn đình, trường đình trên quá trình dân tộc — và loài người. Thấy được như thế, trong cảnh học tập cải tạo, phải là... thánh. Với một tâm hồn trùng trùng độ lượng :

*Chân sóng đầy đưa, ta đi trên đường biệt xứ
(...) Nghe vi vu biển gọi nguồn về*

trùng khơi i ầm con nước động
lưng trời lượng lượng mưa sa
(1980, tr. 60)

Tuy nhiên, đến với Nguyễn Xuân Thiệp, tôi không đi tìm một thánh nhân. Mà đi tìm một nhà thơ. Và tôi đã gặp người thơ, một tình người trong lời thơ mang vết chân lưu dân đồi dời qua những truông những trảng :

Hành nhân, hành nhân, đêm thu phân
(tr. 67)

Đêm thu phân ! Phân vân và phân thân. Câu thơ vẫn bằng. Câu Nam bằng : huyền trân, huyền trân, đêm thu phân...

Đêm nào trong đồi người lưu dân mà không là đêm thu phân ?



Nói rằng tư tưởng vượt đau thương, thi ca hoá giải hận thù không có nghĩa là né tránh phê phán hay thoả hiệp với cái ác, hoà giải với điều xấu. Xin đừng gán cho Nguyễn Xuân Thiệp — và tôi — cái nǎo trạng ngô ngẩn ấy. Nhà thơ là một nạn nhân bình tĩnh và sáng suốt phê phán :

Hồi ơi giữa cánh rừng săn bắt
ta chỉ nghe rền giọng sói tru
(...) thủ ngẩng nhìn trăng đêm phán xét
ai công, ai tội, dưới trời khuya
ai xô trǎm họ vào gai gốc
ai hái dâng đồi một đoá hoa
hãy xét trong cơn đau lịch sử
nỗi đau nào đau của riêng ta
(tr. 91)

Bàn thêm : “chữ nào” ngắt nhịp ở đây có ba nghĩa : nghĩa vắn, phiếm định và phủ định. Nhìn lại cuộc chiến đã tàn phá quê hương mà tác giả con đang tiếp tục chịu đựng hậu quả :

trăng chiếu, thành không, hào luỹ sup
còn nghe sất thép rền cỏ khâu
tỷ bà đá dựng, hồn u khốc
uống ngọn cờ treo ải địa đầu
(tr. 89)

Tác giả lên án mọi thứ chiến tranh trong lịch sử nhân loại, và lối thơ biến tái thời Đường đã cổ động binh tướng ra “ ải địa đầu ” chống rợ Hồ : “ dục ẩm tỳ bà mă thương thôi ”... Nhưng nhà thơ vẫn tin tưởng ở tương lai, con người và cuộc sống :

Nhưng thôi nhân loại vui vầy cả
Yêu cuộc đời trong lõi bất toàn
Chút nghĩa thuỷ chung ta giữ vẹn
Lòng oi, trải rộng gió nhân gian
(tr. 101)

Nguyễn Xuân Thiệp ra từ 1982, sang Mỹ 1995. Khi cho đăng thơ trên tạp chí Văn Học (Mỹ) tháng 7-1997 và tháng 4-1998 anh không ghi thời điểm sáng tác 1980, giữa thời gian học tập cải tạo. Nói khác đi, anh không khoe công đã từng kinh qua “ đáy địa ngục ” hay “ đại học máu ”. Anh cần người đọc nhận định giá trị đích thực của thi ca, thơ hay thơ

dở không cần “ con tem ”. Anh không thuộc loại người làm thơ để ném vào sứ quán. Thậm chí toà soạn Văn Học cũng không biết nên đã giới thiệu “ bài thơ dài nhất ” (số 135, tr.2) làm 17 năm trước đó. Tác giả “ thư toà soạn ” thường là Nguyễn Mộng Giác lại là người “ tận tri thiên hạ sự ”. Chúng ta cần ghi nhận ở đây sự liêm khiết kiêu hãnh của văn học — không cứ gì của riêng Nguyễn Xuân Thiệp. Nhưng thường hợp anh là tiêu biểu, là cơ may hiếm có : vì thơ anh hay. Chẳng may thơ dở thì biết đâu lại chẳng phải cần đến “ con tem ” ? Thơ Nguyễn Xuân Thiệp như muốn “ cải tạo ” trại học tập thành một kiểu tiểu ngạo giang hồ, không có ý đồ xúc phạm, chỉ nuôi tham vọng (ảo vọng ?) đánh dấu chấm dứt một giai đoạn hỗn mang trong tâm thức Việt Nam :

hết rồi thời quý mị
đời hân hoan, giòi gọi ta
hài cỏ, nón thơ, tay nải biếc,
mai về
dưới trảng, hái một bông trà

(1980, tr. 61)

Tác giả sử dụng đủ các thể thơ, trừ lục bát. Nhưng thỉnh thoảng, người đọc vẫn nghe trong tận đáy lời ca, giọng ru hời thầm lặng bằng lục bát, như ở mấy câu trên : mai về hái một bông trà dưới trảng.



Chúng ta tạm thời phân biệt : *thơ chơi* và *thơ chuyên*.

Thơ chơi của bậc tài tử, cao hứng làm vài câu, thường một câu chót đến, rồi nối thêm vài ba câu nữa cho thành “ tuyệt cú ” (!). *Thơ chuyên* là của các nhà thơ thật sự sáng tác, chuyên cần làm thơ, lao động cật lực để làm những bài thơ dài, những bài hành, trường ca...

Nguyễn Xuân Thiệp thuộc loại làm thơ chuyên, dù không phải là “ chuyên nghiệp ” vì làm thơ không phải là một nghề, và dứt khoát là không hưởng lợi tức. Gọi là thơ chuyên, trước hết vì tập *Tôi cùng gió mùa* tải một nội dung duy nhất, các bài thơ hình thức khác nhau đều đồng quy về một ý huống, không rời rạc vào chuyện ngâm vịnh, thù tặc, tửu hậu trà dư. Tác giả là bậc tài hoa, nhưng không sử dụng thơ để biểu diễn tài hoa, ngược lại có ý thức dùng tài hoa như một phương tiện để phục vụ lý tưởng nghệ thuật và nhân đạo.

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp không có tiểu xảo, do đó viết về anh tuy dễ mà khó. Khó khi trích dẫn : thành tâm “ trích điểm ” hoá ra vô tình xuyên tạc ; tóm tắt một câu thơ hay, chứng minh được đặc sắc mà không nói lên chức năng của nó trong toàn bộ bài thơ và tập thơ, thì chưa trung thực. Đem thơ trà đinh tóm điểm ra tán tụng nhau thì dễ hơn, ăn chắc và ăn khách. Nhiều thí dụ rất mới, thời sự.

Thơ chuyên Nguyễn Xuân Thiệp còn mang tính cách dài hơi (trái với hơi dài), nhắc đến những bài ca, bài hành trong thơ xưa, tự do hơn những bài hành độc vận trong thơ mới, gần đây. Bài *Ánh trăng*, 248 câu làm nhớ đến bài *Xuân giang hoa* nguyệt dạ của Trương Nhược Hu (35 câu) nhưng ý tứ dồi dào, sắc bén hơn.

(xem tiếp trang 34)

đọc sách

TRĂNG GOÁ

của LÊ MINH HÀ

Hoài Văn

Đã từ lâu, trong văn học Việt Nam, truyện ngắn là một thể loại được nhiều người ưa thích. Có lẽ vì nó gọn, dễ đọc, dễ hiểu, lại có sức gợi cảm, hấp dẫn cao.

Và cũng bởi vì ngắn gọn, ăn khách, nên truyện ngắn dễ được đăng trên các báo hàng ngày, hàng tuần, không nói gì đến những nguyệt san văn hoá, văn học. Từ đó nó lại càng trở nên phổ cập...

Truyện ngắn vừa sử dụng ngôn ngữ của văn chương, lại vừa sử dụng ngôn ngữ của đời thường. Nó vừa là nghệ thuật, lại vừa là đời sống. Nó vừa ảo, lại vừa thực.

Nó có cái cốt truyện với những diễn biến và sự kiện cụ thể, song lại có cái phần nội tâm của các nhân vật, hay của chính tác giả lồng vào câu chuyện.

Có quan niệm cho rằng cốt truyện không cần thiết, song người đọc phần đông vẫn thấy rằng chính cái cốt lõi đó mới là cái hấp dẫn nhất trong một truyện ngắn.

Dẫu sao, nếu không có cốt truyện, thì có nên gọi đó là truyện ngắn nữa không, hay chỉ nên gọi đó là tuỳ bút, hoặc đoán văn?

Ngược lại, nếu chỉ có cốt truyện không, thì chưa thể thành một truyện ngắn được. Vì muốn thành văn chương, câu chuyện phải được tái hiện lại thông qua cảm quan, nhận thức, và phong cách diễn đạt của người sáng tác. Truyện ngắn chính phục người đọc không chỉ ở cái cốt truyện, ở nội dung tư tưởng của câu chuyện, mà còn ở cách kể truyện, ở bút pháp của nhà văn. Một truyện ngắn có thể dựa trên một câu chuyện có thật trong đời thường, hay một câu chuyện giả tưởng, miễn là gây được sự hấp dẫn, gây được cảm xúc và suy nghĩ ở nơi người đọc.

Đối với nhà văn, truyện ngắn là một hình thức sáng tác lý tưởng, cả về nội dung lẫn hình thức, nó cho phép nhà văn khẳng định đầy đủ phong cách của mình. Nhiều nhà văn trên thế giới, kể cả ở Việt Nam, đã nổi danh vì truyện ngắn.

Từ hơn một nửa thế kỷ nay (1), truyện ngắn ở nước ta đã trải qua ít nhất bốn xu hướng chính :

1. xu hướng hiện thực phê phán (1930-1945, ảnh hưởng của văn học Pháp, đặc biệt của Guy de Maupassant, Alphonse Daudet, v.v...), với những nhà văn tiền chiến như : Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Hồng, Nguyễn Tuân, v.v... (2)

2. xu hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa (1945- 1975 ; 1975-1998, hai giai đoạn này thực ra có thể gộp làm một, vì về bản chất không khác gì nhau : nó chủ trương văn nghệ

phục vụ chính trị và nằm dưới sự lãnh đạo của đảng. Trong cả hai giai đoạn này, có một số tác phẩm có giá trị nhân văn, song phần lớn là những tác phẩm thuộc dòng “văn học minh họa”.

3. xu hướng Nhân văn Giai phẩm (1956-57), chủ trương tách văn nghệ ra khỏi chính trị, với những truyện ngắn có tính cách châm biếm, đả kích như : Ông Năm Chuột của Phan Khôi, Đống máy của Minh Hoàng, Con ngựa già của Chúa Trịnh của Phùng Cung, Những người khổng lồ của Trần Duy, Lịch sử một câu chuyện tình của Bùi Quang Đoài...

4. xu hướng “đổi mới”, có người còn gọi là “hậu hiện thực xã hội chủ nghĩa” (từ những năm 1986-87 trở đi), khẳng định quyền tự do tư tưởng của nhà văn, với những tên tuổi như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, v.v...

Trong khoảng hơn mươi năm nay, từ sau đợt truyện ngắn đầu tiên đánh dấu thời kỳ “đổi mới” với tập truyện ngắn *Tưởng về hưu* của Nguyễn Huy Thiệp (1987) và một số truyện ngắn in rải rác trên các báo như *Mùa hoa cải bên sông* của Nguyễn Quang Thiều, *Ác mộng* của Ngô Ngọc Bội, *Cái đêm hôm ấy đêm gì* của Phùng Gia Lộc, *Lời khai của bì can* của Trần Huy Quang, *Hành trình của những con số*, *Năm ngày* của Phạm Thị Hoài, v.v... cứ từng dạo một lại có một vài truyện ngắn hay, trong đó có những truyện đã để lại cho người đọc những ấn tượng sâu sắc như *Gió đại*, *Thời tiết của ký ức* của Bảo Ninh, *Miền thơ ấu* của Vũ Thư Hiên, *Thầy, Cha, Nàng* của Thiên Nam, v.v... (Những tên truyện và tên tác giả kể ra ở đây thì quá dài. Song, từ năm nay, báo chí ở trong và ngoài nước đã đăng khá nhiều truyện ngắn hay. Nội trên báo Diễn đàn, gần như mỗi số đều đăng một truyện ngắn của một tác giả mới. Đủ thấy rằng những tác giả viết truyện ngắn hay trong văn học Việt Nam hiện nay không phải là hiếm!).

Tuy nhiên, ít tác giả nào đã có được một tập truyện ngắn hay và viết đều tay như tập truyện *Trăng goá* của Lê Minh Hà vừa được xuất bản ở Hoa Kỳ.

Lê Minh Hà là một nhà văn nữ nổi tiếng từ vài năm nay, hiện sống ở Đức. Diễn đàn đã có dịp giới thiệu cùng bạn đọc hai truyện ngắn của chị : *Những còn những mất* (1996), *Nơi ấy, Trăng* (1997).

Tập *Trăng goá* với 18 truyện ngắn, cho phép người đọc có một cái nhìn tổng quát hơn về phong cách viết truyện ngắn của Lê Minh Hà.

Trước hết, về mặt ngôn ngữ, truyện ngắn của Lê Minh Hà được viết bằng một ngôn ngữ giản dị, trong sáng, tất cả đều trong suối. (3)

Đặc điểm thứ hai, là tính chất trữ tình của những truyện ngắn này.

Mười tám truyện ngắn của Lê Minh Hà, viết từ 1991,

nhưng phần lớn là từ 1995 đến 1997, đưa người đọc đi vào cái thực tế hàng ngày đầy dãy những sự ngang trái của xã hội Việt Nam hiện nay, với những mảnh đời, những số phận, những tâm trạng bế tắc, hổn hển. Hơn thế nữa, chúng còn đưa người ta đi sâu vào đời sống nội tâm của từng con người, của từng nhân vật.

Tuy nhiên, Lê Minh Hà không bao giờ rời vào một cái nhìn bi quan, thụ động. Đâu đó đường như luôn luôn có một phản ứng sáng suốt, một thái độ bình thản, một tia hy vọng.

Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng đều mang một nội dung rõ rệt, một cốt truyện cụ thể. Đây không phải là những truyện hư cấu, giả tưởng. Ngược lại, đây là những câu chuyện rất đời thường, nói về những sự việc, những con người có thật, trong một xã hội có thật, với những vấn đề đặt ra cho họ hàng ngày, những nỗi vui, buồn, ước mơ :

“ Rồi chúng tôi lại về, Khâm Thiên đã xây dựng lại. Phố Huế đã xây dựng lại. Bệnh viện Bạch Mai đã xây dựng lại. Hồi ức chiến tranh thường chỉ quấy cưa khi đi qua Phố Huế. Một đứa lốp tôi chết ở đó. Vết bom liếm hết nhà nó thì dừng và hôm đó là hôm nó về lấy gạo nuôi em.

Lần này về, tôi là học sinh cuối cấp hai. Mẹ đi bộ đi làm, để xe đạp cho tôi đi học và đi chợ. Bố đêm đêm về ở khu triển lãm Văn Hồ. Hết triển lãm này lại đến triển lãm khác...Đây là việc làm thêm của bố. Hôm bố tuyên bố đã đủ tiền và sẽ mua một cái dài cổ hẵn bốn chân cả nhà mừng không ngủ nổi. Thôi không phải hóng chương trình phát thanh theo giờ của đài Hà Nội qua cái loa bằng hòn gạch nhà nào cũng lắp. Thôi không phải dặn bà đánh thức tối thứ bảy để nghe tiết mục Tiếng thơ với Đọc truyện đêm khuya. Sẽ được nghe dài cả ngày. Được nghe chương trình hoà nhạc. Người ta chu đáo dẫn giải cho thính giả. Phiên chợ Ba tư...tiếng lạc đà...cái huyền ảo của xứ sở một ngàn đêm lẻ...Hồ Thiên nga...Hoàng tử xuất hiện...Thiên nga gãy cánh...Tôi không được học nhạc và hoàn toàn mù tịt về cái nghệ thuật vô hình này. Nhưng tôi vẫn thích nhạc không lời. Như thế, tôi được thoát hẳn ra những ngày sống này, được bõ ngõ về mình...Như đêm nào trên phố mưa ...”

(Những giọt trầm, tr. 65)

Tác giả thuật lại những điều hoặc chính mình đã từng trải qua, hoặc đã được mục kích, hoặc được nghe kể lại, với một sự nhận xét tinh tế, một bút pháp chân thực, song không thiếu những nét lăng man :

“ - Hương đi nhé. Rồi rã thi nắng cho cháu về làng.

Chưa bao giờ Phú gọi tôi bằng tên. Chưa bao giờ ngày xưa Phú nói với tôi dịu dàng như thế. Tôi nhìn ra ngã ba sông. Bên Lưu có một đám ma. Tiếng kèn, tiếng nhí, tiếng trống theo gió tạt ngang sông, vọng tới chỗ chúng tôi, nghe mãi hồn vê não nuột. Bỗng người áo xô đi giật lùi trước áo quan, từng lúc lại bò lăn ra đường. Lạ thế ! Cách nhau một

ngã ba sông, làng này nghe tiếng chuông lễ chiều làng kia giục con đỗ đầu đèn, làng kia qua chợ làng này không thiếu một phiên. Nhưng mỗi làng mỗi khác, từ đám cưới tới đám ma, tới giọng nói. Bao đời rồi. Thành phố đổi từng ngày. Tôi ngỡ mình cũng đổi. Bây giờ, ở đây, tôi nhìn Phú. Nước da Phú ngày xưa, mắt Phú ngày xưa, cả tóc, trông như người Ấn. Bây giờ, vẫn màu nâu ấy, nhưng da Phú sạm, tóc chõm bạc hai bên thái dương. Nhưng mắt Phú không khác. Dòng sông dưới kia tháng tháng ngày ngày trôi qua mốc cầu, nhưng cũng không khác, vẫn bên này xóm tôi lở bên kiê bồi, vẫn hai mùa nước. Không có gì trôi qua. Không có gì thay đổi. Cả tôi.”

(Những triền xưa ai dì, tr. 136)

Truyện ngắn của Lê Minh Hà là những câu chuyện tuôn ra từ cuộc sống, từ ký vãng, từ đáy sâu tâm hồn :

“...Những câu chuyện như từ trong bóng tối tuôn ra, như dẫn bóng tối về xóm nhỏ. Trong nhà ngọt ngọt. Tôi bước ra thềm. Trăng đã lên. Ban ngày nắng ơi ơi thế mà đêm trôi thật trong. Ở nơi chưa có điện này ánh trăng sao mà xanh. Tôi đi ra bến sông. Trăng lung linh lặn vào sông nước. Tôi gặp Đoan dẫn con đi tắm vừa lên tới đầu bến. Chúng tôi ngồi bên nhau. Đêm chưa khuya nhưng bến sông yên vắng. Tiếng những thân tre cọ vào nhau nghe nỗi da gà. Còn thiếu tiếng gì ? Phải rồi ! Tiếng sung chín rụng nghe đánh tôm...

Bất chợt Đoan nao nức :

- Xuôi sông là tới Xuy Xá đấy ! Hạnh nhớ không ?

Nhớ ! Sao không nhớ ! Xuy Xá. Đèn tám mái sân đầy hoa gạo và cút chim. Bãi dâu xanh mênh mông. Hoa muồng muồng vàng rực. Chợ Lai Thụ toàn thịt chuột và táo bột. Triền đê tre triền miên rì rào...”

(Về làng, trang 42)

Văn của Lê Minh Hà không có sự dồn nén, ẩn ức. Ngược lại, đó là một dòng chảy thanh thoát, với những câu văn sinh động, giàu nhịp điệu, giọng văn tươi vui, dí dỏm, đôi khi tai ác, ngôn từ chọn lọc, tinh tế :

“ Cái ý định làm giàu trên lưng chó vợ gã theo đuổi rất “chì”. Bất chấp những nguyên nhân khách quan ngắn cản. Bất chấp chuyện hai vợ chồng một đứa con chỉ có độc một cái giường một cái chặn một cái tivi hai màu đèn trắng trong một căn phòng mười bốn mét vuông. Bất chấp chuyện gã cực ghét những giống mềm mềm ấm ấm gù gù. Ả cũng không cả kíp nhớ ra việc thằng con dì ứng với đủ thứ không nhìn thấy được trong không khí. Tinh thần yêu chó của vợ gã lúc đó làm gã phát hoảng. Nghĩ tới cảnh nhẹn miệng để bồi dưỡng cho nó đã đủ rầu. Sữa Ông Thọ. Gan tươi. Thăn bò nõn. Cái giống ấy chỉ toàn xoi những của ngon thế. Rồi lại phải hầu hạ chị đàn bà bốn chân ấy cả chuyện dì hoá...”

(Chó hoang , tr. 72)

Lê Minh Hà có cách ngắt nhịp câu khá táo bạo :

“ Đúng một năm sau tôi mới gặp lại người đàn bà điên. Chị vẫn thế. Đôi mắt. Hàng lông mày. Trang phục. Tiếng hát lảnh lót. Buổi chiều. Nắng trăng cả mắt. Ve kêu điên dại. Thỉnh thoảng lấm gió mỗi phẩy một vật dài trên vòm cây, không đủ sức rút rụng một chiếc lá đã héo nát. Người đàn bà đứng hát. Đơn độc. Mê man. Mái tóc không hề xơ xác vì bệnh tật tết thành hai bím thả ngang ngực đột nhiên văng mạnh ra sau vai khi chị hát cao đầu : Từng đôi chim bay đi tiếng ca rộn ràng. Cánh chim xao xuyến...Không có một đứa trẻ nào tò mò đứng nhìn. Thành phố lịm đi trong hơi nóng. Mấy bác xích lô nằm chổng quèo. Bà hàng quà vặt sụp nón lịm dim. Thỉnh thoảng một chiếc xe máy vèo qua. Người đàn bà đứng hát, lưng áo quần phục sẫm lại vì mồ hôi...”

(Bài hát cũ bây giờ ai hát nữa, tr. 79)

Văn của Lê Minh Hà như còn đậm dấu vết của một thời trẻ trung chưa xa, cái thời sinh viên táo tợn, ưa đùa nghịch với ngôn từ và ưa sáng tạo. Vốn từ ngữ của nhà văn có lẽ một phần nào cũng nhờ đó mà thêm phong phú. Đó là một điểm son, một điều hiếm hoi, và có lẽ là một trong những ưu điểm lớn của chị :

“ ...Cả số nhà dùng chung một nhà vệ sinh hai ngăn, một bể nước, một mảnh sân chung. Tắm thì có một phòng riêng xây ở góc sân, không mái, cửa gỗ mộc nên chỉ che được nửa chừng, ở ngoài có thể nhìn thấy nửa bắp chân người đang tắm... ”

Khi còn nhỏ, thật tình tôi thích sự đồng vui đó. Trẻ con chưa biết xấu hổ, cũng không biết chờ đợi. Buồn ị thì mẹ đặt cho cái bô ở một xó. Tắm thì cởi truồng ra chờ mẹ kỳ cho. Chẳng phiền hà. Đầy thú vị. Cửa giả nhà nào cũng chỉ khép làm phép. Hành lang thì tối tăm. Choi trốn tìm hết ý.”.

(Nhà ở phố, tr. 24)

“ ...Vợ tôi thích đọc lầm. Có rất nhiều thứ hợp tang cô ấy. Cũng không đắt. Báo nào cũng ra phụ trương, chữ loè nhoè, mù mịt, nhưng bán lại chạy. Nhà tôi đầy loại đó : Hạnh phúc gia đình, Công an Hà Nội, Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Tuổi xuân...Tôi cũng nhiễm thói ham đọc những sách báo mang tính phổ cập toàn dân này của vợ. Đọc chúng để còn nói chuyện với nhau. ”.

(Mộ, tr. 19)

“ ... Căn phòng cũ nhà tôi nay đã được nới rộng bằng cách phá tường làm một cái cửa thông sang phòng bác giáo sư lý luận. Bác đi tư bản mấy chuyến về đủ tiền mua đất xây nhà ở nơi khác, để lại phòng cho vợ chồng tôi. Hàng xóm gần bây giờ còn mỗi bác giáo sư cổ văn. Vợ tôi hồn hở : “ Đất cũ của các cụ, hợp với anh. Em và anh phải làm sao thôn tính dần các nhà khác. Đất này đang phát với chúng mình ”. Tôi nghe, cười thầm, bức bối nghĩ chờ đến tết Công giáo bác giáo sư cổ văn cũng không đi khỏi đây được. Chẳng lẽ sang Pháp

để giảng Đại Cáo Bình Ngô hay Hịch Tướng Sĩ ?”.

(Nhà ở phố, tr. 28)

Trong nhiều truyện ngắn của Lê Minh Hà, tình yêu và nhất là sự thiếu tình yêu luôn luôn được đề cập tới một cách khá mạnh dạn và sâu sắc. Ít nhà văn nữ nào đã nói về tình yêu như chị :

“ Nếu đó là tình yêu cứ sống mãi trong tôi để tôi còn có thể nói ra. Nhưng đó không phải là tình yêu. Đúng ! Không phải ! Tôi hiểu điều đó ngay từ khi lấy anh. Tự nguyện lấy. Chồng sĩ quan, trẻ, có học. Vợ giáo viên nội thành. Bạn bè đồng thanh : Vợ chồng giáo khoa. Anh cười. Rất vui. Rất yên tâm về hạnh phúc của mình.

Chỉ riêng tôi là không. Anh biệt phái ở quân khu tả ngạn, nhưng theo xe đơn vị về Hà Nội luôn luôn. Những ngày thiếu nhau nung đốt chúng tôi làm cho những đêm của chúng tôi hùng hục, hùng hục. Nhưng dù thế, tôi vẫn không sao quên được ý nghĩ rằng mình chưa yêu, rằng mình sẽ suốt đời không biết thế nào là tình yêu.”

(Trăng goá, tr. 101)

Nếu tổng kết lại toàn bộ những chủ đề đã được đề cập đến qua tập truyện ngắn này, người ta sẽ thấy rằng, trên mười tám truyện ngắn, chủ đề tình yêu đã chiếm tới mười truyện : Nhà ở phố, Chuyện nhà, Về làng, Trên tay còn tuối, Mùa đi, Trăng goá, Khi không còn trẻ nữa, Những triều xưa ai đi, Gió trờ, Thành sương.

Song, trong tất cả những câu chuyện tình này (trừ truyện Những triều xưa ai đi, là câu chuyện yêu đương lâng mạn giữa hai chú cháu, cuối cùng cũng không đi đến đâu, mà tôi cho là một trong những truyện ngắn hay nhất), tình yêu, sâu hay nông, đều đã bị hoắc đổ vỡ, hoặc hăng hụt. Vẫn biết rằng, trong cái đổ vỡ, hăng hụt ấy, cũng đã có những giây phút đẹp, những tình cảm đẹp, khi người ta nghĩ đến nhau, dù cho chỉ từ một phía (Mùa đi, Gió trờ, Thành sương...).

Nói thế, không có nghĩa là những truyện ngắn kể trên không hay. Chúng hay và hấp dẫn ở những khía cạnh nhân bản khác, mỗi truyện ở một khía cạnh khác nhau. Thường thường đó là những câu chuyện xảy ra song song (bà Cúc Hằng trong Chuyện nhà, Đoan trong Về làng, v.v...). Hoặc có khi đó là những cái thuộc về cuộc sống hiện tại, trước mắt của nhân vật so với câu chuyện tình đã thuộc về dĩ vãng (Thành sương).

Song, nhìn chung, phải công nhận rằng trong cả tập truyện, những truyện ngắn hay nhất không hẳn đã là những truyện trong đó có tình yêu đôi lứa, ngoại trừ Những triều xưa ai đi.

Trong văn chương, cũng như trong nghệ thuật, không có gì là có thể khẳng định được một cách chắc chắn hết. Mình chỉ có thể khẳng định được cho mình, và thuyết phục người khác bằng lý do này, lý do khác, mà thôi. Có truyện phải đọc kỹ, đọc nhiều lần rồi mới thấy được cái hay, không nói gì đến

hiểu được vì sao ấy mới là cái thú vị nhất. Vì có thể nó sẽ dẫn đến những quy luật của sự sáng tạo, giải thích được sự đồng cảm, v.v... Mặc dầu người ta vẫn cho rằng văn chương nghệ thuật không phải là khoa học, không thể nào có được những quy luật chính xác. *Hiểu* vì sao một áng văn hay, một bức tranh đẹp, là một bước tìm hiểu sâu hơn, có tính chất trí tuệ. *Cảm thụ* được cái hay, cái đẹp mới là chính. Nếu vì nghe người khác mà hiểu được vì sao một áng văn hay, một bức tranh đẹp, mà chính mình không cảm thụ được, thì cũng bằng vô ích.

Tuy nhiên, phân tích được cái hay trong văn chương, cũng như trong nghệ thuật, không phải đơn giản. Cho nên người ta hay đổ hết vào cho cảm tính, cho sự bình giá chủ quan của mỗi người.

Nếu phải chọn lựa, những truyện ngắn đã làm tôi thích thú đến bật cười hoặc/và xúc động đến tê tái có lẽ là : Những giọt trăng, Bài hát cũ không còn ai hát nữa, Những triền xưa ai đi, Chó hoang, Nhà ở phố, Chuyện nhà, Về làng, Khi không còn trẻ nữa...

Tập truyện ngắn *Trăng goá* là một tập truyện viết đều tay. Đều đến nỗi có thể nói rằng không có truyện nào dở cả ! Ngay cả truyện bạn không thích nhất, đọc đi đọc lại cũng vẫn thấy cái hay ẩn kín của nó.

Hoài Văn

Lê Minh Hà, *Trăng goá*, tập truyện ngắn, NXB Thanh Văn, 1998, 163 trang, giá 10USD. Địa chỉ : P.O. Box 411723, Los Angeles, CA 90041.

(1) Thực ra, trong văn học Việt Nam, truyện ngắn dưới hình thức hiện đại và với xu hướng hiện thực (đương nhiên là có đôi chút phê phán), đã xuất hiện từ sớm hơn nữa, với những nhà văn đi đầu viết truyện ngắn bằng chữ quốc ngữ như : Phạm Duy Tốn (*Bực mình*, 1914 ; *Sóng chết mặc bay*, 1918), Nguyễn Bá Học (*Câu chuyện già đình*, 1918 ; *Chuyện ông lý Chăm*, 1918), v.v... Ngược lên xa hơn nữa, chúng ta có cả một kho tàng truyện cổ tích dân gian và những tập truyện cổ viết bằng chữ Hán như *Truyền Kỳ Man Lục* của Nguyễn Dữ (thế kỷ 16), *Truyền Kỳ Tân Phả* của Đặng Trần Côn (thế kỷ 18).

(2) Ảnh hưởng của văn học Pháp ở đầu thế kỷ 20 là quyết định, song từ xưa người Việt vẫn có một truyền thống kể chuyện. Đó là những truyện cổ tích (Tấm Cám, Trầu cau, Tục bánh giầy bánh chưng, Sơn Tinh Thúy Tinh, v.v...); ngoài ra còn có đủ loại chuyện ma, chuyện tiểu lâm, và một số truyện cổ trong văn chương chữ Hán như đã dẫn ở trên. Cuối cùng, không thể nào không kể đến ảnh hưởng của văn học Trung Quốc, của truyện Tầu : từ tiểu thuyết chương hồi, từ Sử Ký của Tư Mã Thiên, Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, đến những truyện ngắn hiện đại của Lỗ Tấn, v.v...

(3) Có một quan niệm văn chương khác cho rằng ngôn ngữ, ngược lại, không cần phải nói ra hết ý, hoặc không nhất thiết phải ăn nhập với tình huống cụ thể, mà ngược lại cần dành cho người đọc những bất ngờ, đồng thời tạo nên một sự căng thẳng, hấp dẫn, nào đó.

Thơ Nguyễn Xuân Thiệp (tiếp theo trang 30)

Sang Mỹ thơ Nguyễn Xuân Thiệp tình ý vẫn như xưa, nhưng ngôn từ có thay đổi ; nếu :

*xa kia là hoàng hôn
màu tường vi trong thơ cổ*

(1955, tr. 151)

thì bây giờ hình ảnh mới lạ, trực tiếp, như một bức tranh hội họa hiện đại :

*Tháng chín cơn mơ nào ở Oklahoma
thoảng mùi tử đinh hương
quanh trời sẩm dội
con chim màu đỏ trở về
một mình, đứng hót trong mưa*

(1997, tr.168)

Chim màu đỏ hiếm thấy. Chim hót trong mưa cũng hiếm. Chim lạ, hót một mình. Hình tượng buồn và đẹp. Thơ cũng vậy thôi, đơn giản và đơn côi, rét mướt và ánh ối : con chim đỏ, nét đan thanh. Và cuối cùng Nguyễn Xuân Thiệp mới chịu công bố tuyên ngôn thơ của đời mình :

*tôi, áo rực tà dương, đi trong rừng Parkwoods
như đi qua dời sẩm dội
như con chim màu đỏ vẫn hót
tôi làm thơ
cho bạn bè, cho những người cùng khổ
cho sẩm dội, cho đỡ vỡ, cho mây xa
tôi làm thơ
và con chim màu đỏ
hót, một mình, dưới trời mưa thưa.*

(1997, tr.170)

Tôi chưa hân hạnh quen biết Nguyễn Xuân Thiệp. Nhưng mới đọc thơ anh, đã nhận ra ngay tiếng hót của loài chim xa, một loài chim lạ. Mà không xa lạ. Không phải ngứa cổ hát chơi. Mà hát cho tan sẩm dội mưa thưa.

Và xin gửi đến các bạn tôi một lời chim. Thêm một quãng trời thân mến.

Đặng Tiến

9.98

(1) Nguyễn Xuân Thiệp, *Tôi cùng gió mùa*, nxb Văn Học, California, 1998, 180 trang, giá 15 USD. Có ghi địa chỉ liên lạc : Nguyễn Xuân Thiệp, P.O. Box 803.152, Dallas, Texas 75380.

(2) Nguyễn Bá Trạc, bài *Quê mẹ*, cùng trên tạp chí Văn Học (California) số 20, tháng chín 1987, tr. 93. Không thấy in lại trong *Ngọn cỏ bồng* (1985) hay *Ngọn cỏ bồng toàn tập*, 500 trang, 1995. Sao vậy ?

(3) Tôi mới phát hiện ấn bản cũ (1954) trên đặc san *Đất nước*, Paris, số Tết 1956, tr. 8-9

*Sáng mát trong như sáng năm xưa
Gió thổi mùa thu trên đồi núi
Sông Cầu êm ả cuộn vè xa...*

Bản đầu tiên (1948) lại khác nữa :

Cỏ mòn thơm mãi dấu chân em...

(4) *Tuyển tập Tân Đà*, nxb Văn Học (Hà Nội), 1986, tr. 405. Trích từ *An Nam tạp chí*, số 35, năm 1932, bài *Mối cảm tưởng về thơ ca nước ta*.

Luu Ly

Dương Thu Hương

Tháng 8 vừa qua, nhà xuất bản Philippe Picquier vừa phát hành *Myosotis*, do Phan Huy Đường dịch cuốn tiểu thuyết *Luu Ly* của Dương Thu Hương (1997). Đây là sáng tác mới nhất của Dương Thu Hương sau *Tiểu thuyết vô đè*, và cũng như *Tiểu thuyết vô đè*, chưa có nhà xuất bản nào trong nước được phép ấn hành.

Diễn đàn hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc một chương của tác phẩm. Trong chương này, Sương, một nữ văn công, đi thăm nuôi chồng, cán bộ, bị bắt cùng nhiều người trong một vụ vượt biển mà anh không hề tham gia.

T rải tới chân trời con đường xám đơn điệu. Tỉnh lộ, đây là đoạn duy nhất được trải nhựa. Lát nữa, sau khúc quẹo phía trước, sẽ chỉ là đường đất núi hoặc rải đá dăm. Không gian lặng lẽ trên các cồn cát các dải đồi hoang đồng cứng lại thứ im lặng bùa chú. Mặt trời cháy bỏng thiêu đốt chính mình, chỉ còn là khói bạc sáng rực không ngừng tỏa ánh sáng không ngừng phun những chùm tia nhọn hoắt khi màu bạc rực rỡ bảy sắc quang phổ khi trong suốt như pha lê khiến người ta có thể nhìn rõ từng làn hơi nước đang từ mặt đất bốc bay, khi chói loà như một đoá sao chổi đặc địa chỉ xuất hiện vào lúc quỷ thần giao chiến. Biển thôi vỗ sóng. Những luối nước mệt mè liếm bờ cát vụng lén, câm lặng. Không gió. Lũ sơn ca chắc đã chết khô nở trong các câu chuyện cổ và chỉ còn tiếng vó ngựa gỗ đều đều.

Sương kéo tấm khăn trùm che mắt cho bớt chói. Phía trước, bóng Lãm in đầy khuôn cửa khum khum của chiếc xe thổ mộ. Lúc này cô mới nhận ra anh đã thay chiếc áo thun đen và chiếc quần lính xuân hè đêm qua bằng bộ đồ ka-ki trắng. Trong bộ quần áo mới, anh như cao hơn. Thêm nữa, anh đội mũ vải rộng vàn và món phụ tùng này khiến anh có dáng vẻ lắc lắc cắc trợn bạo của gã giô-kè lắn dỗi chút chải chuốt của những tay gác cửa khách sạn... Đường như biết cô đang nhìn anh, anh quay lại :

- Cô thấy tôi thay hình đổi dạng có nhanh không ?

- Dạ.

- Người ta có nhiều bộ mặt... Đời cũng thế...

Cô im lặng.

Anh nói tiếp :

- Như vậy, cô cứ coi mọi chuyện là sự thường, đừng nghĩ ngại làm chi. Mà có nghĩ nát óc cũng chẳng lợi lộc gì... Số mệnh cả... Đàn ông, còn có cơ cựa quậy tí chút. Đàn bà, trời cho bao

nhiều được bấy nhiêu... Bất phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới được phần thanh cao...

Câu thơ Kim Vân Kiêu ấy cô từng nghe. Giờ mới hiểu. Đặt đôi chân tê dại lên tải đồ tiếp tế, cô bỗng nhớ một trời sao... Một trời sao, những đêm thu rười rượi gió. Cha cô thường mang bộ ván ra sân nằm ngắm sao trời, còn cô, cô bò lồm cồm trên ngực ông như con mèo. Lúc ấy cô hai tuổi. Quanh sân, những hàng cây lắc lư gió đẩy, những tấm lưới vắt trên sào phơi rũ rượi nhấp nháńh vẩy cá như dệt băng trăm ngàn đốm lân tinh ; những bầy dơi chao liệng. Sương phủ phục trên ngực cha, nhìn thế giới quanh cô tò mò mê mải. Tấm ngực trần của ông là cái nôi êm lành chắc chắn cho phép cô cảm nhận vũ trụ một cách thân thiết. Nếu không có tấm ngực trần ấm nóng của ông, lời nụt nịu của ông, hơi thở của ông phả vào mặt cô, cảm giác ráp nhột quen thuộc khi râu hàm ông cọ vào đầu cô, đã chắc gì các vũ trụ ấy đối với cô thân thiết và an toàn... Nếu cô thiếu vắng ông, nếu người ta ném cô chôn cho vào một cái giường cũ hay lên một chiếc chõng tre, hẳn là những hàng cây lắc lu trong đêm đen, những tấm lưới giăng mắc bốn bề và lũ dơi đêm bay lượn không ngừng kia sẽ tạo nên một vũ trụ âm hiểm của ma quỷ... Giờ đây, cô cũng có cảm giác ấy, trong cuộc đời hiện tại thiếu vắng Hưng... “Anh đi về đâu ?... giữa ngày mù sương chân trời hoang vắng để lại em côi cút ngã ba đường”. Chính anh đã dạy cô hát bài ấy. Nhưng vào lúc hát bài hát này, tim cô đầy ắp lửa yêu đương, da thịt cô run rẩy dưới những tia nhìn ve vuốt của anh, cô thở hít thứ không khí tẩm nhiễm ái ân... Cô đã hát mà không hiểu bài hát ấy nói gì, tựa con chim nhỏ lảnh lót khúc hát ngọt bình minh. Böyle giờ, cô hiểu sự thiếu vắng, nỗi sầu cô le. Câu hát cũ trở về, nhấn từng nốt trong trí tưởng ngây nga những thanh âm tê tái... Phải, cuộc sống của cô giờ đây là một hành trình không có mở đầu không kết thúc, như con đường không hiểu bắt nguồn từ nơi đâu và sẽ dẫn tới đâu. Mọi vật xung quanh đều bồng bênh, không trọng lượng. Xưa kia, cô chẳng cần nghĩ ngợi gì. Đã có anh định đoạt mọi thứ, nghệ thuật cũng như cuộc đời thường nhật.

“... Em hãy bỏ đi mười hai nhịp và bắt đầu vào nốt thứ nhất sau dấu lặng ở nhịp thứ mười ba... Nào, làm lại đi, động tác vừa rồi không chuẩn xác, nó sẽ làm bài hát bị kịch hoá. Chúng ta không được biến chương trình ca nhạc thành một thứ ô-pe-ra cải biên... Bắt đầu, hãy tự tin ở khả năng phân tích và cảm nhận của bản thân...”. Cô trình bày một bài hát, cô mặc một chiếc áo mới, cô thử làm một món ăn... tất thảy mọi hành động của cô đều kiểm lời phán quyết ở nơi anh. Trong ánh mắt anh cô tìm thấy mọi chuẩn mực của cuộc đời. Như một mặt trời mến thương gần gũi, ánh mắt anh tựa những tia nắng ấm lướt qua mái tóc cô vàng trán cô rơi vào đáy mắt cô một mầm ánh sáng. Vũ trụ của cô được tạo dựng trong miền sáng ấy. Giờ đây, cái vũ trụ cô đơn lạnh lẽo đang quay cuồng trong khoảng chân không, mất trọng lượng, mất phương hướng, giữa bóng tối... Cõi đời, xa lạ và hoang lạnh, ngay cả trong buổi trưa nắng khét này...

Một cơn rùng mình chạy dọc xương sống cô. Sương vội kéo khăn trùm kín mặt để không còn thấy những đám cỏ lồng bong xương xóc lăn qua cồn cát những con quạ đen lợ mợ thi thoảng lại bay vụt lên từ đám mồ vô chủ, để không còn thấy những ngần nước xanh màu rỉ đồng của mấy con hồ lạc lõng, chúng khiến cô liên tưởng đến những mảnh gương vỡ đâm vào tim... Trong tấm khăn trùm cô cố tìm lại bầu trời chi chít sao ngày

xưa, tìm lại vú trụ đã mất. Nhưng ánh nắng gay gắt xuyên qua thó vải làm mi mắt cô nhấp nháy một cách mỏi mệt. Cơn ốn lạnh qua, huyết mạch cô lại nóng rẫy lên như chúng đã hút non hơi nóng hầm hập ngoài trời. Gan ruột cô cũng nóng rực cuộn theo nhịp đường xóc nảy và mỗi lúc mỗi trào lên một thứ nước chua sặc khiến cô muối ói mửa. Sương đã tắt kinh được non một tháng. Cơn ốm nghén bắt đầu hành hạ cô. Nó bắt đầu vào đúng cái khoảnh khắc cay nghiệt này...

- Anh Lãm...

Cô kêu lên một tiếng rồi vội bung miệng, nhưng chất cưỡng toan đã vọt khỏi họng, bắn đầy lòng tay. Sương thít họng để giữ lại cơn nôn óe đã dâng đầy. Lãm hối hả dừng xe, đỡ Sương xuống bên đường, chờ cô nôn thốc nôn tháo cho dùn hẳn cơn rồi mới đưa cô trở lại. Đoạn, anh rút bầu nước ủ trong đám rơm khô cho đỡ nóng, đưa cho Sương :

- Uống một ngụm và rửa qua mặt. Rồi cố chớp mắt cho lại sức...

Cô uống một ngụm nước, bỗng đứng nước mắt trào ràn rụa :

- Anh Lãm ơi, chắc kiếp trước em làm điều gì ác lấm nên giờ đây em khổ thế này ?

Lãm dùi cô ngồi xuống ghế, kéo lại tấm khăn trùm cho cô và nói :

- Võ vẫn... Đúng là đàn bà... Cô trùm kín khăn rồi ngủ đi. Đường còn xa lắm...

Sương thít khóc. Tấm khăn trùm không ngăn nổi tâm trí cô với nỗi lo âu. Người cô lúc rét lúc nóng và cô nhở con cào cấu. Mấy hôm nay cô đã phó mặc nó cho bà già hàng xóm. Lúc này gương mặt xinh xắn của nó ám ảnh cô... Dạ Hải... Cô đã sinh nó ra trên bờ biển đêm, dọc một cuộc hành quân. Chính Hưng đã đón nó chào đời và đặt cái tên kỷ niệm : Biển đêm. Nó là trái chín đầu tiên trong màu hạnh phúc của họ.

Ngày họ mới cưới, trong căn hầm rùng rùng bom đạn giữa những cuộc ái ân nồng như lửa bất chấp mọi thứ tiếng động mọi chao đảo của không gian, Hưng đã ôm cô vào lòng thầm thì : "Cô bé của anh, rồi đất nước sẽ thanh bình, chúng ta sẽ có một mái nhà và chúng ta sẽ sinh con để cái..." Tội nghiệp cho Hưng !

- Dừng lại, dừng lại... i...

Lãm chợt cất tiếng quát ngựa. Cỗ xe đang đà chạy loạng choạng rồi từ từ lăn chậm lại. Lãm nhổm hẳn lên, đập roi vào đầu ngựa :

- Dừng lại, thằng cà chón kia, điếc hả ?...

Con ngựa rùng rùng lắc bờm, rồi đứng hẳn lại. Sương gõ tấm khăn trùm, bám lấy thành xe cho đỡ cơn choáng váng. Không gian rung rinh nổ tung chùm sao vàng, sao trắng. Những đốm sao li ti nở đầy trời, không giống những đêm sao thu chi chít làm nảy nở một vú trụ thân thiết và an toàn, chúng khiến cô rợn sống lưng vì cảm giác bất thường. Sự bất thường khiến mồ hôi cùng chân khí toát ra từ lỗ chân lông, thân thể cô ướt đầm, lạnh toát, nhẹ bỗng đi. Sương níu chặt thành xe bằng cả hai tay để khỏi đâm bổ xuống mặt đường.

- Cẩn thận...

Cô thoảng nghe Lãm nói. Rồi hai bàn tay ấm nóng của anh nắm chặt vai cô (1). Từ hai bàn tay ấy, hai luồng hơi nóng thẩm thấu qua da thịt, luôn lách vào nội phủ khiến cô thấy dễ

chịu và ấm áp. Ngọn lửa sinh khí của anh đã truyền sang cho cô. Sương mở được mắt ra. Anh nhìn cô, ái ngại :

- Coi chừng, cô ốm mất...

- ...

- Nhưng cô không được ốm lúc này... Phải cố lên... Chúng ta còn có việc phải làm... Hãy cố lên...

- Em sẽ cố.

Anh chờ cô tỉnh táo, môi nhảy xuống đường :

- Cô ngồi nghỉ. Tôi cho ngựa uống nước và ăn vài đấu thóc... Khúc quèo phía trước, cô thấy chưa ?... Sau đó là đường núi. Ngựa dối mà chạy đường ấy thì vãi máu mất ra...

Anh lấy thùng lội xuống con hồ nhỏ ven đường. Hồ lút trong cỏ, cỏ rầm viền kín xung quanh và trùm phủ mặt nước, chỉ còn lộ ra một khoảng rộng ước chừng vài tấm chăn. Lãm xắn quần lội tới giữa lòng hồ mới mức được lung thùng nước. Khi anh xách thùng nước lên, hai bên bắp chân deo lục lửu từng chùm đỉa. Lãm đặt thùng nước, nhổ bọt vào lòng tay rồi bắt đầu rút từng con ném xuống mặt đường. Lũ đỉa đói bám chằng chằng. Mỗi bận anh rút được một con, máu đỏ lại vọt ra thành dòng bò ngoằn ngoèo trên bắp chân. Khi rút được hết lũ đỉa, hai bắp chân Lãm đỏ lòm.

Sương kêu lên :

- Anh rửa chân đi, trông khiếp quá.

Lãm lắc đầu :

- Thây kệ cho nó khô. Nước tù độc lắm.

Bất giác, chữ tù gợi cô nhớ tới Hưng. Anh bấy giờ là tù nhân. Anh sống giữa những tù nhân khác, trong đám núi chập trùng, nơi những con đường vắng người lại qua và rậm rì lú lách. Người chồng của cô, tình yêu của cô, mặt trời mến thương của cô, anh đã trở thành kẻ bị tù đầy.

Họ đến nơi khoảng hai giờ... hoặc hình như ba giờ, cô không nhớ rõ. Con đường xóc nảy hành hạ cô, đau nghẹt thở. Gan ruột cô cuộn lên theo những cú xóc dữ dội, những khi con ngựa bước hụt xuống ổ gà hoặc bánh xe kên kên hòn đá. Sương đã nôn hết những gì có thể nôn. Họng cô lưỡi cô đắng mật. Không gian vàng ỳnh như màu mật cô nôn ra cùng thứ nước bọt đầy dãi dớt. Một tay cô ôm bụng, tay kia níu lấy thành xe, chỉ một ý niệm nhắc lại như lời kinh thường nhật của tín đồ :

- Mình không được ốm... Anh Lãm bảo mình không được ốm...

Cô không còn ý thức về thời gian, về không gian. Chỉ nhớ đôi lần, lũ gà gô vụt bay qua xe, Lãm bảo cô rằng anh thích săn gà gô lầm, rằng bao giờ mọi chuyện êm lành anh sẽ rủ vợ chồng cô đi săn gà gô nơi miền quê anh, rằng họ sẽ di thăm lại những vùng rừng xưa họ từng đến phục vụ các đơn vị bộ đội và thanh niên xung phong, rằng anh sẽ dạy cô cách quay gà gô, cách nấu cháo gà gô với những thứ rau quả rừng... Rồi một lần nữa, Lãm chợt dừng xe khi trông thấy hai gã đầu trọc đang chui lủi giữa đám lau lách ven đường. Thoạt tiên, Lãm ngỡ bọn cướp. Sau, anh bảo cô đó là hai tên tù trốn trại, chúng không

(1) phép truyền khí lực theo một số võ phái -- hai huyệt sau lưng, áp dưới bả vai, là hai huyệt dễ truyền công lực.

tấn công mà lẩn tránh họ. Rồi cỗ xe lại chuyển động với nhịp điệu bình thường. Dần dần Sương không còn thấy gì, cô vừa bấm chặt thành xe vừa ngủ, ngủ say như rơi xuống tận bảy tám sâu chốn u tù quốc. Cô nhô mang máng rằng khi xe dừng lại, cô vẫn ngủ trong tư thế đó, mắt nhắm, tay níu cứng thành xe. Lãm nói với cô điều gì lao xao mơ hồ cô không nghe rõ cũng không thể há miệng trả lời anh. Anh rải chiếu xuống sàn xe đỡ cô nằm. Cô đã lăn xuống như bao gạo...

Lúc Sương tỉnh giấc, cô thấy mình co quắp giữa sàn xe, tấm chăn mỏng trùm qua lưng. Bên ngoài, trời trăng sữa, sương mù bay trên mặt đất vương trong lau lách phủ các cụm rừng xung quanh ùn ùn như mây cuộn dưới khe núi. Da Sương nổi gai ốc. Nơi đây lam sơn chuồng khí, chốn núi sâu chỉ hiện lên trong các câu chuyện kinh dị, không hiền lành như xóm núi của cô xưa. Phong cảnh kinh hoàng. Từ đám lau đến bụi rậm ven đường, từ con sên bám trên cành cây đến những gốc cổ thụ dâng ngang lưng núi đá... thấy thay đều to quá cõi. Mùa diệp lục pha lẩn sắc chàm ngân đọng đêm tối của ngàn sâu trổ nên thâm đậm gần như ngả sang đen. Những tàng cây lớn bằng cả ngôi lầu trong thành phố, con ngựa đứng gầm cõi, trông như con dê lạc. Rìa bãi cỏ, mọc thứ gai lớn, tựa gai xương rồng nhưng thân xù xì nỗi bướu, màu xám chì. Thủ gai ấy trổ hoa giống hoa lan tiêu nhưng cánh dày mọng và đỏ màu đỏ rợn hồn màu máu tươi vừa trào khỏi mạch. Sương lại rùng mình lần thứ hai, cô trùm khăn rồi nhảy xuống. Lãm ngồi phía trước giữa hai cảng xe đang dùng lưỡi dao nhíp cao những vệt máu khô trên bắp chân, anh không đội mũ và trong ánh lê minh xanh lọt, gương mặt bụi bặm của anh trông già hẳn đi :

- Sao anh không ngả lưng một chút ?
- Để thiêu hạ nồng túi đồ tiếp tế của cô à ?... Khi xong việc, tôi sẽ ngủ bù.
- Anh cần thận quá, ai mà lấy thứ đồ tiếp tế của tù ?...
- Tôi biết điều ấy hon cô. Người ta không cần thua đa nghi, nhưng phải học lấy chữ ngờ...

Ngừng lời, anh đưa tay chỉ cho cô thấy chiếc cổng lớn, ghép bởi các tấm ván mộc bào chuốt kỹ, dựng trên khoảng đất trống cách họ chừng trăm thước. Trên cổng, đóng tấm ván có dòng chữ Trại giam K41, chữ kẻ bằng vôi mưa qua gió lại đã nhạt màu. Bên kia cổng, bốn cỗ xe thổ mộ đỗ chụm đầu, hai cặp ngựa buộc dưới gốc cây. Chủ nhân của mấy chiếc xe ấy đang ngủ la liệt trên bãi cỏ. Họ ước chừng trên ba chục người, trải vải nhựa lên đất nầm, đắp chung mấy tấm bạt lớn. Những người đàn ông há hốc mồm ngây, những người đàn bà quấn khăn kín đầu che sương.

Cuối bãi, hai bà già ngồi nhóm lửa chuẩn bị bữa sáng. Bắc đá làm đồ rau, xé nhưng mảnh giấy báo ủ trong nách nhóm lửa, áp mặt xuống đất thổi cho ngọn lửa bén vào đám cành cây ẩm sương đêm, hai bà già cặm cui nhẫn nại một cách kì lạ và lặng lẽ như hai bóng ma... Sương chợt thấy lòng dịu lại : cô chẳng phải kẻ khốn khổ duy nhất trên cõi đời này. Rồi dần dần nhìn hai bà lão tóc bạc, cô thầm hỏi : liệu cô có thể sống cho đến khi da mõi tóc bạc như họ hay chăng ? Nếu Hưng mãi mãi là một tù nhân ?... Cuộc đời cô rồi sẽ trôi qua bằng lượt đếm con đường đến trại giam, bằng số lần ngủ trên bãi cỏ với tấm khăn trùm đầu... Nếu người ta ghi dấu thời gian bằng những lần tết mừng năm mới, cô sẽ ghi dấu thời gian bằng hàng chữ ký trên cuốn sổ xin tiếp tế tù nhân... Ý nghĩ đó làm

mắt Sương mờ đi :

- Anh Lãm, liệu người ta sẽ bỏ tù anh Hưng bao nhiêu lâu ?
- Tôi không biết. Từ cha sinh mẹ đẻ đến rầy ào ai tưởng tượng đến cảnh ngục tù ?... Nhưng tôi tin Hưng may mắn hơn những người khác.
- May mắn ?... Vì sao chứ ?...
- Vì cô.
- ?...
- Nửa đêm tối sáng canh cho cô ngủ, tôi nghĩ được đủ điều. Chốn khỉ ho cò gáy này buồn lắm, ai ai vào đây cũng héo ruột mà chết. Chẳng nói đám tù mà ngay cả những người coi tù. Họ cũng có khác chi thứ tù giam lỏng. Nhưng cũng nhờ nỗi bất hạnh của họ mà ta được việc.

Sương nhìn anh dò xét :

- Em chẳng hiểu anh nói gì ?...

Gương mặt hài hước thường nhật của anh bỗng khắc khổ lạ kỳ. Mắt anh nhìn về phía trước nơi sương mù đang tan loãng và những mái gianh dưới các lùm cây dần dần hiện ra.

- Để hiểu thôi... Thiên hạ vẫn có câu : sinh ư nghệ, tử ư nghệ. Mỗi người có một nghề, vinh vi nó nhục cũng vì nó. Ở đây, nghề ca hát của cô có thể cứu được Hưng. Chốn thâm sơn cùng cốc này chẳng luật lệ nào cao hơn được con người. Đã là người, ai cũng có chỗ động tâm. Nếu cô làm đẹp lòng họ, họ sẽ tìm cách giải thoát cho chồng cô.
- Nghĩa là em phải hát cho họ nghe ?... Những người cai tù, những...

Cô vẫn Lãm, nhớ lại những lời bà già Mạ thằng tù đã rót vào tai : đám quản giáo đánh tù như corm búa... Sự thật chẳng bao giờ giống những điều bọn quan lại thường rao giảng với dân...

Lãm không để ý tới vẻ thắc mắc của cô, cũng chẳng quan tâm tới nỗi bất bình che giấu trong câu hỏi ấy. Anh vẫn điềm nhiên nhìn vào khoảng không gian xa hút và đáp :

- Tôi biết... Chính vì thế mà cô càng phải hát...

Anh ngừng lời. Những nếp nhăn hằn sâu nơi đuôi mắt, trên gò má anh. Cô dán mắt vào mặt anh, chờ đợi. Lúc lâu sau, Lãm thong thả nói tiếp :

- Tôi nghĩ nát ra rồi... Trời cho ta mười năm lăn lộn trên sân khấu để hâu hạ đám đông. Sao ta không biết dùng chút tài mọn ấy mà cứu lấy thân ?... Cô hát. Tôi sẽ trổ ngón nghệ độc tấu. Hai ta thua sút làm vài đêm phục vụ trại tù. Bằng mọi giá, phải đưa Hưng ra khỏi nơi đây... Chốn này, chẳng phải thiên đường, đã dành... Nhưng cũng không còn xa địa ngục...

Phía bãi cỏ bên kia, đám người thăm nuôi tù đã thúc dậy. Họ lôi từ trên xe xuống các thú làn, túi, phần ai riêng nấy. Một người đàn ông xuống suối xách về một mõ sắt nước. Ngần ấy con người xô tối nhúng khăn, họ lau mặt qua quýt rồi xúm quanh hai nồi cơm mà hai bà già dậy sớm đã nấu. Một người đàn bà tóc uốn trạc ngoài ba mươi tuổi trải lèn vạt cỏ tấm lá chuối hơ mềm, đoạn dốc xuống đó thử thức ăn hỗn hợp, tựa như ruốc trộn muối rừng. Xong xuôi, chị ta quay lại xe lấy ra hai chòng bát nhựa với bô thia, phát cho từng người một. Tất cả ngồi xổm trên đất, xới cơm ăn. Mọi hành động diễn ra trong một trật tự quen thuộc. Chắc chắn họ đã quen nhau trong các chuyến thăm tù và đã kết thành hội thành nhóm từ lâu...

Lâm trở lại xe lấy chiếc bếp với can dầu. Anh vừa rót dầu vào bếp vừa hỏi Sương :

- Cô biết đám người kia thăm loại tù nào không ?... Tất cả đều thăm thuyền nhân. Đa phần họ từ các thành phố phía Nam đến đây. Các trại giam lục tỉnh đã chất ních. Nhà cầm quyền phải điều bớt tù nhân ra miền Trung.

Lâm nhóm bếp dầu, bắc chiếc xoong nhỏ nấu miến với ruốc thịt. Không có hành tươi anh xắt nhỏ hành khô thay thế, nêm vào chút hạt tiêu. Sương nhìn hai bàn tay khéo léo của anh, thăm hỏi : " Không có anh, liệu cô sẽ xoay sở ra sao những ngày này ?..."

Hai người ăn xong trời cũng sáng rõ. Tiếng kẽm từ trại giam vang lên, ngân rên khắp các lèn đá. Lâm bảo Sương theo đám người vào trại, anh chờ bên ngoài. Khi được lệnh, anh sẽ vác tải đồ tiếp tế vào cho cô.

Sương trùm chăn cho kín tóc rồi đi tới cổng trại, hoà vào dòng người đang lễ mễ mang xách các thứ lèn túi đứng trước hai cánh cổng gỗ. Mắt người nào người nấy hau hau nhìn khoảng sân trơ trụi bên trong, dường như muốn tìm phía sau cài quang cảnh lạnh lẽo buồn tẻ ấy hình hài dáng nét người thân yêu của họ. Chẳng ai nói với ai một lời. Tất cả trật tự như một lũ trẻ bị phạt. Chừng năm phút sau, người gác trại đi ra, uể oải trèo lên chòi gác, rút chốt mở cổng. Hai cánh cổng gỗ bắt đầu kêu ken két trên trục quay. Vừa đẩy cánh cổng người lính gác vừa nhìn đi đâu đó, chắc hẳn những gương mặt của đám người thăm nuôi tù đã quá nhảm chán không còn gọi cho anh ta chút hứng thú nào. Khi hai cánh cổng đã mở rộng, móc vào tường rào, anh ta uể oải trở lại chòi gác leo lên chiếc ghế cao. Gương mặt thiết bì, đôi gò má rộng lần sần mun trưng cá, đôi mắt hẹp với cái nhìn đờ đẫn... Không biết anh ta nghĩ gì cho hết thời gian từ sáng tối chiều từ ngày nọ đến tháng kia từ năm này qua năm khác ?...

Ai đó cất tiếng bâng quơ :

- Cô lên dây lẩn đầu a ?...

Sương quay sang : một trong hai bà già nấu cơm buổi sáng. Bà hỏi cô nhưng mặt vẫn hướng thẳng về phía trước, tay xách lèn, tay kia giữ bao đồ nặng đeo trên vai.

Bà già gần như Mạ thằng tù, hai thái dương chi chít những đám da mồi, mồ tóc bạc chải lật về phía sau, búi thật cao gài cây trâm gỗ. Trông bà cằn cỗi và đẫm lược, không bạo liệt như Mạ thằng tù nhưng cũng là thứ thép được tôi ba lần trong máu ngựa... Sương đáp lại bà với giọng nhẹ nhàng, không che giấu sự kính nể :

- Dạ cháu mới lên dây lẩn thứ nhất.

Rồi cô nói thêm :

- Bà đưa cháu xách giùm chiếc lèn ?

Bà đáp :

- Kệ tôi. Cô xanh như lá thế kia, không đau bệnh cũng thai nghén. Hãy lo mà giữ thân... Di nhanh chân lên, sắp tối rồi...

Theo hướng nhìn của bà, Sương thấy một căn nhà lợp tranh dài, kiểu nhà thường gặp ở các binh trạm hoặc các tụ điểm giao quân của thanh niên xung phong thời chiến. Loại nhà tranh nứa kèo, không phải ba gian hay năm gian theo kiến trúc cổ mà kéo tối bảy tám hoặc có khi mười hai gian. Gian đầu hồi

treo tấm biển đề : Phòng đón tiếp. Cửa ra vào bằng gỗ mộc lem luốc vết mồ hôi tay. Một khâu súng treo chênh mảng, tòng teng trên cánh cửa. Chắc chủ nhân nó quanh quất đâu đây. Tốp người thăm nuôi tú theo nhau vào phòng, lần lượt ngồi trên các dãy ghế băng, túi đồ tiếp tế đặt la liệt dưới chân tường xây xi-măng với đá hộc. Cách dãy ghế trên cùng chừng hai mét, kê chiếc bàn đánh véc-ni dở dang nham nhở, chiếc ghế tựa bằng gỗ mộc đặt phía sau. Trên bàn, chỉ một chiếc nút chai bia nằm lật ngửa...

Bà già tóc búi ngồi bên Sương, đang loay hoay lôi trong túi ra gói trầu tôm sẵn. Cô thì thăm hỏi :

- Họ có cho gấp người nhà không ạ ?

Bà bỏ miếng trầu vào miệng, đáp :

- Cũng tuỳ. Không có chuyện gì đặc biệt thì họ cho gấp.

Đoạn, bà đưa tay chỉ :

- Kia kia... Soát giấy tờ xong, nếu họ cho phép ta được qua cửa, sang phòng bên...

Tới đó bà ngừng lại vì người soát giấy tờ đã tới. Mặc sắc phục cảnh sát, không nhìn ai, bước thẳng tới bàn, đặt cặp hồ sơ, kéo ghế ngồi, mở cuốn sổ danh sách, không thèm ngẩng cái đầu hói lên một lần, vở cây bút bi và bắt đầu dò dẫm những cột chữ.

- Hôm nay là ngày bao nhiêu nhỉ ?

Anh ta ném một câu hỏi giữa không trung. Đám người đang dán vào anh ta những cặp mắt hau hau cầu xin tranh nhau trả lời :

- Dạ, thưa cán bộ ngày mười lăm tháng bảy dương lịch vì chi là mồng ba tháng sáu âm lịch...

Âm với dương, lồng nhằng...

Anh ta lầu bầu, rồi rút một cuốn sổ dày bìa xanh lạt trong đồng sổ sách hồ sơ, cao giọng :

- Nào, đặt giấy tờ lên bàn theo thứ tự...

Bà già quay sang bảo Sương :

- Giấy của cô đâu, đưa tôi nộp cả cho.

Sương đưa cho bà tấm giấy phép của sở công an thành phố, giấy phép của đoàn và chứng minh thư.

Lúc ấy, chợt có tiếng lách cách. Một gã bánh trai, trạc hai lăm hai sáu vừa vào phòng, gõ cây súng treo trên cánh cửa. Áo sơ-mi sọc đen, quần cảnh sát, giày săn bê bết bùn, hàng ria đen lò mò trên môi trông như tay chơi phô phủ. Vừa đi gã vừa ăn lạc rang thổi vỏ bay tán loạn. Khoác súng lên vai rồi, gã không đi ra mà quay lại, bước đến bên chiếc bàn :

- Lạc rang không mày ?

Người hói đầu vẫn không ngẩng lên :

- Không. Bầu gì thứ lạc rang, bí cổ bỗ mẹ.

- Ô.

Gã trai xác nhận nhưng vẫn tiếp tục nhai và thổi vỏ lạc đầy phòng :

- Đì suốt đêm chả được con chó gì. Thủ trưởng về trại lẩn ra ngủ. Tao xuống bếp lẩn xem còn gì ăn được không, vở được đúng gói lạc.

- Lẩn trước con dộc mày bắn phải nặng tới mười kí ?

- Mười kí ?... Còn khuya em ạ... Mười sáu kí rưỡi của tao...

Một xoong nêm với một nồi cháo đại, cả trại tha hồ ngupy lận.

- Ô, giống thịt dộp ngọt thật, phải cái lúc lột da trông đến kinh... Như thằng bé con bị bỗng... Nào, ông Trần Văn Đán.

- Dạ, có tôi.

- Được phép. Lần thăm trước là ngày mười ba tháng giêng, đúng không ?

- Dạ, đúng.

- Kí vào đây.

- Dạ.

- Sang phòng bên...

Nói rồi, người cảnh sát hối đầu quay lại phía sau, mở cánh cửa ngăn phòng đón tiếp với gian nhà trong. Cánh cửa bật ra, Sương thấy một căn buồng mênh mông, chạy dài tới bảy tám gian, có thể chứa cả trăm người.

Ông già tên Trần Văn Đán cúi rạp lưng, khúm núm :

- Dạ, đội ơn cán bộ.

Đoạn hăm hở kéo túi đồ tiếp tế sang phòng bên kia, dường như những sợi râu bết mồ hôi trên cầm ông cũng ngọ nguậy vì sung sướng.

- Bà Đỗ Thị Thu.

- Dạ, có tôi.

- Bà Lê Thị Thắm.

- Dạ, có tôi...

Đám người lần lượt khuân của nả sang phía bên kia cánh cửa. Các dãy ghế trống dần đi.

- Bà Nguyễn Thị Hân.

- Có tôi.

Bà già búi tóc đứng thót dậy, nhanh như cắt. Mắt bà sáng rực. Hắn bà đã mong chờ giây phút này từ sáu tháng nay. Hắn là mỗi chiều xé lịch thu cất một ngày tàn vào quá vãng bà lại muồng tượng ra nó. Đôi vai gầy của bà dướn lên dưới tảng đồ, cần cổ nhỏ như cổ chim nỗi chằng chịt đường gân mau, tay xách làn, tay giữ tải đồ bà bước đi như người làm xiếc đi trên dây, giữ cho tất cả nguyên vẹn, không để rơi để vãi.

Sương không nghĩ gì, không chú ý đến gì ngoài tấm thân gày gò và dẩm lược của bà già, nó gợi cho cô cùng một lúc sự kính nể lẫn nỗi lo âu.

- Phạm Mai Sương...

- Tôi...

Cô đứng dậy chưa nói hết câu, gã trai mặc áo sọc đen vụt bước tới, giật giọng hỏi :

- Phạm Mai Sương là chị ?...

- Dạ...

Gã không nghe cô trả lời mà quay lại bàn, giật mớ giấy tờ trong tay người cảnh sát hối đầu :

- Chị thuộc đoàn văn công tỉnh ?

- Dạ.

- Nữ danh ca ?

- Dạ...

Gã trân trân nhìn cô, nửa sững sốt, nửa to mò : Chẳng lẽ người đàn bà chìm trong mớ vải lụng thùng như nữ tu này lại

là cô ca sĩ nổi danh khắp năm tỉnh miền Trung ? Một chắp, như sực tỉnh gã hấp tấp bảo cô :

- Chị chờ đã.

Người cảnh sát hối đầu đưa mắt nhìn gã. Gã nói : Mày giải quyết các trường hợp khác... Tao sẽ quay lại ngay...

Đoạn, gã xách súng chạy đi.

Lúc ấy, trời bắt đầu le lói. Những đốm nắng lọt qua bóng cây ngo ngoác đậu trên tường. Một đoàn tù đi qua sân, ai nấy bận đồ xám đầu trọc da xanh rờn như da đàn bà hậu sản, thi thoảng có những người rất béo, càng béo trông càng bệnh hoạn. Chốn tù đầy, không còn nhân dạng, gương mặt nào cũng méo mó như quả ứng, có nét gì đó của sự ụng thối rữa nát trong ánh mắt trong cách đong đưa những cánh tay trong cách cúi đầu im lặng... Hai người quản giáo áp tải deo tiểu liên, tay ngoắc vào súng, cứng đờ.

Sương đỡ đẫn nhìn đám tù, tối lúc người cuối cùng khuất sau dãy nhà gianh.

Điều Lãm nói đã diễn ra lần lần như một màn kịch trời xui đất khiến. May mắn cho cô hay nhục nhã cho cô ?... Cô không biết. Gương mặt Hưng đang ám ảnh. Mặt trời của cô, ánh mắt tươi cười và dịu dàng bất tận. Anh có thói quen hôn cô bất cứ lúc nào, dù cô đang tập hát đang ru con hay đang nấu bếp. Như một con mèo, anh liếm quanh cổ cô, khiến những sợi tóc tơ dính bết vào da :

- Nay xem, quanh cổ em có một dãy dài nốt nhạc...

Giọng anh tự nhiên nhưng vẫn có chút gì mon trốn... Trời sinh ra anh để thu phục tình yêu...

Gã bảnh trai mặc áo sọc đen đã quay lại. Gã không còn mang súng. Đập đôi giày săn bê bết bùn khô lên bậc đá, gã hồn hồn nói với Sương :

- Chị đi theo tôi.

Thấy cô im lặng ngập ngừng, gã vồn vã nói tiếp :

- Mời chị đi. Thủ trưởng tôi đích thân tiếp chị.

Sương bối rối. Cô đang toan tính những toan tính của Lãm. Cô chưa kịp trả lời gã đã nhìn cô thúc hối :

- Nào đi... Còn vấn đề gì nữa ?...

Sương nói :

- Nhưng tôi cùng đi với một người.

Gã đáp gọn lỏn :

- Bảo đợi.

Cô lắc đầu :

- Không được.

Gã nhắc lại :

- Ở đây, mọi sự đều được. Tôi sẽ ra bảo hộ.

- Không... Anh ấy là đồng nghiệp của tôi.

- Đồng nghiệp nào ?

- Diễn viên độc tấu của đoàn.

- Hè Lãm ?

- Dạ, đúng...

Gã gằn như reo lên :

(xem ti&êp trang 43)

Con gái thuỷ thần III

truyện ngắn

Nguyễn Huy Thiệp



Minh họa của LÊ TRI DUNG

Giang hồ còn lại mình tôi
Quê người dắt khói, quê người cay men...
Nguyễn Bính

Kể từ ngày tôi rời xóm đạo bên sông ra đi, thoát cái thế mà đã mấy năm ròng. Không biết bao nhiêu sự việc qua đi, không biết bao nhiêu người tôi gặp gỡ, gặp gỡ rồi lại chia tay..., không biết bao nhiêu vui buồn, dắt cay cũng có, ngọt bùi... - ò mà sao vị ngọt bùi cũng nhạt vậy à? - mà ngọt bùi cũng có...

Tôi đã yêu, đã được yêu. Tôi cũng đã chạy trốn nhiều lần. “Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế!”. Tôi đã sống nhiều nơi, làm nhiều việc. “Chương này! Không phải thế, vẫn không phải thế! ”.

Tôi nhớ khi tôi lên 10 tuổi, lúc ấy chuyện về Mẹ Cá đang ôn cả lén, sáng sớm tôi hay đi dọc bãi cát bên sông, thầm ao ước trông thấy hình ảnh siêu phàm. Sương mù giăng giăng trên mặt sông. Khi nắng lên, sương tan ra, sương tan ra rồi bay lên như khói, như mây. Mặt sông lộ rõ, ngái ngủ và thận thùng. Sóng vỗ bờ; đẩy xác những con phù du, những con vồ đến tận chân tôi. Ấy là cảm giác về lẽ thường, lẽ vô thường lần đầu tìm đến rón rén thăm dò tâm hồn tôi. Tôi không biết, tôi không hề để ý đến chúng. Tôi còn quá trẻ! Lúc ấy, sự mắt mờ, sự vô nghĩa, lẫn ý thức về thời gian biến dịch không khiến tôi phải bận lòng.

Tôi đi dọc bãi cát bên sông. Tôi nhìn thấy một hố cát lõm ngay bên mép nước. Tôi hình dung đêm qua con gái thuỷ thần đã nghỉ ở đây. Nàng nói chuyện với sóng. Sóng khoả lấp thân nàng. Nàng nambi nghiêm, co người lại, đầu gối sát cằm. Nàng thủ thỉ với sóng. Nàng nói: “Này sóng! Thôi đừng đùa, đừng ngốc nữa...”.

Tôi đi... Thời tôi đang sống là thời khó khăn gian khổ. Chiến tranh đã qua, mọi người bắt đầu xây dựng lại cuộc sống mới. Những vết thương cũ khép dần miệng lại, lèn da non. Người ta rối rít kiếm tìm việc làm, kiếm tìm hy vọng. Làn sóng người từ nông thôn tràn ra thành phố nhiều vô kể, hợp thành một tầng lớp “dân phiêu tán”. Tôi đi lẩn trong đám người này, lòng thắc thở lo âu cho số phận mình, cũng là số phận của một ít nông dân hoặc cùng quẫn nhất hoặc nhiều khao khát và ảo tưởng nhất.

Con sông quê hương lặng lẽ, rặng tre đầu xóm, bức tường đá ống rêu phủ, bóng mè liêu xiêu in trong nắng chiều.

Tôi đi... Tôi muốn xem phía trước có gì.

Tôi đi... Tôi đã khao khát tình yêu đến như thế nào, như thể người đi trong sa mạc khao khát nước! Ở đó lẩn lộn rất nhiều mơ ước xen vào: đây là hạnh phúc, giọt nước mắt, sự ấm êm, những chân trời, chân trời và mặt biển rộng xa vời, một góc nhỏ trong vườn, một ngôi nhà nhỏ với cửa sổ rộng... Ở, rất nhiều thứ đấy! Mẹ Cá của tôi, ảnh hìn của một điều gì đó hon cả người con gái, hon cả người đàn bà. Nó là ảnh hìn của một nửa thế giới bên trên hoặc bên dưới tôi, của thượng giới và trần gian. Con gái thuỷ thần! Nàng ở đâu? Nàng bận việc gì? Sao nàng không đến cùng tôi mà nàng chỉ gửi những tin tức của nàng đến như con mưa kia bất chợt, như đêm trăng kia bất chợt, như tiếng sáo véo von kia bất chợt, như chiếc hôn vội vàng kia bất chợt xót xa té tái tận đáy lòng...

Thôi thôi... Tôi đã nhục nhã, đê hèn đến như thế nào. Ở đâu chứ? Từ đâu chứ? Vì cái gì? Mà Chương oi, nỗi cô đơn và sự bất lực của mi nào ai thấu được ngoài mi? Ai đã làm chi? Mà mi đã làm chi? Bởi cái tình chi?

Nào! Tôi phải nhận rằng trong khát vọng tìm kiếm cuộc sống của tôi hẳn có ẩn chứa một con quỷ dữ đã thiếp ngủ có lẽ hàng thế kỷ. Nó ngầm nghĩ đôi chút về tôn giáo, về bản chất con người chẳng qua cũng chỉ nhằm để đối chiếu và làm sắc nhọn thêm bản linh quý dữ của nó mà thôi. Nó vừa ngô nghê, vừa khôn ngoan, vừa nhanh nhẹn. Nó đa nghi như Tào Tháo. Nó hiểu thời cuộc... A... Nó hiểu những cơ hội ít ỏi của mình. Nó sục sạo, tìm kiếm. Nó phản bội trái tim tôi. Nó giết chết những khát vọng mong muôn cao thượng tử tế trong tôi để duy trì cuộc sống chính nó, trong xác thân phàm tục này. Tôi đã nhiều lần bắt gặp nó trong tiềm thức mơ hồ của tôi. Khi tôi phải che mặt, phải ê chè, khi tôi chạy trốn, nhục nhã, tủi hổ... nó ngồi trong góc tâm hồn và khe khẽ hát bài ca của mình, lạnh lùng, giễu cợt. Nó biết tất cả điều ấy chỉ là ước lệ, không chính xác bao nhiêu, độ bền vững thấp, do ai đó đặt ra trong những tình thế bắt buộc, khi không hiểu gì lầm về đời. Kẻ đặt ra nó sẽ rối trí, sẽ xấu hổ khi y chán đời, khi y thất bại, nghĩa là khi ấy y đã không còn nhiều cơ hội nữa trong đời. Tôi biết chắc chắn thế mà. Tôi biết chắc chắn thế...

Tôi đi... Hôm qua mưa. Hôm nay nắng đẹp. Ngày mai nắng. Tôi là Chương. Tôi đi, tôi đang đi...

Cách đây không lâu, tôi đến làm thuê cho một gia đình người ở thành phố. Chủ nhà là một người giàu. Ngôi biệt thự đã xây xong, bây giờ xây thêm một bức tường chắn bên ngoài. Tôi đến nhận việc cùng với năm người khác nữa, trong đó có một cô gái tên là Mây, người Mường Hoà Bình.

Làm được ba ngày, đến buổi trưa thì Mây đến gần bảo tôi : “ Anh Chương này, bà chủ bảo tôi mời anh lên nhà ”.

Tôi bước vào phòng khách. Căn phòng rộng, trải thảm, đồ đạc cầu kỳ. Trên tường treo bức tranh thảm dệt hai con ngựa đang áu yếm nhau. Tiếng tíc tắc của chiếc đồng hồ treo tường sổ ruột và mờ ám. Tôi nghĩ... Nếu là nơi ở của tôi thì sẽ là cửa ra vào nhỏ và cửa sổ rộng, không trang trí gì và ngoài kia là bãi cỏ xanh với cánh rừng.

Tôi chờ một lúc lâu thì có tiếng gọi mời tôi lên gác. Cô chủ trạc 32 tuổi, xinh đẹp, nằm ở trên giường.

Cô chủ bảo tôi : “ Anh vào đây... ”. Tôi bước vào phòng. Cô chủ bảo tôi : “ Anh ngồi xuống đi... Tôi tên là Phượng. Còn anh, anh tên là gì ? ”. Tôi bảo : “ Tôi là Chương, con ông Hùng ”. Cô Phượng cười : “ Anh ngồi xuống đi. Tên anh không ý nghĩa gì với tôi. Anh hãy nhìn xem. Tôi có đẹp không ? ”. Tôi bảo : “ Đẹp ”. Cô Phượng cười : “ Anh vội vàng quá. Anh chưa biết thế nào là đẹp hay xấu nơi người đàn bà. Anh thấy tôi giàu, anh tưởng tôi đẹp. Anh thấy tôi học thức, anh tưởng tôi đẹp. Không phải thế ! Nếu tôi đẹp, tôi phải nhìn thấy trong ánh mắt anh dứt khoát có những khao khát dục vọng ”. Tôi cười buồn bã, không biết trả lời ra sao. Cô Phượng bảo : “ Anh là người làm thuê, là dân đen. Phải không nào ? ”. Tôi bảo : “ Phải ”. Cô Phượng bảo : “ Như thế nghĩa là anh không có gì cả. Anh là kẻ yếu ”. Tôi bảo : “ Xin cô đừng sỉ nhục tôi ”. Cô Phượng bảo : “ Tôi không sỉ nhục anh. Tôi chỉ nói ra một sự thật. Anh không có của cải, không có sở hữu cá nhân, anh không có quyền sĩ diện, không nên tự ái, không nên phản kháng ”.

Tôi im lặng, tôi không hiểu lắm về những người giàu tiền và có học thức. Tôi thấy họ bí hiểm, họ giỏi giang, họ nguy hiểm. Thế thôi ! Cô chủ của tôi muốn sức lao động của tôi ? Muốn gì ? Muốn tâm hồn tôi ? Mãi đến sau này tôi mới biết rằng trong tôi cũng có đôi điều giá trị và cũng không ít rắc rối thối tha. Tôi phải trả giá cho bài học ấy của mình. Nhưng đấy là về sau, về sau này...

Rồi Phượng và tôi cùng hiểu ý nhau. Tôi lên giường nằm. Cô Phượng bảo : “ Anh hấp tấp và vội vàng ! Chẳng qua anh là một con thú yếu. Những con thú yếu hiểu tình yêu như công việc, như đi cày. Thái độ của họ đối với cuộc sống cũng đều như vậy. Hoàn toàn không phải thế ! Cuộc sống là một quá trình suy đồi, là một quá trình hưởng thụ. Có thể thôi ! ”. Tôi gầm gừ như sư tử. Cô Phượng bảo : “ Anh im đi... đừng có gầm gừ. Sư tử cũng chỉ là một con thú đáng thương, nó sợ những con sư tử khác... Anh yên tâm đi, bố chồng tôi chết rồi, chồng tôi không có ở nhà ! ”. Tôi cười như mếu. Tôi tiếc là mình ít học vấn quá, không tranh cãi được, không hiểu tí gì. Tôi xúc động.

Tất cả bí mật của vũ trụ, xã hội, công danh, tiền bạc, nghệ thuật... - Cô Phượng bảo tôi - là ở chuyện này. Bọn đàn ông các anh loanh quanh vì các anh sợ hãi. Các anh không dám dam mê. Trật tự phụ quyền được đặt ra là một thứ trật tự đầy rẫy bạo lực, đối trá, chủ yếu không phải phục vụ con người mà là dùng để ngăn chặn thú tính trong bọn đàn ông với nhau. Anh có hiểu không ? ”. Tôi bảo : “ Không ”. Phượng bảo : “ Anh mặc áo quần vào rồi cút đi ! ”.

Tôi xấu hổ bỏ ra ngoài. Tôi không thích lầm việc này. Tôi về chỗ ở của tôi trong khu nhà tạm góc vườn. Tôi ngủ. Trong mơ tôi thấy tôi đi lạc vào một lòng suối khô cạn. Tôi đi ngược lên mãi. Hai bên đường đi là vách đá dựng đứng như đường lên trời. Tôi mơ thấy con gái thuỷ thần. Nàng hiện ra trong ánh sáng mờ mờ huyền ảo. Nàng không hùng biện. Nàng chỉ buồn rầu.

Tôi ở nhà cô Phượng mấy tháng ròng. Chồng cô Phượng vắng nhà, đang ở nước ngoài, mấy đứa con đi học suốt ngày. Cô Phượng có cách nghĩ về tình yêu khá lạ lùng : “ Tôi thường thức anh, tôi nhắm anh. - Cô Phượng bảo tôi. - Như thế người ta nhắm một món ăn ”.

Cô Phượng bảo tôi : “ Đàm ông các anh tuỳ tiện đặt ra luật pháp. Cả chồng tôi nữa. Họ có bà Cả, bà Hai. Họ hưởng lộc giấu giếm... Anh là ông Hai của tôi, anh có thích không ? ”. Tôi bảo : “ Cũng thích ”. Cô Phượng bảo : “ Tôi thích bản chất hồn nhiên man rợ của anh. Nó vô học, vô đạo nhưng lành mạnh ”.

Cô Phượng giới thiệu tôi cho các bạn gái của cô. Họ đều xinh đẹp, sồn sồn, có học thức, giàu có. Những điều họ nói trong phòng ngủ khác hẳn những điều tôi vẫn được nghe khi tôi còn ở quê nhà, khi tôi đi học hoặc đi kiếm sống ngoài đời.

Cô Phượng bảo tôi : “ Khi ngủ với anh, những người phụ nữ khác có kêu lên không ? ”. Tôi bảo : “ Có đôi người ”. Cô Phượng cười : “ Những tiếng kêu ấy chính là ngôn ngữ nguyên thuỷ, tinh khiết. Nó trong sáng hơn mọi thứ tiếng ru, thơ phú và nhã nhạc. Tôi luôn cảm thấy những tiếng kêu ấy tựa như tiếng kêu của người tiền sử trong hang động... ”. Tôi ngẫm nghĩ, tôi thấy có lý nhưng tôi không kêu.

Tôi kể cho cô Phượng và những bạn gái của cô nghe về quang cảnh làng tôi bên sông. Nhà tôi nghèo, trông ra làng nước cũng nghèo. Mùa lũ về, tôi hay bơi ra bãi Nổi trên sông vớt củi. Dòng sông đỗ quạch phù sa. Những cành củi mục trôi phảng phất. Những xoáy nước hút chong mặt. Những con cung quăng chạy nhảy điên cuồng, vô số xác những đàn phù du, xác những đàn vồ chết rất thản nhiên, trăng xoá trên bờ. Chúng không bắn khoan, gì về đạo đức. Chúng không hùng biện.

Cô Phượng hỏi : “ Anh thích thế à ? ”. Tôi bảo : “ Cũng thích ”. Cô Phượng bảo : “ Tôi thấy không ý nghĩa gì. Anh phải biết rằng cuộc sống là rất rộng lớn ”.

Tôi không trả lời. Tôi thấy cuộc sống của tôi và những người dân quê tôi đơn giản bình thường không phải đặt ra quá nhiều câu hỏi. Chúng tôi sống, lớn lên, hàng trăm hàng vạn thế hệ nối nhau, quanh quẩn chuyện làm ăn, gia đình, tôn giáo, nhà cửa, dục vọng.

Tôi bảo : “ Chỉ có nỗi buồn là vĩnh cửu ”. Cô Phượng bảo : “ Có thể... nhưng anh đừng khẳng định... ”. Tôi hình dung ra xác những con phù du, những con vồ bị sóng đánh tạt vào bờ. Tôi chợt nhận ra con người phải lùi rất xa mới gạn lọc được đôi chút dấu vết giá trị văn minh, giống như hôm nay ta xúc động bởi một câu Kiều, bởi một pho tượng Chàm, bởi một dấu vân tay trên bình gốm cổ... Hàng tá những con phù du, những con vồ chết đi không để lại một dấu vết gì.

" Cảm giác thôi. - Cô Phượng bảo tôi. - Đàn bà chúng tôi chỉ tin ở cảm giác, mà cảm giác nghĩa là nhầm lẫn và tạm bợ ".

Tôi có rất ít thì giờ để nghĩ ngợi những điều khó hiểu như thế. So với mọi người thì tôi chẳng có gì cả. Tôi không có tiền bạc, công danh, không có gia đình để yêu thương lo nghĩ, không có bạn bè... Ngay cả giấy tờ tuỳ thân cũng không có nốt. Tôi là con số không. Tôi vui mình, buồn bã một mình, mơ mộng một mình... Tôi chỉ có con gái thuỷ thần chờ đợi...

" Thế là anh sướng ". - Cô Phượng bảo tôi.

Tôi cười thầm... Tôi nhớ lại những gì mình đã trải qua trong đời. Đám trẻ trắn trưởng ngời ở bên sông, nấp trong rặng mía. Chúng tôi nói chuyện cao siêu về người Nga, người Mỹ làm bom nguyên tử, chuyện bà Mạnh Tử dạy con, chuyện người ta câu được một con cá voi nhưng khi lôi được vào bờ chỉ còn có mỗi bộ xương... Thế đấy, những chuyện trẻ con, những chuyện động trời...

Cô Phượng bảo tôi : " Này Chương ! Anh đang nghĩ gì ? ". Tôi bảo : " Trên nền nhà gạch đá hoa thì rất khó đi... ". Cô Phượng bảo : " Chồng tôi cũng nói như thế. Anh ta trách tôi không biết đi lại trong nhà, không có cử chỉ linh hoạt và chỉ biết đi từng bước một như đẽm...".

Cô Phượng nói năng như trên sân khấu. Tôi nhớ chiếc chòi canh mà khi tôi còn làm bảo vệ ở quê. Đêm trăng suông, tôi ngồi chống cằm, mắt nhìn lên những ngôi sao xa xăm. Một ánh mắt vô hình từ trong khoảng không sâu thẳm ở giữa bầu trời bao la đang dõi theo tôi. Tôi biết chắc chắn có ánh mắt ấy. Điều ấy khiến tôi xúc động. Sau này tôi gán cho nàng, cho Mẹ Cả, cho con gái thuỷ thần, cho người đàn bà vẫn chờ đợi tôi ở nơi xa xăm, mãi tận đâu đâu. Tôi biết, nàng vẫn hy vọng và đây chính là chỗ dựa cuối cùng cho sự cô đơn hoang vắng ở trong lòng tôi. Tôi đã sống qua rất nhiều lẽ thường : những lần đánh nhau với bạn phàm phu, làm việc không công cho người nghèo khổ, nhả nhót cột dùa với lũ du côn... Ánh mắt vô hình vẫn dõi theo tôi hoài hoài. Nàng vẫn thủ thỉ trong đêm. Nàng nói : " Này Chương, vẫn không phải đường ra biển...".

Cô Phượng bảo tôi : " Có lẽ ở thế hệ trước thì cha anh tôi cũng giống như anh bây giờ. Họ mang lại đủ thứ cho chúng tôi ".

Tôi nằm im. Tôi không hiểu rõ những điều mà cô Phượng nói. Điều gì làm cho người ta khao khát ham sống ? Tôi hỏi cô Phượng điều này. Cô Phượng trả lời : " Ăn ngon, lời tâng bốc và sex. Anh còn thêm gì nữa thì tuỳ ".

Những ngày ở nhà cô Phượng khiến tôi suy sụp. Tôi kiệt sức. Tôi hoa mắt, chóng mặt. Ngày xưa tôi đi đào đất cũng không vất vả thế này. Điều kinh khủng nhất là những chuyện mà những người đàn bà ấy rót vào tâm hồn tôi. Tại sao cuộc sống lại nhiều trái buộc như thế ?

Khi chồng cô Phượng về nhà được mấy hôm thì lập tức tôi bị đuổi việc. Tôi hôm ấy, tôi nằm trong xó ở khu nhà tạm. Thân thể tôi đau nhức, lưng đau uể oải như gãy gập, cổ họng khát khô. Nửa đêm, có tiếng kẹt cửa rồi Mây mang vào cho tôi một bát cháo nóng.

Mây hỏi tôi : " Anh Chương ! Anh bị sốt à ? ". Tôi bảo : " Không ". Mây bảo : " Anh Chương này, tối nay tôi phải lên hầu ông chủ. Tôi không thể từ chối vì món tiền ông ta cho tôi quá lớn... Tôi không muốn dành sự trong trắng của tôi cho người khác... Tôi muốn anh... Anh giúp tôi đi... ". Mây đưa tay cởi cúc áo ngực của tôi. Trong bóng tối mờ mờ, Mây quay người lại, tôi thoáng thấy tấm lưng trần quẫy ở trước mặt, ánh sáng trăng bên ngoài chiếu vào trông thật kinh dị nhưng đẹp lẩm. Tôi chợt nhớ đến Mẹ Cả, đến con gái thuỷ thần. Lòng tôi nhói lên cảm giác đau đớn xót xa.

Tôi nghe như có tiếng khóc từ nơi xa xăm vọng lại, như từ nơi hoang mạc đưa tới. Nước mắt của tôi và Mây hòa quyện vào nhau, ướt đầm trên hai khuôn mặt.

Mây giằng ra khỏi tôi thất vọng : " Này Chương ! Anh bất lực à ? ". Tôi úp mặt khóc thầm, xấu hổ, ê chề. Mây đứng dậy bảo tôi : " Em hiểu, cái số của em nó thế... Anh đừng buồn, đừng khóc nữa... Những người ở trên nhà kia họ được tất cả... Anh Chương, xin anh bảo trọng thân mình, dấu chỉ để cho em đỡ khổ...".

Sốm hôm sau, tôi bỏ đi rời khỏi thành phố. Tôi không có ai để chào từ biệt.

Tôi cứ đi, đi mãi... Trước mặt tôi là dòng sông thao thiết. Sông chảy ra biển. Biển rộng vô cùng. Tôi chưa biết biển... Tôi chưa biết biển... Mà tôi sống nửa cuộc đời rồi đấy. Chỉ vài năm nữa đến năm 2000.

Con gái thuỷ thần ! Nàng ở đâu ? Nàng ở chỗ nào ? Vì cái gì ? Bởi cái gì ? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

Con gái thuỷ thần ! Nàng ở đâu ? Nàng ở chỗ nào ? Vì cái gì ? Bởi cái gì ? Để tôi mượn màu son phấn ra đi...

Nguyễn Huy Thiệp
Hà Nội, tháng 4-1998
(Văn Nghệ, số 25, 20-6-1998)

Tìm đọc

Hợp Lưu

Tập san Văn học - Nghệ thuật - Biên khảo

* Nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong và ngoài nước.

* Nơi gặp gỡ những tấm lòng tha thiết với văn học Việt Nam.

Hợp Lưu Magazine, P.O. Box 277,

Garden Grove CA 92642, USA

Tel. và Fax : (714) 537-2468

Đại diện tại Âu châu : M&Mme Lê Tất Luyện,
15 Place Souham, F- 75013 Paris. Tel. 45 83 19 12

Laiu Ly (tiếp theo trang 39)

- Thế thì hay lắm... Tôi sẽ mời anh ấy vào đây. Người ngồi trên chiếc xe thổ mộ ngoài kia phải không?...

Và không chờ cô trả lời, gã hất tấp chạy đi. Lát sau, xe của Lãm lăn vào sân trại. Anh cột ngựa dưới gốc cây rồi cùng gã trai tới đón Sương. Không còn chút ưu tư khắc khổ nào trên gương mặt Lãm. Cả hai tràng mày lẵn cái mũi dài thượt của anh nhất loạt ngọ nguậy. Cặp đuôi mắt anh như vạch sang hai bên thái dương nụ cười bất tận và ánh mắt lấp lánh như bắn ra muôn ngàn tia riêu cợt vừa mỉa mai vừa vui vẻ...Chừng như thấy sự ngỡ ngàng của Sương, anh gọi :

- Nào đi, cô Sương.

Giọng thản nhiên và mặt tỉnh khờ như không hề suy tính mà chỉ do tình cờ anh kéo cô vào cuộc vui do số phận đặt bày...

Rồi, đêm xuống.

Vùng rưng sâu núi thảm bỗng vang động tiếng máy. Đêm nay là đêm xa xỉ của trại tù. Trên một trăm nhân viên lẩn quẩn giáo chạy xuôi chạy ngược tìm cách cho nổ cỗ máy phát điện cỡ 40 mã lực chạy bằng xăng. Ở đây không có điện, mỗi năm chỉ được chạy máy nổ vài lượt vào những dịp trọng đại : ngày Tết nguyên đán, ngày quốc khánh, ngày đón các phái đoàn quốc tế đến tham quan hoặc các quan chức tối cao về kiểm tra và đề nghị khen thưởng cho trại hoặc ân xá cho tội nhân... Đêm nay là đêm ngoại lệ một hạnh phúc không chờ đón và trại trưởng hứa rằng sẽ kéo dài niềm hạnh phúc hiếm hoi này tối ba bốn đêm sau. Tấm vải bạt phủ cỗ máy được gõ ra, trệt bụi, cúng quèo như miếng da trâu khô, người ta phải đem nó ra thật xa mới dám quăng xuống đất để tránh đám bụi bốc bay khỏi xộc vào họng người. Máy để đã lâu, nổ ăng ặc như tiếng người bị dìm nước và dòng điện lúc đó lùi lùi vàng ối.

Đám tù được trưng dụng chạy lăng xăng quanh cỗ máy. Một quản giáo đúng gần đó, hai tay chắp sau lưng, đưa ánh mắt lướt qua đầu đám người.

- Dạ, báo cáo cán bộ, máy đã quá.

- Vậy làm sao?

- Phải lau dầu các bộ phận rồi ráp lại.

- Hết bao lâu?

- Dạ, có ba giờ.

- Không được, lỡ mẹ nó đêm biểu diễn.

- Dạ, thưa cán bộ...

- Kệ thây chúng mày, cả một lũ thợ có sỏi trong sọ mà chịu à?... Muốn làm gì thì làm, trước sáu giờ ba mươi phút phải có điện...

- Dạ, thưa...

Sương đứng trong căn phòng áp sát khẩu hiệu trường, thầm lặng nhìn đám tù bị trưng dụng. Trong vẻ mặt, ánh mắt, trong cách nói năng của họ có một thứ sợ hãi kì quặc. Thứ sợ hãi của con người. Chim chóc muông thú trên rừng hay gia súc nuôi trong nhà đều không có thứ sợ hãi ấy... Liệu Hưng đã nhiễm thứ sợ hãi này chưa từ khi anh trở thành một thằng tù... Người chồng của cô, cô không thể hình dung anh trong cái vai khốn khổ ấy...

(Trích tiểu thuyết Lưu Ly của Dương Thu Hương)

Đóng góp với độc giả Diễn Đàn và anh chị em xa quê

Ăn Ngon : Điểm Gặp Gỡ Của Người Việt ?

Hà Thanh Vân và Lưu Quỳnh

Trong một số trước đây, Diễn Đàn có đăng ý kiến của độc giả muốn biết những chỗ ăn ngon ở Paris. Nhất là cho anh chị em ở nơi khác đến thăm thủ đô Pháp đỡ tốn công tìm kiếm.

Các tiệm ăn quy tụ tại Paris, đông nhất là Quận 13, rồi đến khu Belleville, và sau là khu Porte de la Chapelle. Trong thành phố cũng còn rải rác vài nơi khác. Nhưng hẹn nhau, để gặp nhau là Quận 13, trong cái tam giác từ góc đường Tolbiac, và có lẽ từ chỗ Place d'Italie, xuống đến Boulevard Masséna, đường một chiều đi xuống là Avenue de Choisy, và đường một chiều đi lên là Avenue d'Ivry.

Không thể nói là nơi này hay nơi kia, các món ăn đều ngon, hoặc đều... kém. Nhưng thường thường thì nơi này có phở ngon (tương đối) và nơi kia có bún, cơm, canh, thịt nướng, cá kho ăn được. Thành thực mà nói như vậy. Vì tất cả mọi tiệm ăn ở đây — hoặc ở nơi khác — đều là ... "vì thời thế, thế thời phải thế", tiệm ăn Việt Nam ít khi có bếp và người nấu cũng như hầu bàn, tiếp khách là "nhà nghề" được đào tạo trong nghề từ trước, như trong nhà hàng Pháp hoặc Trung Hoa, hay là gốc vùng Cận Đông. Phần lớn là khi phải di ra sống ở nước ngoài, người phụ nữ Việt Nam đa số có biết nấu nướng từ trước, trong gia đình, được bà hay mẹ chỉ dạy, và trong hoàn cảnh người chồng khó kiếm được việc làm đúng khả năng, phải đứng ra lèo lái, chung sức nuôi sống gia đình, con cái... Trong gia đình bảy, tám người, nấu ngon là một cách. Mở tiệm, hoặc làm công trong một tiệm ăn, nấu nướng cho năm, bảy chục người ăn, cả vài chục món ăn lại là một điều khác. Làm sao cho hương vị, phẩm chất luôn đều... không phải là chuyện dễ.

Vậy ta vào đề. Món ăn thông thường nhất của người Việt Nam có thể xoay quanh Phở, Bún, Cháo, Xôi... Đây là những thức ăn thường ngày, bình dân, trong nước vẫn có từ xưa, ở khắp nơi, từ những vỉa hè, đi rong, chợ, và trong hàng quán, tiệm ở tỉnh thành, và trong những lều, nhà lợp tôn hay mái tranh ở vùng ngoại ô hoặc vùng quê, nhất là thời chiến tranh trước đây.

Phở, Bún, Cháo, Xôi...Paris

Cả mười mấy năm nay, Phở được chấm điểm khá nhất Paris là phở Vidéo. Chủ nhân, người khách quen gọi là bà Năm. Trước kia đứng chủ tiệm Auberge Vietnamienne, trên đường Berthollet. Phở Vidéo nằm tại số 80, đường Claude Bernard, quận 5. Đây là thứ phở có chất và có vị gần giống

như Phở 79 trước kia ở đường Võ Tánh, Sài Gòn cũ. Nước thơm, bánh nhúng đúng mức, mềm, thịt xắt ngang thớ. Sau đó, hiện nay, đứng đầu về món phở là Phở 39, trong hành lang khu Olympiade, nơi tập trung sáu bảy quán ăn do người Việt làm chủ và đứng bán. Và cũng do người Việt đứng nấu. Nghề dạy nghề thôi. Kể trước tiên Phở 39, có lẽ vì từ ít lâu nay, cách nêm, pha nước phở do tay... mẹ người chủ tiệm. Khác hẳn khi trước, cách đây vài năm, ở đây cũng đã mắc phải thời gian nào đó cái nhược điểm chung của các phở Việt khác : quá nhiều bột ngọt, đó là chưa kể số lượng đường mà nhiều người đổ vào nước phở. Gần như kiểu các bạn Miên ăn phở tiều Nam Vang khi trước. Tại Quán 39 này, người nấu phở (dàn ông) biết cỗ gắng chiều khách, nếu biết khách khó tính đòi *gầu ròn* hoặc nạm gân. Đây cũng có bún bò Huế khá, tô bưng ra đầy đặn, và khách ăn khoẻ rất vừa ý. Có đủ mọi món ăn thông thường, như bún chả, bánh cuốn, v.v... Cạnh đó là phở Bi-da. Đóng khách và hợp khẩu vị của nhiều người ưa món phở tiều Việt Nam. Một số quán cùng xóm, bán những món... nhậu, và những món bún thông thường của miền Nam : bò bún (bún bò xào, đừng lẫn với bún bò Huế, có người gọi là bún bò giò heo), bún chả giò, v.v... Chả giò, bì cuốn, nem hay gỏi cuốn... hoặc cơm đĩa, thịt nướng, gà, tôm... Đó cũng là những món có thể gọi ở Phở Thủ (Số 1), hay là mấy quán và tiệm của người Việt, hay Trung Hoa trước ở Miên, Lào. Phở Quán Tre ngon, nếu bớt đường trong nước thì ngon hơn nữa. Ở Quán Tre cũng có bún bò Huế. Đề nghị tất cả những nơi bán bún bò Huế nên cố gắng cho có thêm vị Huế thật, và hầm giò heo (móng và chân giò) kỹ hơn, cho mềm và... khỏi bỏ chạy, tháo thân khi bị gấp lên khỏi tô. Bún bò Huế Quán Tre cũng như ở Phở 39, đầy ắp tô, rất hậu hĩnh. Thịt nhiều hơn nhiều nơi khác. Có lẽ khắp khu 13, tiệm ăn khang trang nhất do người Việt đứng chủ và nấu ăn là nhà hàng Hùng Vương. Trước kia mở tiệm ở đường Caillaux với tên Phở Hiền Vương. Được khoảng một năm, thì bị chủ nhà yêu sách, sau khi nghỉ hơn một năm, thì từ hai năm nay lấy lại được nhà hàng cơm Nhật Bản trước kia trên sân rộng Olympiades, ngay cửa Café Le Discobole ngó sang, cùng dãy với mấy tiệm Pressing, Lê Lai, nhà Photocopie, và ngay cạnh, chung tường với Crédit Lyonnais. Phòng ăn rộng rãi, thoáng, bàn ghế mát mắt hơn các nơi khác, tiệm Hùng Vương khéo tiếp khách, nhã nhặn nên đông khách Pháp, quốc tế và Việt Nam. Món ăn ngon do chính (ông) chủ nấu nướng, nêm nếm. Tiếp khách thì có bà và một ông chung vốn làm ăn, rất khéo và lịch thiệp, nhanh nhẹn. Tại đây lẽ dĩ nhiên cũng phở, bún, phở tiều, nhưng có những món ăn của một bữa cơm bình thường trong mọi gia đình Việt Nam : canh chua tôm, cá ; cá kho tộ (rất ngon), tôm rang lá quế. Đặc biệt là có bò 7 món, nem nướng. Và đặc biệt hơn nữa là món chả cá (thỉnh thoảng có vỏ ít riêng), và tiếc là không có bánh đa (bánh tráng mè) và lạc rang (đậu phộng). Đáng khen là chủ nhân và cũng là người nấu nướng là gốc Nam mà pha mắm tôm rất khéo, cũng như mắm nêm khá ngon. Nhiều người khách đến ăn vì thích mấy món mắm khéo pha. Bún chả bán rất hậu, và giữa hàng Hùng Vương và Phở Thủ, xế cửa, tranh nhau đưa ra cho khách rất nhiều rau ngon, tía tô, kinh giới, rau húng, ngò, v.v... đủ hết. Ở đây có thể mời

bạn và mời khách sang. Phải nói là những ai thích ăn món miền Nam, và đặc biệt phở tiếu Mỹ Tho, Cần Thơ, Vĩnh Long thường hay đến đây. Và những thực khách gốc Bắc cũng ưa thích những món Bắc của nơi này.

Tiện đây, nhắc đến một vài tiệm do người Trung Hoa làm chủ nhưng bán món ăn Việt Nam như Hawai (phở khá, đặc biệt chiều, tối ; cơm đĩa gà, thịt heo, sườn nướng) bì cuốn, chả giò, bò bún, v.v... cũng như Thiên Cơ (41, Av de Choisy) mà nhiều thực khách Pháp, Việt, Tàu, Miên ưa thích vì khéo tiếp khách.

Phía Belleville cũng có một số tiệm, quán Việt Nam, nằm xen lẩn trong các con đường nhỏ với những quán ăn Trung Hoa. Nhưng có lẽ ít khách hơn Quận 13, có Chợ Tàu. Đối với những bạn thích ăn cơm Tàu, thì có Le Président và Tài Yến. Tài Yến thì bình dân, còn Le Président có những ăn như tôm hùm, tôm càng, cua rang muối, hay sauce chua ngọt, ngon.

Ở quận 13, ăn cơm thường mà ngon là tiệm Fleur de Mai — 61, Av de Choisy, gần chỗ bán xe hơi Renault — có những món ăn Quảng Châu, vừa ngon, vừa hậu : gà hấp muối, vịt quay, hoặc xào với sauce, cá Turbot hấp gừng. Một tô canh cải xanh, bốn hay năm người ăn vừa. Cơm chiên (riz cantonnais) đúng hương vị nhất, tuy cũng phạm một lỗi lầm là có petits pois, thay vì nhiều hành lá, lạp xưởng. Ngoài ra nếu muốn ăn gà Hải Nam, thì có Palais d'Or (97, Av. d'Ivry) xế cửa tiệm bán rau, quả, gần bên tiệm bán sách báo, bánh, xôi Khai Trí. Nói đến xôi, tại Palais d'Or có xôi. Có thể ăn với thịt quay, hay lạp xưởng. Các món hấp và các món mỳ và tôm, cua, cá ở đây rất khá. Tiếc là những quán, tiệm Việt Nam không mấy chú trọng đến xôi và cháo. Nhất là cháo lòng ngon, với dồi mỡ, dồi tiết...

Còn một tiệm Việt Nam nhỏ xíu, khoảng mươi chỗ ngồi, rất đặc biệt, nằm trên đường Niepce, chỗ Métro Pernéty lên, song song với đường Pernéty và gần đụng vào Rue de l'Ouest. Chủ nhân, cũng là người nấu, là một thanh niên mặt sáng, thông minh, cởi mở, giản dị và cũng là một nhạc sĩ vĩ cầm (violin). Tên cái tiệm nhỏ tí này là Baie d'Halong. Phở thì luôn sẵn. Khách muốn ăn chả cá, hoặc cháo lòng, cháo gà khá thanh lịch thì dặn trước. Nhìn hai bàn tay dài, mảnh của người nhạc sĩ đang xào nấu trên lửa cũng là điểm thú vị... hoi buồn. Vân, tên nhạc sĩ biết nướng chả cá, thì thản nhiên, ngày qua ngày... và luôn luôn niềm nở chiều ý khách.

Tạm biệt, và hân hoan được giới thiệu — không công và vô tư — một số nơi để anh chị em kiều bào đến *ăn cho đỡ nhớ* những món ngon ở nước ta.

HTV và LQ, đọc giả DĐ

Hội họa

Tranh PhanNguyên
trên liên mạng
địa chỉ :

<http://www.mygale.org/07/phanng/>

Kỷ niệm 10 năm ngày mất của Lưu Quang Vũ và Xuân Quỳnh (29-08-1988)

Hồn Trương Ba da hàng thịt

kịch nói
Lưu Quang Vũ

Cảnh 7 (trích đoạn)

Hồn Trương Ba (HTB)

(Một mình) Mày đã thắng thế rồi đấy, cái thân xác không phải của ta à, mày đã tìm được đủ mọi cách để lấn át ta... Ta ngõ sẽ giữ được cái mầm hạt tốt lành trong lớp vỏ xấu xa, nhưng ta đã làm : kẻ thắng thế lại là mày ! Nhưng lẽ nào ta lại chịu thua mày, khuất phục mày và tự đánh mất mình ? "Chẳng còn cách nào khác" ! Mày nói như thế hả ? Nhưng có thật là không còn cách nào khác ? Có thật không còn cách nào khác ? Có đấy ! Mày đừng vội đắc chí ! Có đấy ! Cách đó là : ta không cần đến cái đời sống do mày mang lại ! Không cần !

Đứng dậy, lập cập nhưng quả quyết, đến bên cột nhà, lấy một nén hương châm lửa thắp lên. Đế Thích xuất hiện.

Đế Thích (ĐT)

Ông Trương Ba ! (Thấy vẻ nhợn nhạt của hồn Trương Ba) Ông có ốm đau gì không ? Một tuần nay tôi bị canh giữ chặt quá, không xuống đánh cờ với ông được, nhưng ông đốt hương gọi, đoán là ông có chuyện khẩn, tôi liều mạng xuống ngay. Có việc gì thế ?

HTB

(Sau một lát) Ông Đế Thích à, tôi không thể tiếp tục mang thân anh hàng thịt được nữa, không thể được !

ĐT

Sao thế ? Có gì không ổn đâu ?

HTB

Không thể bên trong một đàng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn.

ĐT

Thế ông ngõ tất cả mọi người đều được là mình toàn vẹn cả ư ? Ngay cả tôi đây, ở bên ngoài, tôi đâu có được sống theo những điều tôi nghĩ bên trong. Mà cả Ngọc Hoàng nữa, chính người lầm khi cũng phải khuôn ép mình cho xứng với danh vị Ngọc Hoàng. Dưới đất trên trời đều thế cả, nữa là ông.

HTB

Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác, đã là chuyện không nên, đằng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt.

ĐT

(Không hiểu) Nhưng mà ông muốn gì ?

HTB

Ông từng nói : nếu thân thể người chết còn nguyên vẹn, ông có thể làm cho hồn người đó trở về. Thì đây (chỉ vào người mình) thân thể anh hàng thịt còn lành lặn nguyên xi đây, tôi trả lại cho anh ta. Ông hãy làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.

ĐT

Sao lại có thể đổi tâm hồn đáng quý của bác lấy chỗ cho

cái tâm hồn tầm thường của thằng hàng thịt ?

HTB

Tầm thường, nhưng đúng là của anh ta, sẽ sống hoà thuận được với thân anh ta...

ĐT

Thế thì hồn bác trú vào đâu ? Phải có chỗ trú chứ !

HTB

Ở đâu cũng được, chứ không ở đây nữa. Nếu ông không giúp, tôi sẽ... tôi sẽ... nhảy xuống sông hay đâm một nhát dao vào cổ, lúc đó thì hồn tôi chẳng còn, xác anh hàng thịt cũng mất...

ĐT

Sao ông lại tính nước ấy ! Rắc rối thật ! Tôi đã phạm phép giờ một lần. Trên Thiên đình người ta còn đang treo tội tôi đấy để chờ xét xử. Tôi chẳng sợ, họ doạ chứ chưa chắc đã làm gì được tôi. Trị tội hết tiên hết thần thì lấy gì cho dân chúng họ thờ ! Cái khó nghĩ bây giờ là sắp xếp cho hồn ông nhập vào đâu đây ? (Đi lại, suy nghĩ, bỗng lắng nghe) Có tiếng khóc ran lên từ đâu ấy nhỉ ? Từ nhà ai ?

HTB

(Cũng nhìn ra ngoài) Từ phía nhà chị Lụa mẹ cu Ty. Thằng cu Ty đang ốm nặng... Trời, hay là...

Cái Gái chạy vào nhà, nước mắt đầm đìa.

ĐT

(Nhìn ra ngoài) Cái nhà sau rặng cau kia phải không ? Tôi vừa thấy hồn thằng bé bay vụt lên khỏi mái nhà, tan mờ như là sương mỏng... Cu Ty là đứa trẻ như thế nào ?

HTB

Con trai độc nhất của chị Lụa. Nó là bạn thân của cái Gái nhà tôi. Thằng bé ngoan lắm, khôn lắm. Tôi rất quý nó mà nó cũng rất thân với tôi. Dĩ nhiên, đấy là trước kia... Nhưng tại sao nó lại phải chết ?

ĐT

Kiểu này, chắc lại do hai ông Nam Tào, Bắc Đẩu tặc trách gạch tên bùa, hoặc cũng do bà Vương Mẫu ép, bà ấy không ưa trẻ con. Lệnh của bà ấy thì chẳng ai cưỡng được ! (Bần thần nghĩ ngợi) A, hay quá, tôi nghĩ ra rồi ! Ông Trương Ba ! Tôi sẽ giúp ông một lần nữa ! Ngay bây giờ đây, ông sẽ trả cái thân thể này cho hồn anh hàng thịt, tôi sẽ làm cho hồn ông nhập vào xác cu Ty. Như vậy là anh hàng thịt được sống, hồn ông vẫn có chỗ trú, mà cái thân thể bé nhỏ của cu Ty sẽ không bị mất đi. Ông thấy được không ?

HTB

Nhập vào xác cu Ty ? Tôi ?

ĐT

Chứ sao ? Ông với anh hàng thịt là hai người xa lạ, còn ông với thằng cu Ty đã từng quấn quít quý mến nhau, ông sống trong thân thể thằng bé chắc sẽ ổn... Là trẻ con cho dễ sống ông à.

HTB

Ông cho tôi suy tính một lát đã... Việc này bất ngờ quá ! (Ngồi xuống, nghĩ ngợi) Nhập vào cu Ty... (Lẩm bẩm) Tôi, một ông già gần sáu mươi, cu Ty thì còn chưa bắt đầu cuộc đời, còn đang tuổi ăn, tuổi lớn, chạy nhảy vô tư... có ổn không nhỉ ? (Nhấp mắt lại) Thủ hình dung xem sao... Sẽ phải giải thích cho chị Lụa : tôi không phải là con chị, chị ấy sẽ không nguôi thương nhớ con... Có khi tôi còn phải sang nhà chị Lụa ô... Rồi còn hàng xóm, lý trưởng, trưởng tuần... Bao nhiêu sự rắc rối. Bà vợ tôi, các con tôi sẽ nghĩ ngợi, xử sự thế nào, khi

chồng mình, bố mình mang thân một thằng bé lên mười ?
Làm trẻ con không phải dễ ! Mà cái Gái nhà tôi, nó sẽ nghĩ thế nào nhỉ ?

ĐT

Chắc nó sẽ thích. Nó thân với cu Ty mà.

HTB

(Lắc đầu) Số chỉ càng oái oăm rắc rối hơn. Trẻ con phải ra trẻ con, người lớn phải ra người lớn. Thằng cu Ty bỗng thành ông nội, con bé đòi nào chịu. Tôi đã lường trước thấy bao sự không ổn, ông Đế Thích ạ.

ĐT

Trong thân một thằng bé, ông sẽ có cả một cuộc đời trước mặt.

HTB

Để rồi, chẳng bao lâu nữa, bà nhà tôi, bạn bè cùng lứa với tôi lần lượt nằm xuống, mình tôi vẫn phải sống suốt bao năm tháng dằng dặc giữa đám người hậu sinh. Những gì chúng thích thì tôi ghét, những gì tôi thích chúng chẳng ưa. Tôi sẽ như ông khách ngòi dai ở nhà người ta, mọi khách khuya đã về cả rồi, mình vẫn dầm đìu nán lại. Tôi sẽ bơ vơ lạc lõng, hoặc sẽ trở nên thảm hại đáng ghét như kẻ tham lam, một kẻ lý ra phải chết từ lâu mà vẫn cứ sống, cứ trẻ khoẻ, cứ ngang nhiên hưởng thụ mọi thứ lộc đời ! Vô lý lắm ! Không ! Tôi không thể cướp cái thân non nớt của cu Ty. (Nhìn ra ngoài) Tiếng chị Lụa gào khóc nghe đứt ruột ! Mất đứa con, chị ấy làm sao sống được ? (Đột ngột) Ông Đế Thích, hồn cu Ty bây giờ ở đâu ?

ĐT

Tôi đã nói với ông rồi : ra khỏi thân xác, hồn chẳng còn là gì nữa !

HTB

Ông hãy đưa hồn cu Ty về nhập lại vào xác nó, cho nó được sống lại !

ĐT

Không được ! Việc cu Ty... chắc chắn đã có lệnh của bà Tây Vương Mẫu.

HTB

Ông hãy cứu lấy nó ! Ông phải cứu nó ! Ông có biết đứa con đối với người mẹ là thế nào không ? Còn to lớn hơn cả ý muốn của bà Tây Vương Mẫu nhà ông. Ông Đế Thích, vì con trẻ ông ạ, vì con trẻ ! Ông hãy giúp tôi lần cuối cùng. Tôi sẽ không bao giờ là phiền ông nữa, không đòi ông điều gì nữa ! (Lấy bó hương ra) Đây ! (Bé gãy cả bó).

ĐT

Ông Trương Ba... (Đắn đo rất lâu rồi quyết định) Vì lòng quý mến ông, tôi sẽ làm cu Ty sống, dù có bị phạt nặng... Nhưng còn ông... rõt cuộc ông muốn nhập vào thân thể ai ?

HTB

(Sau một hồi lâu) Tôi đã nghĩ kỹ... (Nói chậm và khẽ) Tôi không nhập vào hình thù của ai nữa ! Tôi đã chết rồi, hãy để tôi chết hẳn !

ĐT

Không thể được ! Việc ông phải chết chỉ là một lầm lẫn của quan Thiên đinh. Họ sai, tôi đã sửa, sửa bằng cách làm cho hồn ông được sống.

HTB

Có những cái sai không thể sửa được. Chắp vá gượng ép chỉ càng làm sai thêm. Chỉ có cách là đừng bao giờ sai nữa. Hoặc phải bù lại bằng một việc đúng khác. Việc đúng còn

làm kịp bây giờ là làm cu Ty sống lại. Còn tôi cứ để tôi chết hẳn...

ĐT

Không ! Ông phải sống, con chuột sống còn hơn con sư tử chết, ông phải sống, dù với bất cứ giá nào...

HTB

Không thể sống với bất cứ giá nào được, ông Đế Thích ạ ! Có những cái giá đắt quá, không thể trả được... Lạ thật, từ lúc tôi có đủ can đảm đi đến quyết định này, tôi bỗng cảm thấy mình lại là Trương Ba thật, tâm hồn tôi trở lại thanh thản, trong sáng như xưa...

ĐT

Ông có biết ông quyết định điều gì không ? Ông sẽ không còn lại một chút gì nữa, không được tham dự vào bất cứ nỗi vui buồn gì ! Rồi đây, ngay cả sự ân hận về quyết định này, ông cũng không có được nữa.

HTB

Tôi hiểu. Ông tưởng tôi không ham sống hay sao ? Nhưng sống thế này, còn khổ hơn cái chết. Sống thế này mới thực là chết. Sẽ không còn một kỷ niệm tốt lành nào về Trương Ba nữa, không còn Trương Ba nữa ! Còn lấy lý lẽ gì khuyên thằng con tôi đi vào con đường ngay thẳng được ? Cuộc sống giả tạo này có lợi cho ai ? Hoạ chăng chỉ có lão lý trưởng và đám trưởng tuần hỉ hả thu lợi lộc ! Đúng, chỉ bọn khốn kiếp là lợi lộc.

ĐT

Tôi không phải là kẻ khốn kiếp... Tôi quý mến ông... Tôi sẽ chẳng bao giờ được đánh cờ với ông nữa ư ? Nhờ ông đánh cờ với tôi, người trên giời, dưới đất mới biết tôi cao cờ như thế nào, mới biết trên giời có tiên cờ Đế Thích...

HTB

Vì để chứng minh có ông trên giời mà dưới đất tôi cứ phải tiếp tục cảnh sống đầy đoạ ư ? Không ! Mặc ông ! Nói thật với ông : nếu còn tiếp tục sống, tôi cũng chẳng thích đánh cờ với ông nữa ! Đánh cờ với ông chán lắm ! Không có gì chán bằng đánh cờ với tiên !

ĐT

Thật thế sao ? Tôi lại phải quay lại cảnh sống cũ, lại phải đánh cờ một mình ?

HTB

Sống thế nào, làm sao để khỏi phải đánh cờ một mình, đó là việc của ông. Còn tôi... Ông hãy trả lời đi ! Ông có giúp tôi không ? Nếu ông từ chối, tôi sẽ... Tôi đã nhất quyết ! Ông phải giúp tôi !

ĐT

Trả thân xác này cho anh hàng thịt... và thế là...

HTB

Không còn cái vật quái gở mang tên *hồn Trương Ba da hàng thịt* nữa !

Nam Tào và Bắc Đẩu hiện ra.

Bắc Đẩu

Ông Đế Thích, Ngọc Hoàng người sai chúng tôi đi tìm ông gấp, mang tôi cho ông hai cái lệnh. Một là :

Nam Tào

Ngọc Hoàng tha cho ông cái tội nhập hồn Trương Ba vào xác hàng thịt, cho phép hồn tên Trương Ba tiếp tục sống trong thân hàng thịt. Có nghĩa là từ nay việc đó được coi là hợp pháp, không trái lẽ giời nữa.

Bắc Đẩu

Lệnh thứ hai :

Nam Tào

Cấm tiên Đế Thích từ nay không được làm phép mầu gì dưới hạ giới. Một lát nữa, đúng lúc mặt trời lặn, nếu Đế Thích không có mặt ở Thiên đình, sẽ phải nhận hình phạt nặng nhất mà một người trên Thiên đình phải chịu là...

Bắc Đẩu

Sẽ bị lưu đày xuống hạ giới vĩnh viễn, sẽ không được hưởng sự bất tử của các vị tiên.

Nam Tào

Chỗ bạn bè với nhau, chúng tôi bảo thật : ông phải lo cho thân ông, bỏ cái tính gàn bướng đi !

Bắc Đẩu

Chỗ có bắt chước lũ người cõi trần, nguy đấy, không yên đâu !

ĐT

Này đừng có doạ nhau ! Các ông thì yên à ? Các ông là cái gì mà doạ được tôi ?

Nam Tào

Là tiên Bắc Đẩu, Nam Tào, là quan Thiên đình !

Bắc Đẩu

Là người giữ sổ sinh sổ tử, giữ quyền sinh sát khắp gầm giời.

Nam Tào

Từ khai thiên lập địa đã thế, cho đến mãi về sau vẫn thế, Nam Tào, Bắc Đẩu là chúc không ai thay được !

ĐT

Giao cái chúc không thay thế được cho những kẻ như các ông ? Giao quyền sinh sát cho những kẻ như các ông ? Nguy thật ! Không khéo từ lâu các ông chỉ còn là xác Nam Tào, Bắc Đẩu, chứ hồn thì là ma quý mất rồi, là ma rượu ma thịt mất rồi ! Không trách người ta bảo giờ không có mắt !

Bắc Đẩu

Á à, ông bảo quan Thiên đình là ma, ông lại dám nói xấu giời, ông chết nhá ! Ông ăn cơm đội mũ của ai mà ông nói xấu giời ?

Nam Tào

Không lôi thôi nữa, ông Đế Thích, ông phải trở về Thiên đình mau lén ! Và nhất là chỗ có tham dự vào một việc rắc rối gì nữa ! Cả Thiên đình họ xôn xao lên, nhiều người rất tức giận. Họ bảo những việc rắc rối ông gây ra làm lung tung đảo lộn cả phép giải, sẽ dẫn đến việc dân dưới hạ giới chúng khinh nhon giờ, từ nay ai còn sợ giờ nữa ?

ĐT

Họ không sợ từ lâu, các ông chẳng biết đấy thôi.

Bắc Đẩu

Ông Đế Thích, mặt trời sắp lặn rồi ! Không chần chờ được nữa ! Chúng tôi về trước đây !

Nam Tào

Lần này thì chúng tôi không còn dám bênh che gì cho ông nữa đâu !

Bắc Đẩu

Mà chúng tôi chưa hề bênh che cho ông bao giờ cả. Nói đúng hơn là chúng tôi chẳng liên quan gì tới ông cả, chúng tôi sẽ thưa với Ngọc Hoàng như vậy ! Chúng tôi không thể liên lụy vì ông được !

Nam Tào và Bắc Đẩu biến đi.

ĐT

Lũ hèn ! (Với hồn Trương Ba) Thế là Trời cho phép ông mang thân hàng thịt rồi đấy !

HTB

Trời có cho phép, tôi cũng không cho phép mình. Ông Đế Thích, ta phải nhanh nhanh lên, cho cu Ty mau được sống lại, và tôi được...

ĐT

(Nghẹn ngào) Bác Trương Ba... Hoá ra tôi có lỗi ư ? Đầu mối mọi sự rắc rối chỉ là do tôi, tôi tưởng giúp bác hoá ra tôi làm khổ bác ? Tôi muốn làm điều tốt nhưng mà tôi ngu, tôi dốt. Chỉ vì muốn có người đỡ cõi để mình sướng mình oai mà tôi đãi đoạ hồn bác, bác Trương Ba ! Bác quyết rồi sao ? (Nhìn nét mặt quả quyết của hồn Trương Ba) Thôi được !

HTB

Bác nên sang nhà chị Lụa báo trước để khi cu Ty sống lại, mọi người khỏi kinh hoàng.

ĐT

(Nhìn ra ngoài trời) Sắp tắt nắng ! Như vậy phép mầu cho hồn bác lìa khỏi xác và hồn hàng thịt nhập vào, tôi phải làm từ bên nhà chị Lụa mới kịp đúng trước lúc mặt trời lặn. Tôi phải đi ngay ! Chúng ta chia tay nhau.

HTB

Tôi chờ phép mầu của bác ở đây.

ĐT

Bác còn một lúc để thu xếp sửa soạn.

HTB

Có gì mà phải thu xếp. Trong chuyến đi này, người ta chẳng có hành lý mang theo. Tôi đã sẵn sàng, bác hãy đi đi ! Nhờ bác nói với vợ con tôi đang ở bên nhà cu Ty rằng : hãy về nhà mau, tôi muốn gặp !

ĐT

Bác Trương Ba, bác đã dạy tôi những điều mà trên Thiên đình tôi không được học bao giờ. Lát nữa, sẽ là phép mầu cuối cùng của ông tiên Đế Thích ! Bởi vì... bởi vì... tôi sẽ không trở về giờ đâu !

HTB

Sao ?

ĐT

Họ không cho, mà tôi thì cũng chẳng thiết vè. Tôi chán cõi giời lắm rồi. Tôi sẽ ở lại đây, làm một con người, sống cuộc sống của con người trần thế...

HTB

Nhưng bác sẽ... sẽ...

ĐT

Sẽ không được bất tử ? Thì cũng như bác, như tất cả mọi người. Bất tử - cái đó cũng mệt lắm ! Chỉ hiềm một nỗi : xưa nay tôi là tiên trên giời, trần gian của các bác thì ghê gớm, bí hiểm, tôi lo không sống nổi. Hay là... bác Trương ạ... hay là... tôi nhập hồn bác vào thân xác tôi, ta cùng sống nhé ?

HTB

(Vội lạy Đế Thích) Không, không ! Tôi đã không sống trong xác anh hàng thịt được, không mang thân đứa trẻ được, cũng không thể mang thân một ông tiên được. Rất cảm ơn bác, nhưng không được đâu ! Bác cứ sống với thân bác, hồn bác, rồi bác sẽ tìm được cách sống trong cõi đời ghê gớm nhưng lý thú này... Can đảm lên, bác Đế Thích, chúc bác sung sướng. (Tôi bên Đế Thích) Vĩnh biệt bác !

Lưu Quang Vũ, Hồn Trương Ba da hàng thịt

Thơ Xuân Quỳnh

Sẽ có mãi cô bé mười sáu tuổi

Bài hát tình yêu em hát ngày xưa
Những mơ ước chờ mong tuổi trẻ
Phố xá xanh trong chiều dậy gió
Phòng màn nhung, quá khứ của đời em

Về đâu rồi điệu hát thân quen
Những tà áo muôn màu rực rỡ
Dòng sông chảy suốt bài ca một thuở
Những khu rừng, thành phố, xóm làng xa...

Về đâu rồi cô bé ngày xưa
Mười sáu tuổi đâu rồi năm tháng cũ
Dòng nhật ký còn nguyên trong cuốn sổ
Về những làng những phố những tình yêu

Chiều mùa xuân nước xiết chân cầu
Nhà hát đã lên đèn trong tiếng nhạc
Bài hát nói về bao điều khao khát
Vẫn tình yêu muôn thuở tự ngày xưa

Phòng màn xanh, thời gian của bấy giờ
Người đứng hát trẻ trung như lời hát
Gió thao thức những chân trời phiêu bạt
Thổi điên cuồng trên tà áo thơ ngày

A mùa xuân như cầm được trên tay
Và tuổi trẻ vẫn muôn đời tiếp nối
Sẽ có mãi cô bé mười sáu tuổi
Đầu tóc em năm tháng đổi thay màu

11-1982

Thơ tình cuối mùa thu

Cuối trời mây trắng bay
Lá vàng thưa thớt quá
Phải chăng lá về rừng
Mùt thu đi cùng lá

Mùa thu ra biển cả
Theo dòng nước mênh mang
Mùa thu và hoa cúc
Chỉ còn anh và em

Chỉ còn anh và em
Là của mùa thu cũ
Chợt l่าน gió heo may
Thổi về xao động cả :

Lối đi quen bỗng lạ
Cỏ lật theo chiều mây
Đêm về sương uốt má
Hơi lạnh qua bàn tay
Tình ta như hàng cây
Đã qua mùa bão gió
Tình ta như dòng sông
Đã yên ngày thác lũ

Thời gian như là gió
Mùa đi cùng tháng năm
Tuổi theo mùa đi mãi
Chỉ còn anh và em

Chỉ còn anh và em
Cùng tình yêu ở lại...
- Kìa bao người yêu mới
Đi qua cùng heo may
1983 (?)

Mục lục

2 Bạn đọc và Diễn đàn

Thời sự & những vấn đề

5 Tin tức và bình luận

12 Hồ sơ Lê Hồng Hà

16 Chuyện nhỏ thổi cho to

Văn hóa, văn học, nghệ thuật

17 60 năm Hội truyền bá quốc ngữ Nguyễn Hữu Đặng

23 Hội thảo quốc tế về Việt Nam học Nguyễn Văn Ký

25 Một sứ gia trên dòng sử học Bùi Mộng Hùng

28 Đọc thơ Nguyễn Xuân Thiệp Đặng Tiến

31 Đọc Trăng goá của Lê Minh Hà Hoài Văn

35 Lưu ly (trích tiểu thuyết) Dương Thu Hương

40 Con gái thuỷ thần III Nguyễn Huy Thiệp

43 Ăn ngon : điểm gấp gáp... H.T.Vân & L.Q

45 Hồn Trương Ba da hàng thịt (trích) Lưu Quang Vũ

48 Thơ Xuân Quỳnh

Kỷ niệm 10 năm ngày mất của : Bùi Xuân Phái, Xuân Quỳnh, Lưu Quang Vũ, Quang Dũng, Thanh Tịnh..;

Bìa : Chân dung Bùi Xuân Phái tự họa, sơn dầu, 1984.

DIỄN ĐÀN forum

Directeur de publication : Nguyễn Quang Đỗ * Imprimé par nos soins
Dépôt Légal : 178/91* Commission Paritaire : AS 7 324 * Prix : 25 F.

Địa chỉ bưu điện :

BP 50, 92340 BOURG-LA-REINE (Pháp)

Fax : từ Pháp : 01 45 88 54 58 ; quốc tế : 33 1 45 88 54 58

Địa chỉ điện tử (E-Mail) :

diendan_forum@hol.fr

Đại diện ở các nước :

Đức : TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG
Ba Lan : ANNA LE DUC, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19

Thể lệ mua báo : xin coi trang 4

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa Mac (font ThinArt) hay PC (font VNI, PDT...) ; hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet)